

TÊN TỔ CHỨC  
ORGANIZATION NAME  
CÔNG TY CỔ PHẦN  
THUẬN ĐỨC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số: 1701/2024/CBTT-TDP

No: 1701/2024/CBTT-TDP

Hung Yên, ngày 17 tháng 01 năm 2024

Hung Yen, day 17 month 01 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG  
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

- Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.
- To: - The State Securities Commission;  
- Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty cổ phần Thuận Đức

- Mã chứng khoán/Stock code: TDP

- Địa chỉ/Address: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02213.810.705

Fax: 02213.810.706

- E-mail: info@thuanducjsc.vn

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure: Công ty cổ phần Thuận Đức công bố thông tin Bán cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng và tài liệu đính kèm.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày tại đường dẫn/This information was published on the company's website on (date), as in the link:

Ngày 17/01/2024 tại đường dẫn: <https://thuanducjsc.vn/quan-he-co-dong/cong-bo-cong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

Tài liệu đính kèm/Attached documents:

Tài liệu liên quan đến nội dung thông tin công bố/Documents on disclosed information.

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT

Person authorized to disclose information

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)  
(Signature, full name, position, and seal)



TỔNG GIÁM ĐỐC  
BÙI QUANG SỸ

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHỨNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

## BẢN CÁO BẠCH CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 ngày 17/07/2023)



Thuanduc Jsc.,

### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số .../GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 15 tháng 01 năm 2024)

### ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại những địa điểm dưới đây từ ngày ...../...../2024.

#### 1. CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Điện thoại: 0221 3 810705

Fax: 0221 3 810706

Website: <https://thuanducjsc.vn/>

Email: [info@thuanducjsc.vn](mailto:info@thuanducjsc.vn)

#### 2. CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q. Đống Đa, TP. Hà Nội

Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>

#### 3. PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Ông Bùi Quang Sỹ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Điện thoại: 0983 057 777



## CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 ngày 17/07/2023)

### CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

<b>Tên trái phiếu:</b>	Trái Phiếu TDPH2326001
<b>Loại trái phiếu:</b>	Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền
<b>Mệnh giá:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Giá chào bán:</b>	100.000 đồng/trái phiếu
<b>Tổng số lượng trái phiếu chào bán:</b>	3.000.000 trái phiếu
<b>Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá:</b>	300.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba trăm tỷ đồng)
<b>Kỳ hạn trái phiếu:</b>	03 năm
<b>Lãi suất:</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>▪ Lãi suất áp dụng cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 11,2%/năm</li><li>▪ Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “<b>Ngân Hàng Tham Chiếu</b>” và gọi chung là “<b>Các Ngân Hàng Tham Chiếu</b>”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“<b>Lãi Suất Tham Chiếu</b>”) cộng với (ii) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo tối thiểu là 11% trong mọi trường hợp.</li></ul>

#### 1. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ ĐẠI LÝ PHÁT HÀNH, ĐẠI DIỆN NGƯỜI SỞ HỮU TRÁI PHIẾU, TỔ CHỨC QUẢN LÝ TÀI SẢN BẢO ĐẢM

##### Công ty cổ phần Chứng khoán MB

<b>Địa chỉ:</b>	Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, TP Hà Nội
<b>Điện thoại:</b>	02473.045688
<b>Website:</b>	<a href="https://mbs.com.vn/">https://mbs.com.vn/</a>

#### 2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

##### Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

<b>Địa chỉ trụ sở chính:</b>	Tầng 8, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội.
<b>Điện thoại:</b>	+84 24 3831 5100
<b>Website:</b>	<a href="http://ey.com">ey.com</a>



**MỤC LỤC**

<b>I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH ...</b>	<b>7</b>
1. Tổ chức phát hành.....	7
2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành.....	7
<b>II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>	<b>8</b>
1. Rủi ro về kinh tế.....	8
2. Rủi ro về luật pháp.....	10
3. Rủi ro đặc thù ngành.....	10
4. Rủi ro về đợt chào bán.....	12
5. Rủi ro về quản trị công ty.....	12
6. Rủi ro khác.....	13
<b>III. CÁC KHÁI NIỆM.....</b>	<b>14</b>
<b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH .....</b>	<b>15</b>
1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành.....	15
2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	15
3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành.....	17
4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành.....	17
5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối.....	21
6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty.....	24
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành.....	31
8. Hoạt động kinh doanh.....	31
9. Thông tin về cổ đông lớn.....	53
10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng.....	56
11. Chính sách cổ tức.....	68
12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại.....	68
13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành.....	68
14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.....	69
15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.....	69
<b>V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH.....</b>	<b>70</b>
1. Kết quả hoạt động kinh doanh.....	70
2. Tình hình tài chính.....	72
3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành.....	80
4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm.....	80
5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận.....	81
6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo.....	82
<b>VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN .....</b>	<b>82</b>
1. Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty cổ phần Thuận Đức.....	82
2. Mã trái phiếu: TDPH2326001.....	82
3. Loại trái phiếu: Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản.....	82
4. Mệnh giá: 100.000 đồng/trái phiếu.....	82
5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán.....	82
6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng.....	83



7. Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm.....	83
8. Lãi suất.....	83
9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc.....	84
10. Giá chào bán: 100.000 đồng/trái phiếu.....	85
11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động.....	85
12. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu.....	85
13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.....	87
14. Cam kết về bảo đảm.....	88
15. Việc mua lại trái phiếu trước hạn.....	94
16. Sự kiện vi phạm.....	95
17. Phương thức phân phối.....	99
18. Đăng ký mua trái phiếu.....	99
19. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu.....	100
20. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng.....	101
21. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu.....	101
22. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức Phát hành.....	101
23. Các loại thuế có liên quan.....	101
24. Thông tin về các cam kết.....	102
25. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt.....	102
26. Địa chỉ đăng ký.....	103
27. Luật điều chỉnh.....	103
<b>VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....</b>	<b>103</b>
<b>VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>103</b>
1. Kế hoạch sử dụng vốn.....	103
2. Kế hoạch trả nợ.....	105
<b>IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN.....</b>	<b>108</b>
<b>X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....</b>	<b>108</b>
<b>XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH.....</b>	<b>109</b>
<b>XII. PHỤ LỤC.....</b>	<b>111</b>



**BẢNG**

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty.....	24
Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 04/08/2023.....	31
Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2021, năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2023 .....	37
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023.....	37
Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023.....	37
Bảng 6: Lợi nhuận gộp Công ty hợp nhất theo sản phẩm năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023 của TDP.....	38
Bảng 7: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023 của TDP.....	38
Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021.....	39
Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021.....	39
Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022.....	39
Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022.....	40
Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/09/2023.....	40
Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/09/2023.....	40
Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ.....	41
Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất.....	41
Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ.....	41
Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất.....	42
Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TDP trong giai đoạn 2021, 2022 đến thời điểm hiện tại.....	43
Bảng 19: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty.....	53
Bảng 20: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần.....	54
Bảng 21: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty.....	68
Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023.....	70
Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023.....	70
Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất.....	72
Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ.....	72
Bảng 26: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của Công ty mẹ.....	73
Bảng 27: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của Công ty hợp nhất.....	74
Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất.....	76
Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ.....	77
Bảng 30: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất.....	77
Bảng 31: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ.....	78
Bảng 32: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất.....	78
Bảng 33: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ.....	78
Bảng 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất.....	78
Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ.....	79
Bảng 36: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hợp nhất.....	81



## HÌNH

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2022 (%) .....	8
Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2022 (%) .....	9
Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành.....	17
Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát Hành.....	18
Hình 5: Quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP .....	33
Hình 6: Lưu đồ và quy trình sản xuất tổng thể túi shoppings.....	34
Hình 7: Tổng hợp quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP .....	36



## NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

#### 1. Tổ chức phát hành

Ông Nguyễn Đức Cường

Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông Bùi Quang Sỹ

Chức vụ: Tổng Giám đốc

Bà Đào Thị Nga

Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản cáo bạch.

#### 2. Tổ chức Tư vấn và Đại lý Phát hành

Người đại diện được ủy quyền:

Bà: Lê Thị Thu Hiền

Chức vụ: Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

(Theo Giấy ủy quyền số 59/2022/MBS-UQ ngày 08 tháng 07 năm 2022 của Người đại diện theo pháp luật Công ty cổ phần Chứng khoán MB).

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Công ty cổ phần Chứng Khoán MB tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn phát hành trái phiếu ra công chúng số 01/2023/MBS/IBHN-HĐTƯV ngày 31 tháng 03 năm 2023 với Công ty cổ phần Thuận Đức. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty cổ phần Thuận Đức cung cấp.

*[Phần còn lại của trang được cố ý để trống]*



## II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhà đầu tư nên xem xét cân trọng các nhân tố rủi ro và các nhân tố/sự kiện không chắc chắn được mô tả bên dưới, cùng với các thông tin trong Bản Cáo Bạch này. Hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi đáng kể bởi bất kỳ rủi ro nào trong số đó. Những rủi ro được mô tả dưới đây không phải là những rủi ro duy nhất liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc Trái Phiếu. Những rủi ro và những khả năng không chắc chắn khác mà Tổ Chức Phát Hành hiện không biết đến, hoặc cho là không quan trọng, cũng có thể ảnh hưởng bất lợi đến việc đầu tư vào Trái Phiếu.

### 1. Rủi ro về kinh tế

Hoạt động của các doanh nghiệp đều chịu ảnh hưởng trực tiếp từ các biến động vĩ mô của nền kinh tế với các yếu tố như tốc độ tăng trưởng kinh tế (GDP), chỉ số lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái...

#### 1.1 Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng kinh tế là một trong những nhân tố quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp đến tốc độ tăng trưởng của hầu hết các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế. Tăng trưởng kinh tế nói chung sẽ làm tăng nhu cầu tiêu dùng xã hội, thúc đẩy sự gia tăng của sản lượng công nghiệp và giúp cho các doanh nghiệp mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm của mình. Do ảnh hưởng từ dịch bệnh Covid - 19, theo số liệu của Tổng cục Thống kê, GDP năm 2021 của Việt Nam tăng 2,58%.

Mặc dù vậy, nền kinh tế Việt Nam luôn duy trì tốc độ tăng trưởng ở mức cao và ổn định so với các nước trong khu vực và trên thế giới ở những năm trước đại dịch. Tại giai đoạn hậu Covid-19, Việt Nam nằm trong nhóm nước được các tổ chức kinh tế thế giới dự báo có GDP tăng trưởng cao từ 6% - 6,5%/năm.

GDP năm 2022 tăng 8,02%, đây là mức tăng cao nhất trong giai đoạn 2011-2022. GDP 9 tháng năm 2023 tăng 4,24% so với cùng kỳ năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,19% và 1,57% của 9 tháng các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023.

Hình 1: Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2013-2022 (%)



Nguồn: Tổng cục Thống kê

Ngành sản xuất bao bì là một ngành công nghiệp phụ trợ cho ngành sản xuất chung giữ vai trò trọng điểm, góp phần đáng kể cho sự tăng trưởng của kinh tế tài chính. Tuy nhiên, ngành



sản xuất bao bì cũng là ngành có sức ảnh hưởng và khá phụ thuộc vào tình hình tăng trưởng kinh tế.

Trong xu hướng tổng thể kinh tế - xã hội đã có đà phát triển tốt, nhiều thuận lợi từ môi trường quốc tế có thể mang tới cơ hội cho Việt Nam nói chung cũng như ngành bao bì nói riêng, tuy nhiên những cơ hội này cũng tiềm ẩn nhiều rủi ro và thách thức. Tình hình kinh tế thế giới tiếp tục tăng trưởng chậm lại, căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung, chiến tranh Nga - Ukraine, các hậu quả do dịch bệnh Covid - 19 gây ra với quy mô toàn cầu và vấn đề địa chính trị càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại và kinh tế, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư và thương mại toàn cầu.

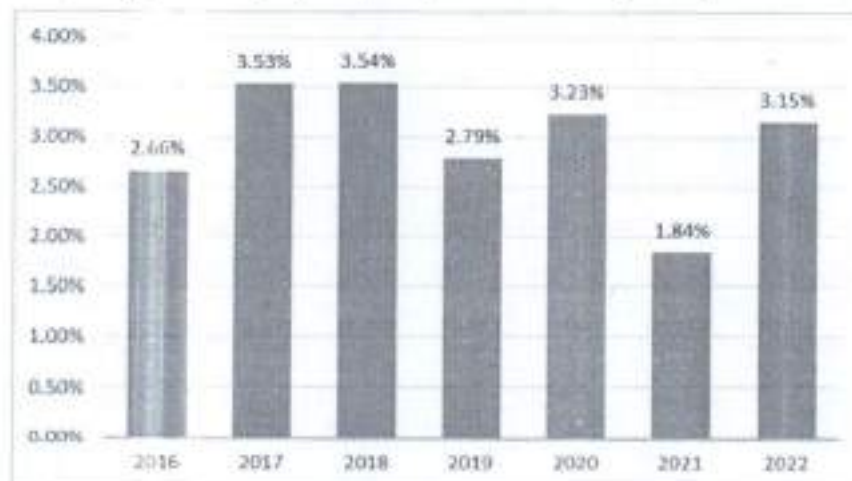
### 1.2 Rủi ro lạm phát

Các rủi ro tài chính của doanh nghiệp thường gắn liền với xu hướng lạm phát trong nền kinh tế. Lạm phát gia tăng sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả đầu tư tài chính của các doanh nghiệp, ảnh hưởng đến sức mua của người tiêu dùng và gián tiếp tác động tiêu cực đến tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong ngành bao bì.

Trong những năm gần đây, Chính Phủ luôn đề ra mục tiêu tăng trưởng kinh tế cao đi kèm với kiểm soát lạm phát ở mức dưới 4% bằng việc thực hiện các chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ linh hoạt.

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, chỉ số lạm phát bình quân năm 2021 (CPI) tăng 1,84% so với năm trước, mức tăng thấp nhất kể từ năm 2016. Năm 2022, lạm phát cơ bản tăng 3,15% so với cùng kỳ năm 2021 đạt mục tiêu Quốc hội đề ra. Giá xăng dầu trong nước liên tục tăng cao theo giá nhiên liệu thế giới; giá hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng thiết yếu tăng theo giá nguyên liệu đầu vào và chi phí vận chuyển là những nguyên nhân chủ yếu làm CPI năm 2022 tăng. Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 9/2023 tăng 1,08% so với tháng trước. So với tháng 12/2022, CPI tháng Chín tăng 3,12% và so với cùng kỳ năm trước tăng 3,66%. CPI bình quân quý III/2023 tăng 2,89% so với quý III/2022. Tính chung 9 tháng năm nay, CPI tăng 3,16% so với cùng kỳ năm trước; lạm phát cơ bản tăng 4,49%

Hình 2: Tốc độ tăng chỉ số lạm phát (CPI) của các năm giai đoạn 2016-2022 (%)



Nguồn: Tổng cục thống kê

Rủi ro về lạm phát giá cả ảnh hưởng tới chi tiêu của toàn nền kinh tế, tác động đến tất cả các ngành nghề kinh doanh nói chung và sản xuất bao bì nói riêng. Lạm phát gia tăng sẽ đẩy giá nguyên vật liệu, chi phí đầu vào của doanh nghiệp tăng. Nếu mức tăng giá của thành phẩm không đủ để bù mức tăng giá của chi phí đầu vào thì tỷ suất lợi nhuận của doanh nghiệp sẽ bị giảm tương ứng.



Tuy nhiên, một môi trường lạm phát được kiểm soát tốt sẽ hỗ trợ tích cực cho hoạt động kinh doanh sản xuất lâu dài của doanh nghiệp. Công ty cũng cần theo dõi sát sao tình hình kinh tế vĩ mô và các dự báo thị trường để giảm thiểu rủi ro về giá thông qua điều chỉnh định hướng kinh doanh linh hoạt, phù hợp tình hình.

### **1.3 Rủi ro về lãi suất**

Đối với doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Trong năm 2022, theo số liệu của Ngân hàng Nhà nước tăng trưởng tín dụng đạt tốc độ 14,5% so với cuối năm 2021. Trong khi tín dụng cả năm tăng mạnh, các ngân hàng lại gặp khó trong việc huy động tiền gửi, bất chấp lãi suất huy động liên tục tăng cao, có thời điểm mức lãi suất phổ biến kỳ hạn 12 tháng lên tới 9-10%/năm.

Lãi suất huy động giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm 2023, giảm 2-2,5% so với đầu năm, tương đương mức trước dịch Covid-19, trong bối cảnh: (i) Ngân hàng nhà nước 4 lần hạ lãi suất điều hành và trần huy động tiền gửi ngắn hạn; (ii) thanh khoản hệ thống ngân hàng được cải thiện (tổng phương tiện thanh toán hết 9 tháng đầu năm tăng 4,75%, huy động vốn tăng 5,8% trong khi tín dụng tăng khá thấp (5,91%) so với đầu năm. Lãi suất cho vay giảm từ 1-2% so với đầu năm trong bối cảnh lãi suất đầu vào giảm và Chính phủ, Ngân hàng nhà nước yêu cầu giảm lãi suất cho vay từ 1,5-2%.

Để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty có sử dụng nguồn vốn vay ngắn hạn và dài hạn từ các ngân hàng. Tại ngày 30/09/2023, tổng nợ vay dài hạn và ngắn hạn của Công ty là 2.242 tỷ đồng chiếm 66,72% tổng tài sản. Vì vậy, bất kỳ sự thay đổi nào của Ngân hàng Nhà nước và các ngân hàng thương mại về chính sách tiền tệ, lãi suất cũng sẽ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Lãi suất tăng làm chi phí tài chính tăng ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

## **2. Rủi ro về luật pháp**

Hoạt động dưới sự điều chỉnh của pháp luật Việt Nam, Công ty chịu nhiều rủi ro do hệ thống pháp luật chưa chặt chẽ và còn nhiều quy định chồng chéo. Bất kỳ điều chỉnh nào trong những quy định Luật Doanh nghiệp, Luật Thương mại, Luật Thuế thu nhập Doanh nghiệp và quy định khác liên quan đến ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty đều có ảnh hưởng và tác động đến hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty.

Ngoài ra, với việc cổ phiếu của Công ty đang giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty còn phải tuân thủ theo các quy định của Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán cùng với các quy định pháp luật liên quan khác.

Hệ thống pháp luật Việt Nam vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, vì thế, các luật và văn bản hướng dẫn có thể sẽ còn được điều chỉnh cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế. Những thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch và hoạt động kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro luật pháp, Tổ Chức Phát Hành luôn theo dõi các thay đổi về chính sách, kịp thời điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó...

## **3. Rủi ro đặc thù ngành**

### **3.1 Rủi ro tỷ giá**



Hàng hóa xuất khẩu của Công ty chiếm khoảng 40% tổng doanh thu, và khoảng 10% nguyên vật liệu (hạt nhựa nguyên sinh) của Công ty cũng được nhập khẩu. Hầu hết doanh thu xuất khẩu được thanh toán bằng USD, việc mua nguyên vật liệu chủ yếu được thanh toán bằng VND và một phần nhỏ là USD. Do đó việc điều hành chính sách tỷ giá hối đoái của Ngân Hàng Nhà Nước cũng như tỷ giá hối đoái trên thị trường sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động của Công ty.

Hiện Ngân Hàng Nhà Nước đang điều hành chính sách tỷ giá linh hoạt và tỷ giá USD/VND thường có xu hướng tăng, tuy nhiên tỷ giá USD/VND vẫn có thể biến động giảm. Mà thị trường các nước liên minh châu Âu (EU) lại là thị trường lớn nhất của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành có thể hạn chế các rủi ro tỷ giá thông qua các công cụ tài chính, Tổ Chức Phát Hành không thể đảm bảo rằng các biến động tỷ giá sẽ không ảnh hưởng tiêu cực đến tình hình kinh doanh và triển vọng của Công ty.

### **3.2 Rủi ro về các thị trường xuất khẩu**

Những thay đổi trong các chính sách từ các thị trường nhập khẩu có thể có những ảnh hưởng theo chiều hướng khác nhau của Công ty.

Châu Âu đang siết chặt những các quy định về quản lý hóa chất ngành nhựa, nghị viện EU cũng đã thông qua luật cấm sử dụng sản phẩm nhựa 1 lần cũng như đã tạo điều kiện thuận lợi cho ngành sản xuất túi PP của Việt Nam. Tuy nhiên, nếu chính sách thay đổi thì có thể ảnh hưởng đến ngành sản xuất túi PP của Việt Nam.

Ngoài ra, hàng hóa của Việt Nam cũng như của một số quốc gia khác còn phải đối mặt với các nguy cơ bị kiện bán phá giá và áp mức thuế chống bán phá giá nhằm bảo vệ ngành bao bì nhựa của nước nhập khẩu như Mỹ, EU, Nhật Bản. Những thay đổi trong chính sách này có thể ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu của Tổ Chức Phát Hành khi mà 40% doanh thu đến từ các hoạt động xuất khẩu.

### **3.3 Rủi ro cạnh tranh**

Cạnh tranh trên thị trường trong nước và ngoài nước có thể có những ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất cũng như khả năng sinh lời của Công ty cổ phần Thuận Đức.

Với mức biên lợi nhuận có tiềm năng phát triển lớn cũng như thời gian thu hồi vốn nhanh, nên những năm gần đây số lượng doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực sản xuất sản phẩm bao bì nhựa ngày càng gia tăng đáng kể. Quy mô của các doanh nghiệp này hầu hết vẫn là nhỏ lẻ, tuy nhiên nhiều doanh nghiệp tham gia sản xuất lĩnh vực này có khả năng tạo ra áp lực cạnh tranh đối với Công ty. Ngoài ra, sức ép cạnh tranh còn đến từ các doanh nghiệp FDI do có nhiều lợi thế hơn so với các doanh nghiệp trong nước về máy móc, công nghệ, kinh nghiệm quản trị và tài chính. Đặc biệt, các doanh nghiệp FDI chấp nhận lỗ từ 3 – 5 năm để chiếm lĩnh thị trường.

Bên cạnh đó, ngành Nhựa Việt Nam hiện nay tuy phát triển nhưng vẫn còn là ngành khá non trẻ. Số lượng doanh nghiệp nhiều nhưng 80% là doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với trình độ công nghệ khá hạn chế, đa phần là xưởng gia công cho các doanh nghiệp nước ngoài, khoảng 85% thiết bị máy móc trong ngành phải nhập ngoại, trong đó có nhập từ Trung Quốc. Do đó, khi tham gia vào chuỗi cung ứng toàn cầu, các doanh nghiệp Việt Nam nói chung và Công ty cổ phần Thuận Đức nói riêng phải đối mặt với nhiều đối thủ cạnh tranh lớn như Trung Quốc. Các doanh nghiệp nhựa Trung Quốc có thời gian hoạt động lâu năm với lợi thế nổi bật như mẫu mã đa dạng, giá thành rẻ, khả năng cung ứng nhanh. Tuy nhiên, các doanh nghiệp Trung Quốc phải đối mặt với các hàng rào thuế quan khi xuất khẩu và tiêu thụ



tại thị trường Việt Nam và khi xuất khẩu sang thị trường Mỹ và châu Âu thì phải chịu tác động của rào cản chiến tranh thương mại cùng các loại thuế suất khác.

### **3.4 Rủi ro về chất lượng sản phẩm**

Là doanh nghiệp sản xuất trong lĩnh vực bao bì đòi hỏi sự chính xác và công nghệ cao, sản phẩm đầu ra có thể gặp rủi ro không đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật và bị người mua từ chối. Sản phẩm của Công ty được quyết định bởi các yếu tố quan trọng là chất lượng thành phẩm, tiến độ giao hàng và sự ổn định nguồn nguyên liệu. Hiện nay, Công ty cổ phần Thuận Đức đang có nguồn nguyên liệu dồi dào và ổn định, do đó rủi ro về chất lượng đầu ra chủ yếu đến từ quá trình sản xuất, trong đó sai sót trong thao tác của người lao động là một trong những nguyên nhân chính, đặc biệt là tại các nhà máy. Để giảm thiểu rủi ro này, Công ty đã thiết lập một quy trình kiểm chất lượng sản phẩm nghiêm ngặt trước khi xuất kho.

Do ngành nhựa bao bì có mức độ cạnh tranh cao, nên chất lượng, mẫu mã cũng như thương hiệu của Công ty phải luôn luôn cải tiến và nâng cao chất lượng, vị thế trên thị trường.

## **4. Rủi ro về đợt chào bán**

### ***Đợt chào bán có thể không thành công như dự kiến***

Hiện tại, thị trường trái phiếu có nhiều yếu tố bất lợi do lãi suất tăng cao, thanh khoản kém, niềm tin của nhà đầu tư suy giảm.

Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo rằng sẽ có một thị trường giao dịch sôi động cho các Trái Phiếu và không có gì bảo đảm được tính thanh khoản của các Trái Phiếu trên thị trường thứ cấp. Giá thiết có thị trường giao dịch cho Trái Phiếu thì Trái Phiếu có thể được giao dịch với giá cao hơn hoặc thấp hơn giá phát hành ban đầu tùy thuộc vào nhiều yếu tố như lãi suất trên thị trường tại thời điểm giao dịch, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và thị trường giao dịch của các chứng khoán tương tự.

### ***Rủi ro sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán***

Do đặc thù liên quan đến mục đích chào bán của Trái Phiếu (như được trình bày tại mục VII của Bản Cáo Bạch này), việc sử dụng vốn thu được sẽ phụ thuộc nhiều vào việc Tổ Chức Phát Hành có thể hoàn tất chào bán đúng như thời gian dự kiến. Vì vậy, trong trường hợp vì các lý do khách quan mà việc chào bán bị kéo dài, Tổ Chức Phát Hành có thể sẽ không sử dụng vốn thu được để thanh toán cho các khoản vay khác của Tổ Chức Phát Hành như kế hoạch dự tính. Tổ Chức Phát Hành sẽ luôn nỗ lực để phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ hoàn tất việc chào bán như dự kiến, tuy nhiên nếu trường hợp như được nêu trên xảy ra, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đến nhà đầu tư và các trách nhiệm có liên quan khác.

## **5. Rủi ro về quản trị công ty**

Quản trị công ty liên quan đến những biện pháp nội bộ để điều hành và kiểm soát hoạt động công ty trong các mối quan hệ giữa Ban giám đốc, Hội đồng quản trị và các cổ đông của công ty với các bên có quyền lợi liên quan.

Rủi ro quản trị công ty thường xảy ra trong trường hợp xung đột lợi ích giữa các mối quan hệ nêu trên, ảnh hưởng đến mục tiêu vì lợi ích chung, lợi ích của công ty. Xung đột lợi ích được thể hiện ở các vấn đề như giao dịch có nguy cơ tư lợi, lạm dụng tài sản hoặc cơ hội của công ty phục vụ lợi ích riêng và cạnh tranh với công ty. Việc không kiểm soát được các xung đột nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại lớn cho tài sản, bí mật kinh doanh và cơ hội kinh doanh của Tổ chức phát hành.



## 6. Rủi ro khác

Bên cạnh những nhân tố rủi ro trên, còn một số nhân tố rủi ro mang tính bất khả kháng như: thiên tai, chiến tranh hay dịch bệnh trên quy mô lớn. Nếu những rủi ro này xảy ra sẽ để lại những hậu quả thực sự nghiêm trọng, tác động trực tiếp đến hoạt động kinh doanh và phát triển của Công ty.

**DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.**

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



**III. CÁC KHÁI NIỆM**

UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
VSDC	:	Tổng Công ty Bù trừ và Lưu ký Chứng khoán Việt Nam
TTCK	:	Thị trường chứng khoán
Công ty/TDP/Thuận Đức	:	Công ty cổ phần Thuận Đức
Điều lệ	:	Điều lệ Công ty cổ phần Thuận Đức
MBS	:	Công ty cổ phần Chứng khoán MB
Giấy CNĐKDN	:	Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp
DHĐCĐ	:	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	:	Hội đồng Quản trị
BKS	:	Ban Kiểm soát
BGD	:	Ban Giám đốc
CK	:	Chứng khoán
TSCĐ	:	Tài sản cố định
Thuế TNDN	:	Thuế Thu nhập Doanh nghiệp
CD	:	Cổ đông
DVT	:	Đơn vị tính
CBCNV	:	Cán bộ, công nhân viên
HD	:	Hợp đồng
CBTT	:	Công bố thông tin
CPTPP	:	Hiệp định Đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương
FTA	:	Hiệp định thương mại tự do



#### IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

##### 1. Thông tin chung về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Công ty đầy đủ: CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC
- Tên Công ty viết tắt: THUANDUC.,JSC
- Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THUAN DUC JOINT STOCK COMPANY
- Giấy CNĐKDN: Số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 17/07/2023
- Trụ sở chính: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Điện thoại: (+84) 221.3810.705
- Fax: (+84) 221.3810.706
- Vốn điều lệ: 755.279.930.000 đồng (*Bằng chữ: Bảy trăm năm mươi lăm tỷ, hai trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi nghìn đồng*).
- Ngành nghề kinh doanh chính: Sản xuất các sản phẩm từ plastic  
Chi tiết: sản xuất nhựa tái chế, bao bì dệt các loại
- Người đại diện theo pháp luật: Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch HĐQT
- Mã cổ phiếu: TDP
- Sàn niêm yết: Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

##### 2. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Thuận Đức được thành lập năm 2007 với 01 nhà máy sản xuất bao bì hạt nhựa tái chế và bao dệt PP. Trải qua hơn 16 năm hình thành và phát triển, Công ty đã từng bước phát triển, nghiên cứu, đổi mới sản phẩm, phát triển mạng lưới.

Hiện tại, TDP là doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất các sản phẩm từ Polypropylene (PP) tại Việt Nam dựa trên việc chú trọng đầu tư vào công nghệ, con người, sản phẩm và hệ thống khách hàng. Với các sản phẩm ưu việt như bao bì nông sản, bao bì thức ăn chăn nuôi, bao bì phân bón... TDP đang là đối tác cung cấp chính cho nhiều doanh nghiệp uy tín như Công ty cổ phần KKF, Công ty CP Vật tư Thiết bị Hải Nam, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty TNHH Sunjin F&F... và hơn 200 đại lý trên toàn quốc.

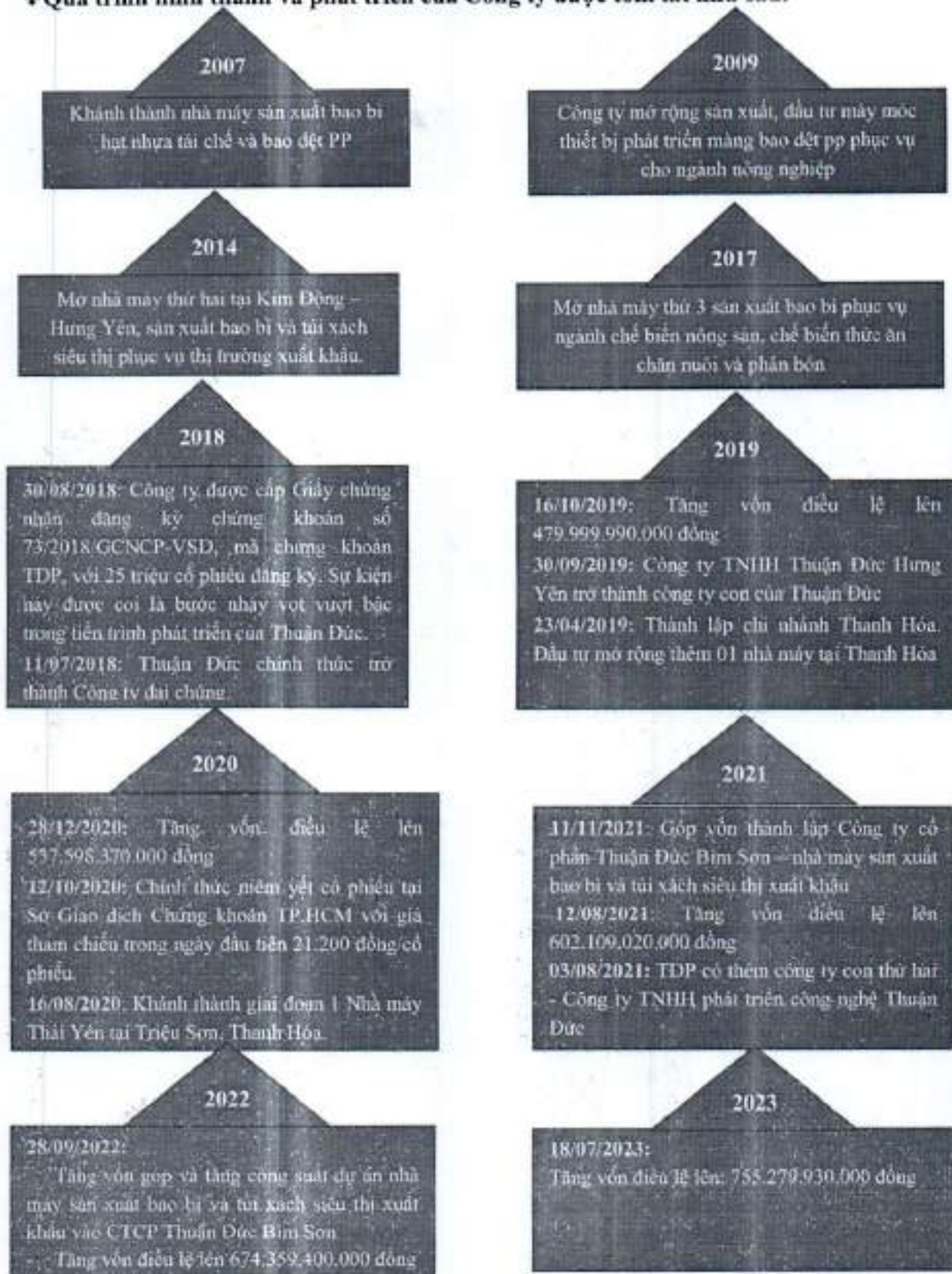
Đặc biệt, dòng sản phẩm túi siêu thị thân thiện với môi trường của Thuận Đức rất được ưa chuộng ở nhiều nước trên thế giới, ngay cả với các thị trường khó tính như Mỹ, Nhật Bản, EU. TDP hiện đang là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của nhiều tập đoàn bán lẻ lớn trên thế giới.

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Thuận Đức vinh dự đứng vị trí số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2022 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 04 tháng 10 năm 2022. Bảng xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (i) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất; (ii) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding – mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh



hường; (iii) Khảo sát đối tượng nghiên cứu và các bên liên quan được thực hiện trong tháng 8-9/2022.

❖ **Quá trình hình thành và phát triển của Công ty được tóm tắt như sau:**

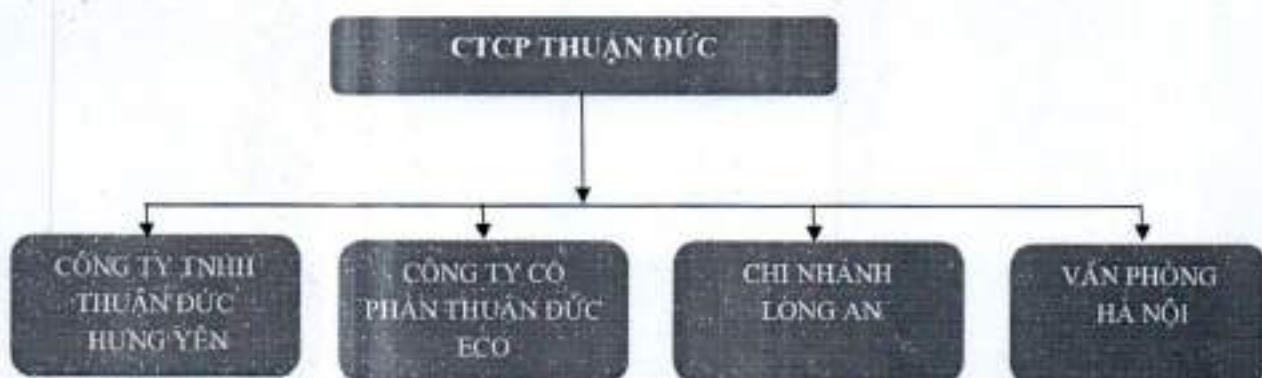




### 3. Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát hành

Hiện nay, Công ty cổ phần Thuận Đức hiện có trụ sở Công ty đặt tại thôn Bằng Ngang, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, một công ty con (Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên), một công ty liên kết (Công ty cổ phần Thuận Đức Eco), một chi nhánh tại Long An và một văn phòng tại Hà Nội.

Hình 3: Cơ cấu tổ chức của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: TDP

❖ **Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên**

Địa chỉ: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

❖ **Công ty cổ phần Thuận Đức Eco**

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

❖ **Văn phòng Hà Nội**

Địa chỉ: TM3 TM4 Tòa H4 Hope Residence, Phố Chu Huy Mân, Phường Phúc Đồng, Quận Long Biên, Hà Nội.

Văn phòng đại diện là văn phòng làm việc của đội ngũ kinh doanh quốc tế, là nơi liên lạc giữa khu vực Hà Nội với trụ sở Công ty và các nhà máy tại Hưng Yên, Thanh Hóa.

❖ **Chi nhánh Long An**

Địa chỉ: Số 247B, Ấp 4, xã Hướng Thọ Phú, thành phố Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.

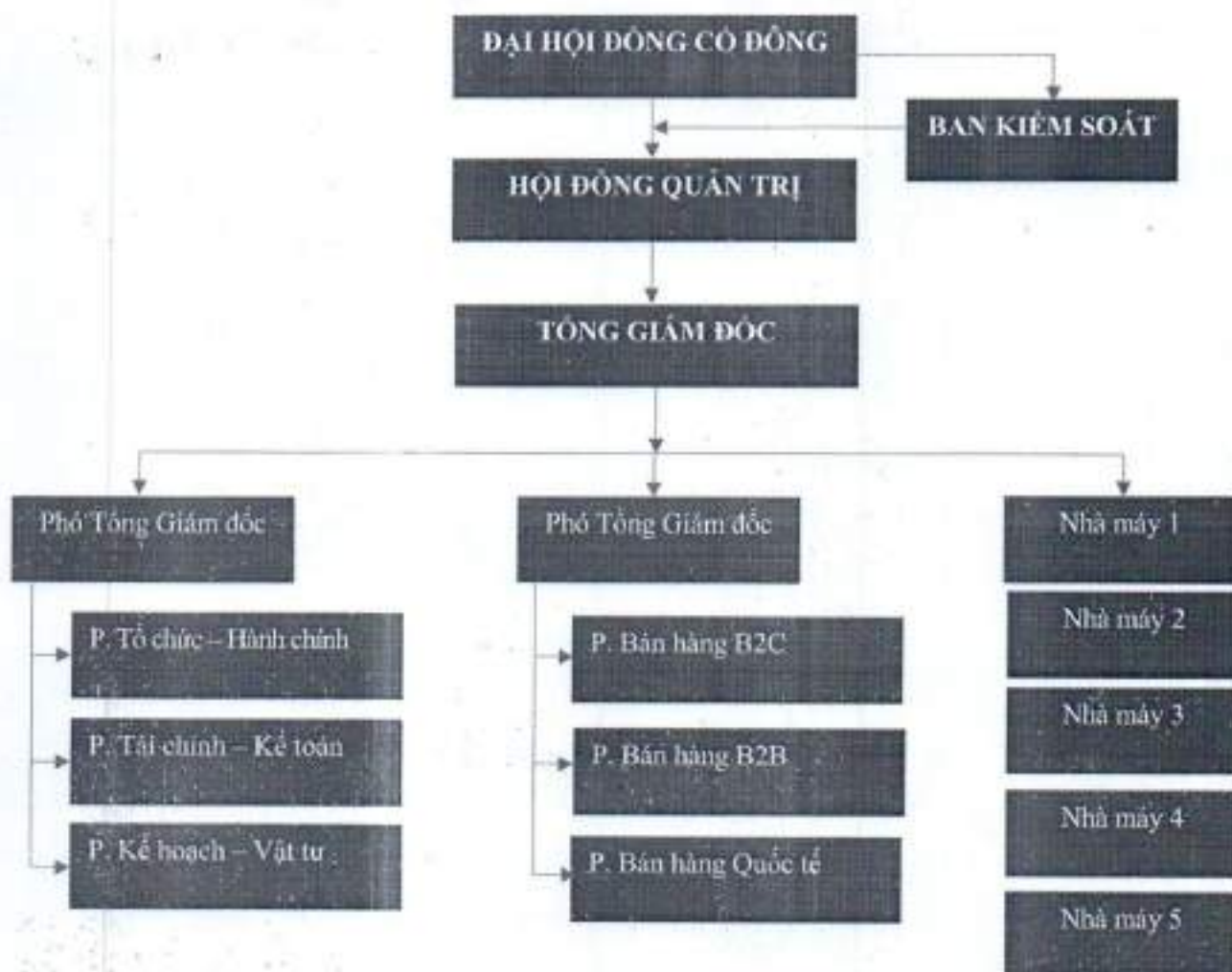
Chi nhánh Long An sẽ giữ vai trò là trung tâm để mở rộng phát triển thị trường khu vực miền Nam Việt Nam.

### 4. Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát hành

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Hình 4: Cơ cấu quản trị và bộ máy quản lý của Tổ chức Phát Hành



Nguồn: TDP

Hiện tại, Công ty cổ phần Thuận Đức đang áp dụng theo mô hình tổ chức của Công ty cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

#### 4.1 Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả Cổ đông có quyền biểu quyết của Công ty, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều lệ của Công ty.

#### 4.2 Hội đồng Quản trị



Hội Đồng quản trị (HDQT) là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. HDQT của Công ty hiện có 7 thành viên, gồm Chủ tịch HDQT, 4 thành viên HDQT và 2 thành viên HDQT độc lập.

#### 4.3 Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông. Các thành viên của Ban Kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban Kiểm soát kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong đó tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập BCTC nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với HDQT và Ban Tổng giám đốc. Ban Kiểm soát của Công ty gồm 3 thành viên, bao gồm Trưởng Ban Kiểm soát, Phó Ban Kiểm soát và 01 thành viên Ban Kiểm soát. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát được quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và tại Điều lệ của Công ty.

#### 4.4 Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành gồm có 01 (một) Tổng Giám đốc, 02 (hai) Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc do HDQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HDQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng do HDQT bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám đốc.

Ban Tổng Giám đốc hiện nay của Tổ Chức Phát Hành là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực bao bì...

#### 4.5 Các phòng ban

STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
1.	Phòng Tổ chức - Hành chính - Tiền lương	Trách nhiệm quản lý nhân sự, vận hành chung nội bộ công ty và các phòng ban; quản lý ban hành và kiểm soát quy trình quy định nội bộ của công ty. Quản lý tiền lương và phúc lợi cho người lao động, đảm bảo chính sách cho người lao động công ty.
2.	Phòng Tài chính - Kế toán	Trách nhiệm quản lý tài chính, ghi nhận và báo cáo định kỳ tới các cấp quản lý nội bộ. Quản lý tài chính và các nghĩa vụ tài chính với nhà nước, báo cáo tài chính cho cổ đông và đối tác.
3.	Phòng Kế hoạch - Vật tư	Xây dựng kế hoạch đầu tư, kế hoạch sản xuất và vật tư phục vụ sản xuất Mua sắm đầu tư thiết bị vật tư phục vụ sản xuất kinh doanh thường xuyên của công ty.
4.	Phòng Bán hàng B2C	Kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2C trong nước loại hàng phổ thông và bao bì nông sản, trong lĩnh vực nông lâm nghiệp.
5.	Phòng Bán hàng B2B	Phụ trách kinh doanh bán các mặt hàng tới các đại lý B2B trong nước, sản phẩm bao bì phục vụ nhu cầu các



STT	Bộ phận	Trách nhiệm chính
		ngành chăn nuôi, phân bón, bao nông sản cần in ấn.
6.	Phòng Bán hàng quốc tế	Tìm kiếm khách hàng và phụ trách bán các mặt hàng túi shopping xuất khẩu ra thị trường quốc tế phục vụ nhu cầu của Châu Âu, Châu Mỹ, Nhật Bản ...
7.	Khối công nghệ	Chịu trách nhiệm chính việc lắp đặt, bảo trì, duy tu sửa chữa, nâng cấp đại tu máy móc thiết bị cho toàn hệ thống các nhà máy sản xuất của công ty.

#### 4.6 Các nhà máy

STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
1.	Nhà máy 1A	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2007. - Đang sản xuất: hạt tái sinh... - Công suất thiết kế 43.061 tấn hạt nhựa/năm. - Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
2.	Nhà máy 1B	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: 2015. - Đang sản xuất: bao PP, manh, sợi... - Công suất thiết kế: 7.500 tấn sợi, 7.814 tấn dệt manh và 11.616 tấn bao bì/năm. - Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
3.	Nhà máy 2	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2017. - Đang sản xuất Túi Shopping XK; túi shopping nội địa - Công suất thiết kế 150 triệu túi xuất khẩu/năm. Công suất thực tế 100% công suất thiết kế.
4.	Nhà máy 3	Thôn Lương Hội, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2017. - Đang sản xuất: Bao PP, bao BOPP; bao ống.... - Công suất thiết kế 9.000 tấn sợi, 8.933 tấn dệt manh và 14.221 tấn bao bì/năm. Công suất thực tế: 100% công suất thiết kế.
5.	Nhà máy 4	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Năm hoạt động: từ năm 2022. - Đang sản xuất: vải không dệt, túi dán nhiệt...; - Công suất thiết kế 290 triệu túi/năm. Công suất thực tế: 10,208 tấn vải PP không dệt; 25,2 tấn túi dán nhiệt.
6.	Nhà máy 5	Thôn Thái Lai, Xã Thái Hòa, Huyện Triệu Sơn, Tỉnh Thanh Hóa	- Hoàn thành giai đoạn 1 năm 2020 và dự kiến đi vào hoạt động: năm 2024. - Sản phẩm dự kiến: Bao bì PP... - Công suất thiết kế 50.000 tấn sản phẩm/năm.



STT	Nhà máy	Địa chỉ	Hoạt động sản xuất chính
7.	Nhà máy sản xuất bao bì và túi xách siêu thị xuất khẩu	Lô CN5, khu B- Khu công nghiệp Bim Sơn, thị xã Bim Sơn, tỉnh Thanh Hóa	- Dự kiến đi vào xây dựng: năm 2024. - Sản phẩm dự kiến: Bao bì dệt PP, túi sách siêu thị chất lượng cao. - Công suất thiết kế 72.000 tấn sản phẩm/năm. Công suất thực tế.
8.	Nhà máy sản xuất bao bì Thuận Đức JB	Thôn Bằng Ngang, TT. Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên	- Dự kiến đi vào xây dựng: năm 2024. - Sản phẩm dự kiến: Bao Jumboo và các loại bao bì khác. - Công suất thiết kế 50.000 tấn sản phẩm/năm.

5. Thông tin về công ty mẹ, công ty con của Tổ chức Phát hành, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối đối với Tổ chức phát hành, những công ty mà Tổ chức Phát hành nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần, phần vốn góp chi phối

5.1 Công ty mẹ của Tổ chức Phát hành

Không có

5.2 Công ty con của Tổ chức Phát hành

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/09/23 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 30/09/23 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 30/09/23						
Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	210.000	210.000	100	100	100	100	100	100
Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức	20.000	20.000	100	100	0	0	0	0

Nguồn: TDP

5.2.1 Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên

-Trụ sở: Thôn Lương Hội, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

-Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901003006



- Điện thoại: 02213810705
- Ngày thành lập: 06/12/2016
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất bao bì từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 210.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 210.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên của TDP tại ngày 30/09/2023: 100%
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên tại Công ty cổ phần Thuận Đức tại ngày 30/09/2023: 0%

#### **5.2.2 Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức (Hiện là Công ty Cổ phần TD IP)**

- Trụ sở: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0901105865
- Điện thoại: 02213810705
- Ngày thành lập: 03/08/2021
- Hoạt động kinh doanh chính: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 20.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ thực góp: 20.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức của TDP tại ngày 31/12/2021: 100%
- Ngày TDP hoàn tất việc thoái vốn toàn bộ tại Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức: Tháng 05/2022
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty TNHH Phát triển Công nghệ Thuận Đức tại TDP ngày 30/09/2023: 0%



5.3 Công ty liên doanh, liên kết

Đơn vị: triệu đồng

Tên Công ty	Vốn Điều lệ		Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/21 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 31/12/22 (%)	Tỷ lệ sở hữu tại 30/09/23 (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết tại 30/09/23 (%)
	Vốn đăng ký	Vốn thực góp tại 30/09/23						
Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	425.000	425.000	37,3	37,3	37,3	37,3	48,9	48,9

Nguồn: TDP

5.3.1 Công ty cổ phần Thuận Đức Eco

- Trụ sở: Thôn Bàng Ngang, Thị trấn Lương Bàng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Mã số thuế: 0901027871
- Điện thoại: 02216336789
- Ngày thành lập: 22/01/2018
- Hoạt động kinh doanh chính: Sản xuất túi xuất khẩu từ các sản phẩm nhựa PP và các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp.
- Vốn điều lệ đăng ký: 425.000.000.000 đồng
- Vốn điều lệ đã góp tại ngày 30 tháng 09 năm 2023: 425.000.000.000 đồng
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần Công ty cổ phần Thuận Đức Eco của TDP tại ngày 30/09/2023: 48,9%
- Tỷ lệ sở hữu cổ phần TDP của Công ty cổ phần Thuận Đức Eco tại ngày 30/09/2023: 0%

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



### 6. Giới thiệu về quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty đã thực hiện nhiều đợt tăng vốn điều lệ nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh và đầu tư vào các dự án, chi tiết như sau những đợt tăng vốn điều lệ như sau:

Bảng 1: Quá trình tăng vốn của công ty

Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Thành lập			7.500	75.000	Giấy chứng nhận ĐKDN số 0503000198, cấp lần đầu ngày 22/01/2007	Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 1 năm 2012	7.500	32.500	40.000	400.000	- Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 03:13 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 18/11/2011/TD-ĐHCD ngày 18/11/2011 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.12/2011/HĐQT ngày 25/12/2011 - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 3 ngày 02/07/2012	- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 2 năm 2013	40.000	60.000	100.000	600.000	- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 2:3 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 15.01/2013/TD-ĐHCD ngày 15/01/2013; - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.02/2013/HĐQT ngày 25/02/2013; - Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế	- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và





Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 3 năm 2015	100.000	40.000	140.000	400.000	<p>hoạch và Dấu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 5 ngày 08/12/2014.</p> <p>- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu theo mệnh giá 100.000 đồng/cổ phiếu, theo tỷ lệ 5:2</p> <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 05.01/2015/TĐ-DHCD ngày 05/01/2015;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 28.01/2015/HDQT ngày 28/01/2015</p> <p>- Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Dấu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 6 ngày 29/08/2016.</p>	<p>Dấu tư tỉnh Hưng Yên</p> <p>- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức</p> <p>- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức</p> <p>- Sở Kế hoạch và Dấu tư tỉnh Hưng Yên</p>
Lần 4 năm 2017	140.000	110.000	250.000	11.000.000	<p>- Phát hành cho các cổ đông hiện hữu giá theo mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu<sup>1</sup>, theo tỷ lệ 14:11</p> <p>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25.05/2017/TĐ-DHCD ngày 25/05/2017;</p> <p>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 25.06/2017/HDQT ngày 25/06/2017;</p> <p>- Giấy đăng ký kinh doanh số 0503000198 do Sở Kế</p>	<p>- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức</p> <p>- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức</p> <p>- Sở Kế hoạch và</p>

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 25.05/2017/TĐ-DHCD ngày 25/05/2017 thông qua việc sửa đổi mệnh giá cổ phiếu từ 100.000 đồng/cổ phiếu xuống còn 10.000 đồng/cổ phiếu



Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 5 năm 2019	250.000	29.999	279.999	2.999.900	hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, Giấy ĐKDN số 0900264799 thay đổi lần 7 ngày 30/06/2017. - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2304/2019/NQ-DHĐCD-TDP ngày 23/04/2019; - Nghị quyết HĐQT số 187.02/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2018; - Công văn số 4593/UBCK-QLCB ngày 30/7/2019 về việc tải liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty; - Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2708/2019/CBTT-TDP ngày 27/8/2019; - Công văn số 5348/UBCK-QLCB ngày 05/9/2019 về việc báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của Công ty	Đầu tư tỉnh Hưng Yên  - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên
Lần 6 năm 2019	279.999	200.000	479.999	20.000.000	- Phát hành cổ phiếu riêng lẻ - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2304/2019/NQ-DHĐCD-TDP ngày 23/04/2019; - Nghị quyết HĐQT số 1807/2019/NQ-HĐQT ngày 18/07/2019 về việc về việc triển khai phương án phát	- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần



Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
					<p>hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn điều lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1708/NQ-HDQT-TDP ngày 17/08/2019 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu;</li> <li>- Công văn số 5672/UBCK-QLCB ngày 19/9/2019 về việc hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty;</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1010/2019/NQ-HDQT ngày 10/10/2019 về việc thông qua việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cổ phiếu riêng lẻ;</li> <li>- Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu riêng lẻ ngày 09/10/2019;</li> <li>- Công văn số 6078/UBCK-QLCB ngày 09/10/2019 về việc báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu riêng lẻ của Công ty.</li> </ul>	<p>Thuận Đức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên</li> </ul>
Lần 7 năm 2020	479.999	57.598	537.598	5.759.838	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2806/2020/NQ-DHĐCĐ-TDP ngày 28 tháng 06 năm 2020</li> <li>- Nghị quyết HĐQT số 2210/2020/NQ-HDQT ngày 22 tháng 10 năm 2020 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu năm</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức</li> <li>- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức</li> </ul>



Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 8 năm 2021	537.598	64.510	602.109	6.451.065	2019 - Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức số 2210/2020/CV-TDP ngày 22 tháng 10 năm 2020 của Công ty cổ phần Thuận Đức - Công văn số 6642/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP - Công văn số 7282/UBCK-QLCB ngày 11 tháng 12 năm 2020 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP - Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12 - Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2204/2021/NQ-DHĐCĐ-TDP ngày 22 tháng 04 năm 2021 - Nghị quyết Hội đồng quản trị số 1506/2021/NQ-HĐQT-TDP ngày 15 tháng 06 năm 2021 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2020 - Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 1506/2021/BC-TDP ngày 15 tháng 06 năm 2021 của Công ty cổ phần Thuận Đức - Công văn số 3316/UBCK-QLCB ngày 05 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về phát	- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên  - Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức - Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức - Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên



Mốc thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
Lần 9 năm 2022	602.109	72.250	674.359	7.225.038	<p>hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn số 3981/UBCK-QLCB ngày 27 tháng 07 năm 2021 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</li> <li>- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1: 0,12</li> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2404/2022/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 24 tháng 04 năm 2022</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0305/2022/NQ-HĐQT-TDP ngày 03 tháng 05 năm 2022 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2021</li> <li>- Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 0610/2022/BC-TDP ngày 06 tháng 10 năm 2022 của Công ty cổ phần Thuận Đức</li> <li>- Công văn số 7619/UBCK-QLCB ngày 17 tháng 11 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</li> <li>- Công văn số 8372/UBCK-QLCB ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Thuận Đức</li> <li>- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên</li> </ul>
Lần 10 năm	674.359	80.920	755.280	8.092.053	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phát hành cổ phiếu trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đại hội đồng cổ</li> </ul>



Mức thời gian	Vốn điều lệ trước khi tăng (triệu đồng)	Vốn tăng (triệu đồng)	Vốn điều lệ sau khi tăng (triệu đồng)	Số lượng CP tăng (cổ phần)	Hình thức tăng vốn Căn cứ pháp lý	Đơn vị cấp
2023					<p>theo tỷ lệ 1: 0,12</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2804/2023/NQ-DHDCD-TDP ngày 28 tháng 04 năm 2023</li> <li>- Nghị quyết Hội đồng quản trị số 0905/2023/NQ-HDQT-TDP ngày 09 tháng 05 năm 2023 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022</li> <li>- Báo cáo phát hành cổ phiếu trả cổ tức số 0905/2023/BC-TDP ngày 09 tháng 05 năm 2023 của Công ty cổ phần Thuận Đức</li> <li>- Công văn số 3246/UBCK-QLCB ngày 31 tháng 05 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</li> <li>- Công văn số 4174/UBCK-QLCB ngày 29 tháng 06 năm 2023 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về tài liệu báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu để trả cổ tức của TDP</li> </ul>	<p>đồng Công ty cổ phần Thuận Đức</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức</li> <li>- Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên</li> </ul>

Nguồn: Công ty cổ phần Thuận Đức

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



## 7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

### 7.1 Cổ phiếu phổ thông

Bảng 2: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm ngày 04/08/2023

TT	Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>426</b>	<b>75.477.505</b>	<b>99,9332</b>
1	Cổ đông tổ chức	6	248	0,0003
	Trong đó: Nhà nước	0	0	0
2	Cổ đông cá nhân	420	75.477.257	99,9328
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>15</b>	<b>50.448</b>	<b>0,0668</b>
1	Cổ đông tổ chức	5	37.275	0,0494
2	Cổ đông cá nhân	10	13.213	0,0175
<b>III</b>	<b>Cổ đông là tổ chức kinh tế có nhà đầu tư nước ngoài nắm giữ trên 50% vốn điều lệ</b>	<b>0</b>	<b>0</b>	<b>0,0000</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>441</b>	<b>75.527.993</b>	<b>100,0000</b>

Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 04/08/2023 của Công ty

### 7.2 Cổ phiếu ưu đãi

Không có.

### 7.3 Các loại chứng khoán khác

Không có.

## 8. Hoạt động kinh doanh

### 8.1 Đặc điểm hoạt động kinh doanh

#### 8.1.1 Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần Thuận Đức là doanh nghiệp chuyên sản xuất bao bì, túi siêu thị xuất khẩu.

Hiện nay, Công ty đang sản xuất & cung cấp 3 dòng sản phẩm bao bì chính là: túi siêu thị xuất khẩu, bao bì B2B, bao bì B2C.

- **Túi siêu thị (shopping bags):** đây là dòng sản phẩm chiến lược của Công ty chiếm hơn 50% lợi nhuận hàng năm của Công ty. Các sản phẩm này hiện được Công ty xuất khẩu phục vụ thị trường nước ngoài. Túi siêu thị là dòng túi xách thân thiện dùng để đi chợ, đi siêu thị, shopping, dạo phố... thay thế các loại bao bì kém thân thiện hiện nay như túi nilon. Túi siêu thị của TDP được đánh giá cao về chất lượng bởi mẫu mã đẹp, bao bì thân thiện, có thể tự hủy trong môi trường tự nhiên.



Trong một vài năm trở lại đây trên thế giới đã có sự chuyển dịch rõ ràng trong xu hướng sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường. Chính phủ Châu Âu và Úc đã ban hành những lệnh cấm về việc sử dụng túi PE, và yêu cầu sử dụng sản phẩm túi PP tái chế. Năm bắt được xu hướng phát triển của ngành, từ nhiều năm trước TDP đã đầu tư công nghệ, con người để sản xuất, phát triển màng túi siêu thị PP, và đến nay TDP đã có vị thế vững chắc ở cả thị trường trong nước và quốc tế. Sản phẩm túi của TDP chất lượng tốt, thiết kế đẹp mắt, mẫu mã thân thiện mà giá cả phải chăng bắt kịp với thị hiếu người tiêu dùng và đáp ứng được tiêu chuẩn khắt khe của các thị trường xuất khẩu, hiện sản phẩm đã có mặt tại thị trường các nước như Mỹ, Nhật Bản, Canada... Trong chiến lược phát triển của TDP, những năm tới hoạt động xuất khẩu túi siêu thị PP tiếp tục là hoạt động mũi nhọn được TDP tập trung đẩy mạnh phát triển, mở rộng thị trường.

Dòng túi siêu thị của Công ty bao gồm các loại: túi PP dệt, túi PP không dệt, túi Rpet và túi lạnh. Túi PP dệt là loại túi sản xuất trên lớp manh dệt PP. Túi PP không dệt là loại túi sản xuất trên lớp manh không dệt PP. Túi Rpet là loại túi PP không dệt sản xuất bằng công nghệ cao. Túi lạnh là loại túi có thêm 01 lớp giữ nhiệt để bảo quản đồ đông lạnh.

- **Bao bì B2B:** là dòng bao bì cao cấp phục vụ ngành chế biến sản phẩm công nghiệp và thực phẩm như: thức ăn chăn nuôi, mía đường, tinh bột, phân bón... Bao bì với mẫu mã đẹp, màu sắc sinh động, thân thiện với môi trường. Chất lượng bao bì đảm bảo, bền, chắc chắn, chịu va đập tốt. Bao bì sử dụng vải PP dệt ghép màng BOPP theo nhu cầu, có thể lồng thêm túi PE chống ẩm bên trong. Một số đối tác uy tín mà Công ty cung cấp bao bì thức ăn chăn nuôi như: Công ty Cổ phần KKF (thương hiệu "Nai Vàng"), Công ty cổ phần phân bón Bình Điền, Công ty TNHH MTV Biotech Quế Lâm, Công ty TNHH Sunjin F&F...
- **Bao bì B2C:** Đây là dòng bao bì bình dân phục vụ thị trường nội địa, cung cấp cho ngành nông sản như: lúa, gạo, ngô, bột mì, cafe, chè, tiêu... Với công nghệ in flexo 9 màu 2 mặt, sản phẩm bao bì của TDP đẹp, bền, chắc chắn, đáp ứng được số lượng lớn cho thị trường toàn quốc.

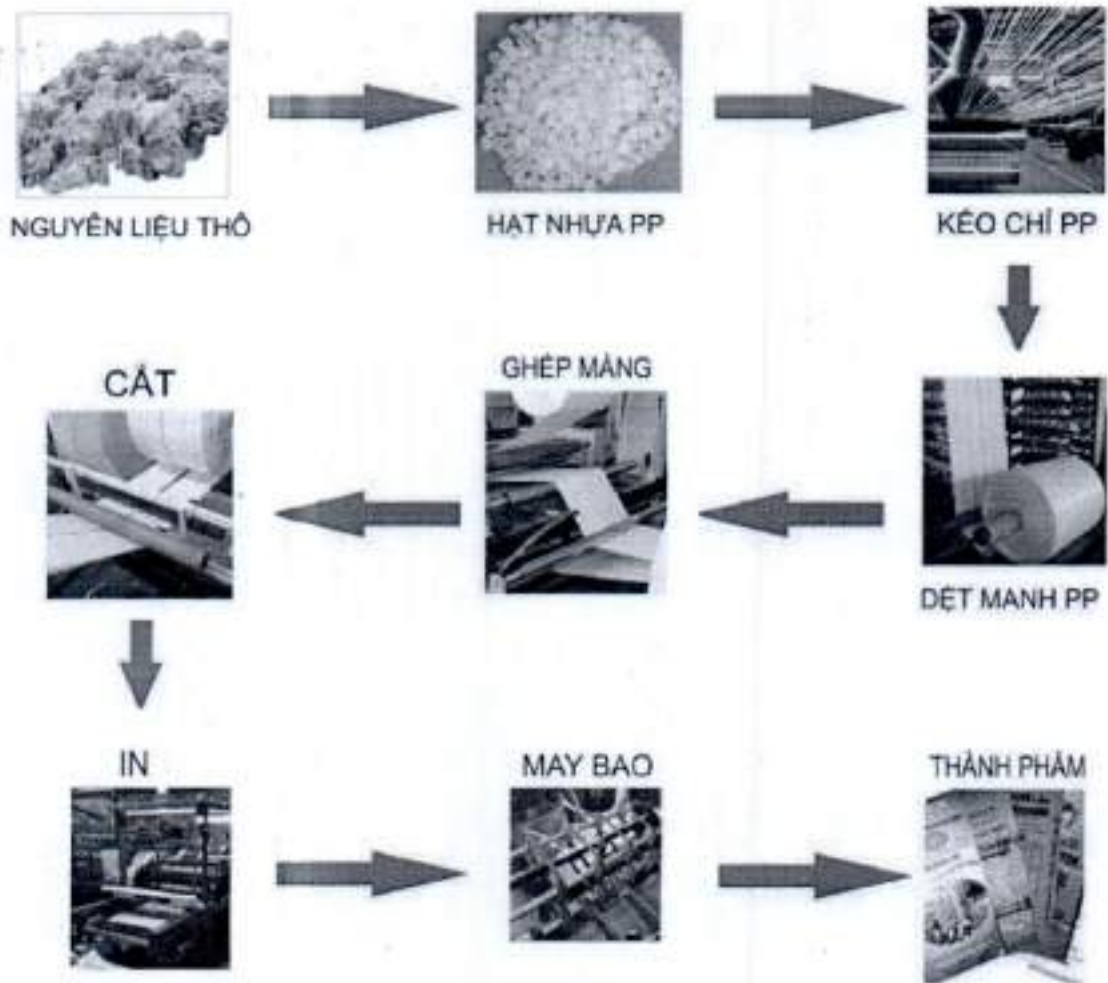
#### ❖ Quy trình sản xuất kinh doanh, công nghệ áp dụng

##### *Tóm tắt quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP*

- Công đoạn 1 - Tạo hạt: Nguyên liệu chính sản xuất bao bì PP là vỏ bao xi đập. Sau khi tiến hành kiểm đếm, phân loại, nguyên liệu đạt sẽ đưa vào dây chuyền máy băm, nguyên liệu không đạt sẽ đưa vào giặt lại. Kết hợp với phụ gia qua dây chuyền máy tạo thành thành phẩm hạt nhựa;
- Công đoạn 2 - Kéo chỉ: Thành phẩm hạt nhựa kết hợp với phụ gia (bột màu, hạt màu, ...) qua dây chuyền máy sợi kéo thành sợi;
- Công đoạn 3 - Dệt thành manh: Thành phẩm sợi được đưa vào hệ thống máy dệt tạo thành thành phẩm manh dệt;
- Công đoạn 4 - Tráng ghép, in ấn: Sử dụng công nghệ tráng ghép tự động để ghép manh PP với màng OPP/BOPP nhằm gia tăng độ dày, độ bền cơ học cho bao bì và tăng tốc độ tráng ghép bán thành phẩm. Sau đó, kết hợp với mực in, dung môi, bản in, ...qua dây chuyền máy in tạo thành thành phẩm manh in;
- Công đoạn 5 - May: Thành phẩm manh dệt, manh in, manh tráng qua máy may tạo thành 2 loại thành phẩm: manh cắt và bao bì.



Hình 5: Quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP



Nguồn: TDP

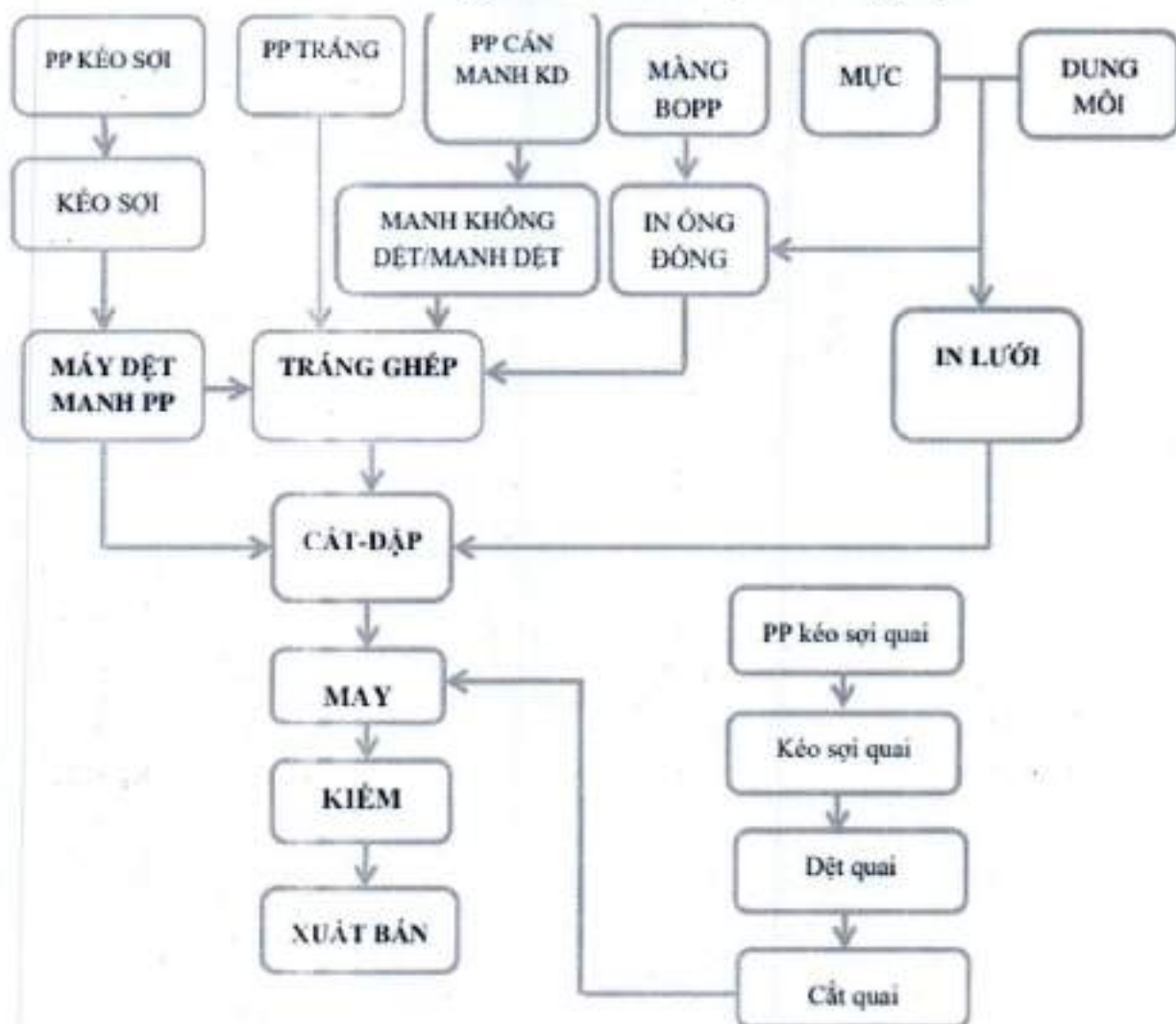
#### Quy trình sản xuất túi siêu thị PP

Quy trình sản xuất túi siêu thị PP tại TDP trải qua nhiều giai đoạn với đầu vào là sản phẩm của manh dệt PP hoặc manh không dệt PP (hiện nay TDP đang trong quá trình xây dựng nhà máy mới để sản xuất manh không dệt PP, đáp ứng nhu cầu thị trường xuất khẩu), trong đó giai đoạn “in và tráng ghép” là giai đoạn đòi hỏi kỹ thuật cao, phản ánh chất lượng sản phẩm, tiếp đến là giai đoạn cắt may và hoàn thiện sản phẩm. Ngoài ra, khâu sản xuất quai túi không phải công ty sản xuất nhựa nào tại thị trường Việt Nam cũng có thể sản xuất được, việc TDP có thể tự sản xuất quai nhựa giúp Công ty hạ giá thành sản phẩm và chủ động được mẫu mã sản phẩm, màu sắc, chất lượng và tính ổn định của sản phẩm đầu vào.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Hình 6: Lưu đồ và quy trình sản xuất tổng thể túi shoppings



Nguồn: TDP

- Công đoạn 1: Sản xuất manh dệt sử dụng nguyên liệu hạt nhựa tái chế từ nhà máy 1 và nguyên liệu hạt nguyên sinh nhập khẩu (tùy từng yêu cầu kỹ thuật khác nhau mà có các công thức phối trộn khác nhau) được đưa vào dây chuyền kéo sợi, sau đó được chuyển sang dây chuyền dệt để dệt thành manh theo các quy cách, kích thước phù hợp với từng đơn hàng, được thu thành cuộn để chuyển đến bộ phận tráng ghép phức hợp.
- Công đoạn 2: In hình ảnh lên màng, sử dụng màng nguyên liệu BOPP (nhập khẩu từ các nhà cung cấp như: DECO, GETEL, Zhengzen...) được đưa qua máy in 8 - 9 màu để in các nội dung, hình ảnh màu lên, đặc biệt tại máy in có công nghệ chống hình tự động, tự phát hiện và hiệu chỉnh hình ảnh, chạy tốc độ cao (200 - 220m/phút) cho ra hình ảnh chuẩn, chất lượng cao. Qua công đoạn in sản phẩm được thu thành cuộn chuyển đến bộ phận tráng ghép.
- Công đoạn 3: Sản xuất manh PP không dệt hiện nay TDP chưa sản xuất được, thời gian tới khi TDP hoàn thành nhà máy mới sẽ tiến hành sản xuất manh không dệt. Hiện nay 100% manh không dệt TDP nhập từ các đơn vị cung cấp trong nước. Nguyên liệu chính để sản xuất túi manh không dệt là PP và taical chuyên dùng cho ngành PP không dệt được đưa vào thùng xào liệu, xào nóng nên 70 - 80 độ C, sau đó đưa vào ruột gà có cấu trúc đặc biệt



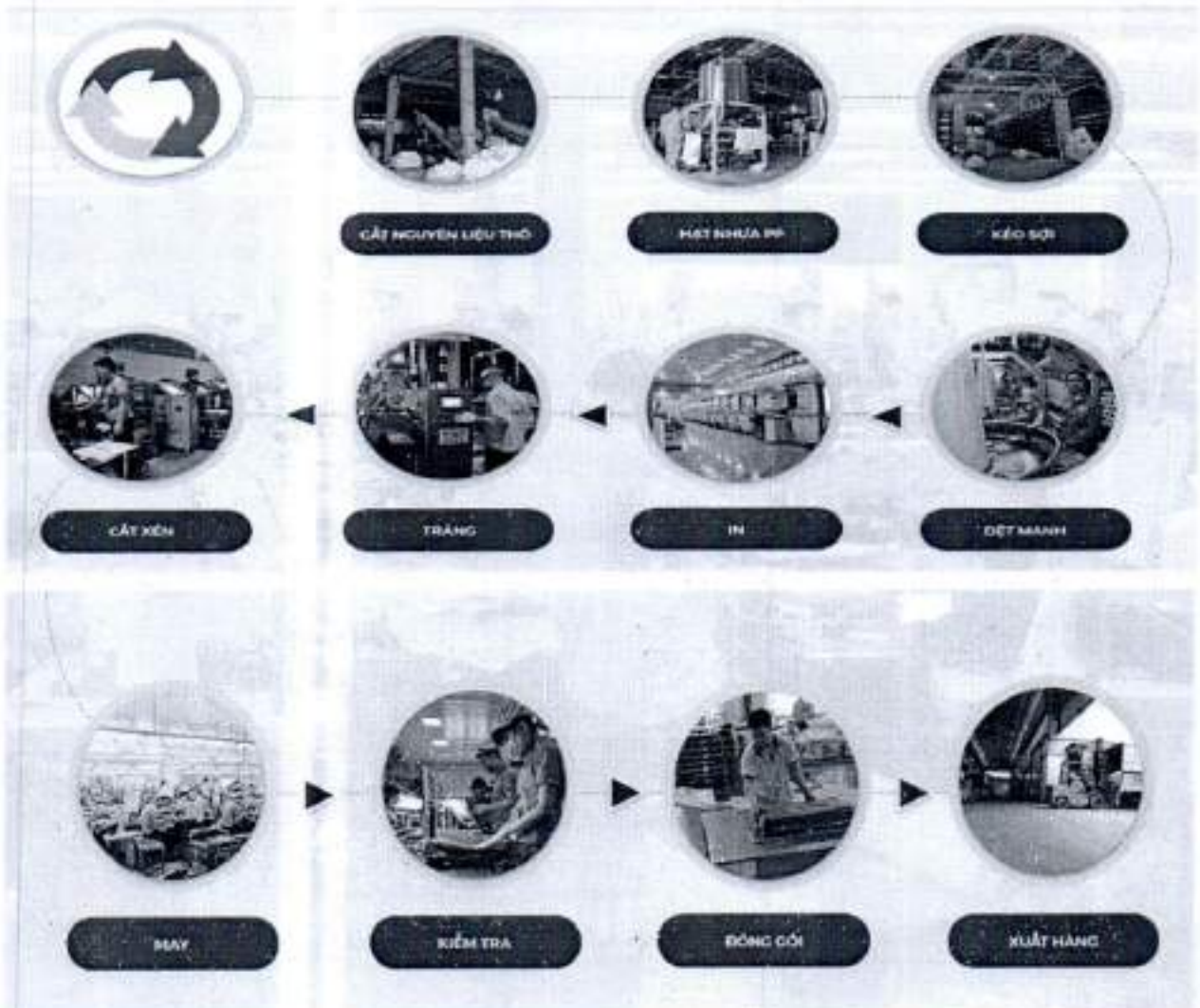
(khác với máy sản xuất sợi thường) có lực ép lớn, đẩy nhựa ra 2 miệng khuôn của máy thành 2 lớp sợi, 2 lớp này đi qua dàn lô ép có các đầu tạo lỗ ép 2 lớp này lại với nhau tạo thành 1 lớp dính vào nhau, sau đó được dẫn hướng đến lô thu cuộn có dao cắt phẳng 2 bên, có kích thước chuẩn và thu cuộn thành phẩm lại (thành phẩm tại công đoạn dùng để làm nguyên liệu cho tráng ghép phức hợp hoặc để in lưới sau đó cắt bán thành phẩm đi may thành túi).

- Công đoạn 4: Tráng ghép phức hợp sử dụng nguyên liệu là màng in được sản xuất từ công đoạn 2 cộng với manh dệt được sản xuất từ công đoạn 1 (hoặc manh không dệt được nhập vào) cộng với hạt nhựa và phụ gia tráng (nhập khẩu và trong nước) qua máy tráng ghép dính 2 lớp manh và màng với nhau bằng hỗn hợp nhựa tráng được gia nhiệt bằng máy tráng cùng lúc tráng ghép 2 mặt với tốc độ cao (100 - 120m/p) có công nghệ chống hình tự động (tự hiệu chỉnh ghép 2 mặt đúng với hình ảnh yêu cầu của từng loại hàng), sau đó thu lại thành cuộn chờ chuyển sang công đoạn cắt dập.
- Công đoạn 5: In lưới (áp dụng với túi không tráng ghép) sử dụng nguyên liệu manh không dệt nhập, sau đó được đưa vào dây chuyền in lưới in lên các hình ảnh theo yêu cầu, sau đó được cuộn lại chờ đưa qua bộ phận cắt dập để cắt bán thành phẩm.
- Công đoạn 6: Sợi - Quai sử dụng nguyên liệu chính là hạt nhựa PP và hạt màu được qua máy tạo sợi thu thành cuộn, sau đó đưa qua máy đánh bin chia lại, quấn vào các lô quấn dành cho máy dệt (BIN) sau đó được dệt thành các quai có quy cách theo yêu cầu (khổ, định lượng, kiểu dệt, màu sắc...). Thành phẩm sau dệt là dây quai được quấn vào thành bánh (cuộn) chuyển sang dây chuyền máy cắt quai theo chiều dài yêu cầu sau đó được đóng bao chờ may vào túi.
- Công đoạn 7: Cắt bán thành phẩm manh phức hợp được tạo ra từ công đoạn 4 được đưa qua máy gấp hông để gấp sẵn hông túi lại sau đó (hoặc manh PP không dệt in lưới được tạo ra từ công đoạn 5) được đưa vào dây chuyền cắt dập với công suất cao (65 cái/phút) để cắt ra bán thành phẩm chờ may. Đặc biệt tại bộ phận cắt dập có hệ thống máy cắt dán nhiệt tự động với các mẫu túi được tạo ra hoàn toàn tự động mà đầu vào là dạng cuộn, đầu ra là túi thành phẩm với năng suất 80 cái/phút. Với dây chuyền cắt dán tự động này có thể tiết giảm lao động và chi phí nhân công may đáng kể (1 máy tương đương 80 - 100 công nhân may).
- Công đoạn 8: May Sử dụng thành phẩm được tạo ra từ công đoạn 6 và công đoạn 7, chuyển vào dây chuyền may với nhiều công đoạn như may quai (lập trình), may miệng, may đáy, may viền, may hông, và may các chi tiết phụ, sau đó túi được gấp lại theo quy cách yêu cầu. Riêng về công đoạn này TDP đang có sẵn hệ thống đối tác gia công với quy mô tổng lao động gần 4.000 người để đáp ứng, các đối tác gia công nằm rải rác tại các tỉnh Miền Bắc (Thanh Hóa, Hải Dương, Hải Phòng, Tuyên Quang, Nam Định...) được công ty cắt cử xe vận chuyển và có hệ thống nhân sự kiểm soát và lập kế hoạch hàng ngày. Khi may xong TDP sẽ bố trí thu về nhà máy chờ kiểm tại Phòng bảo đảm.
- Công đoạn 9: Kiểm hàng 100% các sản phẩm túi được chuyển vào dây chuyền kiểm hàng tại nhà máy và được kiểm chi tiết từng cái, phân loại ra các sản phẩm không đạt tiêu chí chất lượng của khách hàng và tiêu chí của TDP để đưa vào tái chế, các sản phẩm đạt được đưa qua dây chuyền soi kim loại và đóng gói tự động vào thùng carton và chuyển nhập kho chờ xuất bán. Như vậy để sản xuất ra được một túi shoppings PP tính từ lúc: thu mua phế liệu đầu vào (các bao bì, dây chấu, thảm, màng, văn phòng phẩm ...) cho đến lúc kiểm tra chất lượng, đóng gói, giao hàng sẽ mất ít nhất 09 tháng (chưa kể một số nguyên liệu đầu



vào các hạt nhựa PP nguyên sinh phải nhập khẩu mất trung bình từ (4 - 6 tháng). Tuy nhiên, do TDP luôn chuẩn bị sẵn sàng các khâu: thu gom nguyên liệu đầu vào, sản xuất nhựa tái chế PP, ống sợi PP (để sản xuất manh PP), chỉ PP (để dệt quai túi), dệt màng PP, dệt các sản phẩm quai túi theo tính toán của bộ phận kế hoạch kinh doanh cũng như kinh nghiệm sản xuất thực tiễn hơn 12 năm qua... nên TDP luôn dự trữ được sẵn các sản phẩm đầu vào cũng như sản xuất các bán thành phẩm cần thiết cho công đoạn sản xuất túi shopping. Do vậy, khi có đơn hàng từ khách hàng, thời gian hoàn thiện đơn hàng sẽ được rút ngắn đáng kể, trung bình từ 35 - 45 ngày để hoàn thiện một đơn hàng, đặc biệt có đơn hàng TDP chỉ hoàn thiện trong vòng 22 ngày, hơn nữa các máy sản xuất của TDP không phải dừng hay tạm dừng mà hoạt động hầu như liên tục 24/7, tránh những hao hụt không đáng có. Với dây chuyền hiện đại khép kín, TDP hạn chế hao hụt nguyên liệu đặc biệt là các hao hụt trong quá trình dệt manh, tạo sợi do các sản phẩm lỗi, chỉ thừa, manh vụn đều có thể quay lại tái sử dụng để sản xuất hạt nhựa PP.

Hình 7: Tổng hợp quy trình sản xuất bao bì PP tại TDP



Nguồn: TDP

❖ **Tính thời vụ của hoạt động sản xuất kinh doanh**

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không có tính thời vụ.



### 8.1.2 Giá trị sản phẩm qua các năm

#### ❖ Sản lượng sản xuất

Bảng 3: Sản lượng sản xuất theo sản phẩm năm 2021, năm 2022 và 09 tháng đầu năm 2023

TT	Tên sản phẩm	DVT	Năm 2021	Năm 2022	09 tháng năm 2023
1	Hạt nhựa tái sinh	Tấn	16.653	18.914	9.944
2	Manh dệt PP	Tấn	8.178	8.385	5.820
3	Bao bì PP	tấn	5.382	5.873	4.779
4	Túi shopping	Cái	69.056.063	113.834.374	55.377.359

Nguồn: TDP

Với việc nhu cầu của khách hàng tăng cao, cùng với năng lực sản xuất và khả năng đáp ứng tiêu chuẩn của Công ty ngày càng được cải thiện, sản lượng sản xuất các sản phẩm của công ty liên tục tăng trưởng trong những năm gần đây.

#### ❖ Doanh thu, lợi nhuận gộp

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu hợp nhất năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Doanh thu bán hàng, sản phẩm chính	2.435.730	99,8	3.241.161	99,8	2.709.450	99,8
2	Doanh thu dịch vụ, sản phẩm phụ	4.379	0,2	6.535	0,2	5.331	0,2
3	Doanh thu thuần	2.440.109	100,0	3.247.696	100,0	2.714.781	100,0

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023 của TDP

Bảng 5: Cơ cấu doanh thu Công ty mẹ năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Doanh thu bán hàng, sản phẩm chính	2.164.249	99,8	2.913.416	99,9	2.332.875	99,8
2	Doanh thu dịch vụ, sản phẩm phụ	3.944	0,2	3.248	0,1	4.521	0,2
3	Doanh thu thuần	2.168.193	100,0	2.916.664	100,0	2.337.396	100,0

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 của TDP



Bảng 6: Lợi nhuận gộp Công ty hợp nhất theo sản phẩm năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023 của TDP

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Bao PP	78.897,7	25,5	110.902,0	30,0	67.918	26,6
2	Hạt nguyên sinh	61.878,2	20,0	24.192,3	6,6	35.850	14,1
3	Hạt tái sinh	5.196,7	1,7	8.506,0	2,3	2.548	1,0
4	Manh	47.074,6	15,2	40.839,8	11,1	32.215	12,6
5	Sợi	-	-	36,1	0,0	-	0,0
6	Túi shopping	111.301,3	36,0	177.278,9	48,0	106.822	41,9
7	Vải không dệt, túi dán nhiệt	932,9	0,3	505,6	0,1	2.354	0,9
8	Khác	4.281,2	1,4	6.881,3	1,9	7.261	2,8
	<b>Tổng cộng</b>	<b>309.562,6</b>	<b>100,0</b>	<b>369.142,0</b>	<b>100,0</b>	<b>254.968</b>	<b>100</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023 của TDP

Bảng 7: Lợi nhuận gộp Công ty mẹ theo sản phẩm năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %	Triệu đồng	Tỷ trọng %
1	Bao PP	37.028,1	15,2	48.176,9	16,2	38.547,1	18,7
2	Hạt nguyên sinh	51.536,2	21,2	39.740	13,3	33.438,6	16,2
3	Hạt tái sinh	2.999,3	1,2	8.731,6	2,9	4.758,2	2,3
4	Manh	36.753,3	15,1	27.560,3	9,2	16.409,0	8,0
5	Sợi	-	-	-	-	-	0,0
6	Túi shopping	111.301,3	45,8	169.670,7	56,9	106.821,9	51,8
7	Vải không dệt, túi dán nhiệt	932,9	0,4	171,7	0,1	2.353,7	1,1
8	Khác	2.615,9	1,1	3.920,2	1,3	4.040,0	2,0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>243.167,0</b>	<b>100,0</b>	<b>297.971,4</b>	<b>100,0</b>	<b>206.368,5</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 của TDP

## 8.2 Tài sản

Giá trị tài sản theo Báo cáo tài chính hợp nhất và Báo cáo tài chính riêng được kiểm toán tại thời điểm ngày 31/12/2021, 31/12/2022 và báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 như sau:



Bảng 8: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>651.082.848.858</b>	<b>208.711.875.800</b>	<b>442.370.973.058</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	158.518.176.533	34.738.687.368	123.779.489.165
Máy móc thiết bị	426.798.041.744	142.762.508.763	284.035.532.981
Phương tiện vận chuyển	55.509.142.693	28.256.218.821	27.252.923.872
Thiết bị văn phòng	9.506.010.070	2.869.567.308	6.636.442.762
Tài sản cố định khác	751.477.818	84.893.540	666.584.278
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.391.517.500</b>	<b>308.117.259</b>	<b>1.083.400.241</b>
Phần mềm	1.391.517.500	308.117.259	1.083.400.241
<b>Tổng cộng</b>	<b>652.474.366.358</b>	<b>209.019.993.059</b>	<b>443.454.373.299</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2021 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 9: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2021

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>454.194.978.346</b>	<b>166.617.125.809</b>	<b>287.577.852.537</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	85.751.929.818	24.861.935.888	60.889.993.930
Máy móc thiết bị	315.738.861.528	115.243.978.881	200.494.882.647
Phương tiện vận chuyển	47.103.431.693	24.774.401.279	22.329.030.414
Thiết bị văn phòng	4.884.555.307	1.662.205.591	3.222.349.716
Tài sản cố định khác	716.200.000	74.604.170	641.595.830
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>1.354.517.500</b>	<b>278.517.243</b>	<b>1.076.000.257</b>
Phần mềm	1.354.517.500	278.517.243	1.076.000.257
<b>Tổng cộng</b>	<b>455.549.495.846</b>	<b>166.895.643.052</b>	<b>288.653.852.794</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2021 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 10: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>729.272.318.473</b>	<b>260.093.832.490</b>	<b>469.178.485.983</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.516.761.449	44.402.085.162	182.114.676.287
Máy móc thiết bị	434.922.410.165	178.448.110.709	256.474.299.456
Phương tiện vận chuyển	53.408.903.029	32.687.225.624	20.721.677.405
Thiết bị văn phòng	10.585.766.012	4.239.006.325	6.346.759.687
Tài sản cố định khác	3.838.477.818	317.404.670	3.521.073.148
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.359.892.500</b>	<b>763.765.186</b>	<b>2.596.127.314</b>
Phần mềm	3.359.892.500	763.765.186	2.596.127.314
<b>Tổng cộng</b>	<b>732.632.210.973</b>	<b>260.857.597.676</b>	<b>471.774.613.297</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2022 đã được kiểm toán của TDP



Bảng 11: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 31/12/2022

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>529.796.641.864</b>	<b>205.635.178.186</b>	<b>324.161.463.678</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	153.750.514.734	31.427.619.986	122.322.894.748
Máy móc thiết bị	322.769.684.380	142.722.391.601	180.047.292.779
Phương tiện vận chuyển	46.601.845.228	28.953.209.866	17.648.635.362
Thiết bị văn phòng	5.863.397.522	2.358.327.561	3.505.069.961
Tài sản cố định khác	811.200.000	173.629.172	637.570.828
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>2.965.467.500</b>	<b>679.108.522</b>	<b>2.286.358.978</b>
Phần mềm	2.965.467.500	679.108.522	2.286.358.978
<b>Tổng cộng</b>	<b>532.762.109.364</b>	<b>206.314.286.708</b>	<b>326.447.822.656</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng năm 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 12: Tình hình tài sản của Công ty hợp nhất tại thời điểm ngày 30/09/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>747.784.170.451</b>	<b>300.459.718.838</b>	<b>447.324.451.613</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	226.516.761.449	52.999.377.223	173.517.384.226
Máy móc thiết bị	442.078.456.160	204.290.255.953	237.788.200.207
Phương tiện vận chuyển	64.207.903.029	37.037.615.959	27.170.287.070
Thiết bị văn phòng	11.059.571.995	5.346.898.621	5.712.673.374
Tài sản cố định khác	3.921.477.818	785.571.082	3.135.906.736
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.918.842.500</b>	<b>1.279.648.642</b>	<b>2.639.193.858</b>
Phần mềm	3.918.842.500	1.279.648.642	2.639.193.858
<b>Tổng cộng</b>	<b>751.703.012.951</b>	<b>301.739.367.480</b>	<b>449.963.645.471</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 năm 2023 của TDP

Bảng 13: Tình hình tài sản của Công ty mẹ tại thời điểm ngày 30/09/2023

Đơn vị: đồng

Tài sản	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
<b>Tài sản cố định hữu hình</b>	<b>544.581.692.768</b>	<b>235.847.927.440</b>	<b>308.733.765.328</b>
Nhà cửa và vật kiến trúc	153.750.514.734	37.701.626.775	116.048.887.959
Máy móc thiết bị	326.281.929.301	162.263.670.455	164.018.258.846
Phương tiện vận chuyển	57.400.845.228	32.677.327.524	24.723.517.704
Thiết bị văn phòng	6.337.203.505	2.950.279.764	3.386.923.741
Tài sản cố định khác	811.200.000	255.022.922	556.177.078
<b>Tài sản cố định vô hình</b>	<b>3.524.417.500</b>	<b>1.141.378.231</b>	<b>2.383.039.269</b>
Phần mềm	3.524.417.500	1.141.378.231	2.383.039.269
<b>Tổng cộng</b>	<b>548.106.110.268</b>	<b>236.989.305.671</b>	<b>311.116.804.597</b>

Nguồn: Báo cáo tài chính riêng quý 3 năm 2023 của TDP



8.3 Thị trường hoạt động

Bảng 14: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	242.325	11,2	282.821	9,7	134.214	5,7
2	Bắc Mỹ	114.199	5,3	227.339	7,8	63.310	2,7
	Nam Mỹ	44.566	2,1	82.546	2,8	54.022	2,3
3	Châu Á + Úc + khác	63.135	2,9	83.899	2,9	168.775	7,2
4	Trong nước	1.703.969	78,6	2.240.060	76,8	1.917.075	82,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.168.194</b>	<b>100,0</b>	<b>2.916.665</b>	<b>100,0</b>	<b>2.337.396</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: TDP

Bảng 15: Doanh thu theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	242.325	9,9	282.821	8,7	134.214	4,9
2	Bắc Mỹ	114.199	4,7	227.339	7,0	63.310	2,3
	Nam Mỹ	44.566	1,8	82.546	2,5	54.022	2,0
3	Châu Á + Úc + khác	63.135	2,6	83.899	2,6	168.775	6,2
4	Trong nước	1.975.885	81,0	2.571.091	79,2	2.294.460	84,5
<b>Tổng cộng</b>		<b>2.440.109</b>	<b>100,0</b>	<b>3.247.696</b>	<b>100,0</b>	<b>2.714.781</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: TDP

Bảng 16: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty mẹ

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	57.704	23,7	71.041	23,8	31.518	15,3
2	Bắc Mỹ	27.194	11,2	57.105	19,2	16.221	7,9
	Nam Mỹ	10.612	4,4	20.734	7,0	11.884	5,8
3	Châu Á + Úc + khác	15.034	6,2	21.074	7,1	44.902	21,8
4	Trong nước	132.622	54,5	128.017	43,0	101.843	49,4
<b>Tổng cộng</b>		<b>243.167</b>	<b>100,0</b>	<b>297.971</b>	<b>100,0</b>	<b>206.369</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: TDP



Bảng 17: Cơ cấu lợi nhuận gộp theo thị trường hoạt động của Công ty hợp nhất

Đơn vị: triệu đồng

TT	Nội dung	Năm 2021		Năm 2022		09 tháng năm 2023	
		Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
1	Châu Âu	57.704	18,6	71.041	19,2	31.518	12,4
2	Bắc Mỹ	27.194	8,8	57.105	15,5	16.221	6,4
	Nam Mỹ	10.612	3,4	20.734	5,6	11.884	4,7
3	Châu Á + Úc + khác	15.034	4,9	21.074	5,7	44.902	17,6
4	Trong nước	199.008	64,3	199.187	54,0	150.442	59,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>309.552</b>	<b>100,0</b>	<b>369.142</b>	<b>100,0</b>	<b>254.967</b>	<b>100,0</b>

Nguồn: TDP

#### 8.4 Các hợp đồng lớn

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



Bảng 18: Các hợp đồng lớn đã được thực hiện, hoặc đã được ký kết nhưng chưa thực hiện của TDP trong giai đoạn 2021, 2022 đến thời điểm hiện tại

TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
<b>I</b>	<b>Hợp đồng đầu ra</b>							
1	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1211/2021/H ĐMB/TĐ-ĐK	11/12/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP J1105T	Công ty cổ phần Đại Kim	Số 2 đường Kim Giang, phường Kim Giang, quận Thanh Xuân, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	6.775.560.000
2	HỢP ĐỒNG MUA BÁN HÀNG HOÁ	3006/2023/H ĐMB/TĐ-SH	30/06/2023	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE 222WJ	Công ty TNHH du lịch và thương mại Sông Hồng	68 đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội	Trong tháng 7/2023	5.643.000.000
3	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PIPO 416.14	15/10/2022	Túi dùng trong siêu thị	BU-B4U IMPORTADO RA, EXP E COMERCIO DE SACOLAS LTDA	RUA ONZE DE JUNHO, 189 TERREO, SALA 705 BAIRRO FAZENDA - ITAJAÍ	Trước ngày 8/7/2023	1.028.677.923
4	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0112/2021/H ĐMB/TĐ-TBD	12/1/2021	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (chỉ tiết theo hợp đồng)	Công ty cổ phần Dịch vụ Thái Bình Dương	Km 56, quốc lộ 5, Xã Nam Đồng, Thành Phố Hải Dương, tỉnh Hải Dương	Trong tháng 12/2021	1.804.400.000





TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
5	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	P1034-260623	04/04/2023	Túi dùng trong siêu thị	ATRIUM CO	188 COMMERCE BLVD, JOHNSTOWN, OH 43031, USA	Trước ngày 8/7/2023	1.054.215.607
6	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0109/2021/H ĐMB/TĐ-ĐT	9/1/2021	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (chi tiết theo hợp đồng)	Công ty cổ phần Phát triển Đầu tư Đức Thành	Số nhà 424 đường Ngô Gia Tự, Phường Đức Giang, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội.	Trong vòng 15 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	5.274.940.000
7	Hợp đồng mua bán hàng hóa	2210/2021/H ĐMB/TĐ-SV	10/22/2021	Hạt nhựa nguyên sinh Polypropylene J900N	Công ty cổ phần Tập đoàn Dầu tư SV	Tầng 11, Tòa nhà Prime Centre, 53 Quang Trung, Phường Nguyễn Du, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng	6.912.640.000
8	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	P1262.267-040922	6/2/2022	Shopping Bag-Túi dùng trong siêu thị	ACT GLOBAL TRADING INC	2785 Pacific Coast Highway Suite #324 Torrance, California 905057066	Từ khi ký hợp đồng đến 17/09/2022	39.319,98 USD



TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
9	Hợp đồng ngoại thương mua bán hàng hóa	PI242-040922	6/29/2022	Shopping Bag-Túi dùng trong siêu thị	GREAT PACKAGING	Carretera de Fuencarral N° 44, Edif 5, Oficina 29, 28108, Alcobendas, Madrid	Từ khi ký hợp đồng đến 17/09/2022	44.340,8 USD
10	Hợp đồng mua bán hàng hóa	0212/2022/H ĐMB/TĐ-ĐT	12/2/2022	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE EFDA-7047	Công ty cổ phần Quan hệ Quốc tế - Dầu tư Sản xuất	Số 508 đường Trường Chinh, P. Ngã Tư Sở, Q. Đống Đa, Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày ký hợp đồng	7.240.000.000
11	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1812/2022/H ĐMB/TĐ-PĐ	12/18/2022	Hạt nhựa nguyên sinh PP HY301	Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Phương Duyên	Số 4, nhà C8A, Phường Láng Hạ, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội	Trong vòng 20 ngày kể từ ngày kí hợp đồng	7.282.000.000
12	Hợp đồng mua bán hàng hóa	1608/2022/H ĐMB/TĐ-PTSV	8/16/2022	Hạt nhựa nguyên sinh PP (Y130)	Công ty TNHH Thiết bị Phụ Tùng Sao Việt	Số 63, Phố Nguyễn Khang, P Trung Hòa, Q Cầu Giấy, TP Hà Nội	Trong vòng 30 ngày kể từ ngày kí hợp đồng	5.072.000.000
II	<b>Hợp đồng mua hàng hóa</b>							



TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
1	Hợp đồng mua hàng	31/07/2021/H DMB	7/31/2021	Hạt nhựa nguyên sinh các loại (chỉ tiết theo Hợp đồng)	Công ty TNHH Bao bì Anh Mỹ	Cụm 8, khu 4, thị trấn Thổ Tang, huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc	Trong vòng 15 ngày kể từ khi ký hợp đồng	2.062.100.000
2	Hợp đồng mua hàng	M70A/2021/ HDMB	7/27/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP (Mã số NSJ105G)	Công ty cổ phần Maruni Quốc tế	Số 51, ngách 53/103 đường Đức Giang, tổ 20, P. Đức Giang, Long Biên, Hà Nội	Ngày 29/07/2021-04/08/2021	4.785.000.000
3	Hợp đồng kinh tế	184/NL- TD/2021	3/18/2021	Hạt nhựa nguyên sinh PP R680S	Công ty TNHH TM và đầu tư quốc tế Ngọc Linh	Số nhà 3A/168 đường Thụy Khuê, P. Thụy Khê, Quận Tây Hồ, Hà Nội	3/22/2021	1.421.200.000
4	Hợp đồng mua bán vật tư sản phẩm	430-TD	11/10/2021	Hạt nhựa PPI3110	Công ty cổ phần hóa chất nhựa Đà Nẵng	19-21 Nguyễn Thái Học, P. Hải Châu 1, Q. Hải Châu, TP Đà Nẵng	Cuối tháng 11.2021	3.944.000.000
5	Hợp đồng kinh tế	1303/HĐMB/ KK-TD/2023	13/03/2023	Hạt nhựa nguyên sinh HDPE BL6200+HDP E FE 0235GC	Công ty TNHH đầu tư phát triển thương mại Kim Khánh	Số nhà 19, ngõ 149 phố Ô Cách, phường Việt Hưng, Quận Long Biên, Hà Nội	Tháng 03/2023	5.466.501.250



TT	Tên hợp đồng	Số hợp đồng	Ngày ký	Sản phẩm	Đối tác	Địa chỉ	Thời gian thực hiện	Giá trị hợp đồng (đồng)
6	Hợp đồng mua bán	2704/TABN-TD	27/04/2023	Hạt nhựa nguyên sinh LLDPE 218WJ	Công ty CP Trường An Bắc Ninh	KCN Thuận Thành 3, phường Thanh Khương, thị xã Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh	Tháng 5/2023	4.731.375.000
7	Hợp đồng bán hàng	S221208	12/12/2022	Hạt nhựa Polypropylene NSJ105G	Công ty TNHH MTV Marubeni Việt Nam	Phòng 1203, tòa nhà Sun Wah, 115 Nguyễn Huệ, Quận 1, TPHCM	từ khi ký hợp đồng đến 31/12/2022	5.616.000.000
8	Hợp đồng mua bán	HS-TD14122022-001	12/14/2022	Hạt nhựa Polypropylene các loại ( chỉ tiết theo hợp đồng)	Công ty TNHH Hóa Chất Hyosung Vina	Lô 01CN- 08CN, khu công nghiệp Cái Mép, Phường Tân Phước, Thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu.	Trong tháng 1/2023	8.605.520.000
9	Hợp đồng mua bán	1403TD-HNSG/HDKT 2022	3/14/2022	Hạt nhựa PP HP563S	Công ty cổ phần hóa nhựa Sài Gòn	45A, Nguyễn Văn Bá, KP 3, P.Bình Thọ, TP Thủ Đức, TP Hồ Chí Minh	Từ ngày 25/03/2022 đến 29/04/2022	18.500.000.000
10	Hợp đồng mua bán	036/TM-TD.22	2/26/2022	Hạt nhựa PP nguyên sinh mã Y130	Công ty TNHH XNK Trung Mỹ	Số 9A, Nguyễn Du, P.Nguyễn Du, Q. Hai Bà Trưng, TP. Hà Nội	Từ ngày ký hợp đồng đến 04/03/2022	7.260.000.000

Nguồn: TDP



## 8.5 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

### 8.5.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành trong ngành

**Đứng vị trí số 2 trong bản xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2022 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 04/10/2022.**

Trong năm 2022, Công ty cổ phần Thuận Đức vinh dự đứng vị trí số 2 trong bảng xếp hạng 10 Doanh nghiệp bao bì uy tín năm 2022 được Vietnam Report chính thức công bố ngày 04 tháng 10 năm 2022. Bảng xếp hạng dựa trên 3 tiêu chí chính: (1) Năng lực tài chính thể hiện trên báo cáo tài chính năm gần nhất; (2) Uy tín truyền thông được đánh giá bằng phương pháp Media Coding – mã hóa các bài viết về công ty trên các kênh truyền thông có ảnh hưởng; (3) Khảo sát đối tượng nghiên cứu và các bên liên quan được thực hiện trong tháng 8-9/2022.

**Công ty cổ phần Thuận Đức có bề dày kinh nghiệm, dây chuyền sản xuất hiện đại, quy mô không ngừng mở rộng.**

Với hơn 12 năm phát triển, TDP đã trở thành một đơn vị uy tín được hơn 500 doanh nghiệp và người tiêu dùng trong nước lựa chọn, đồng thời cũng là nhà cung cấp chính và đối tác chiến lược của khoảng hơn 20 tập đoàn bán lẻ trên thế giới.

Trong suốt quá trình phát triển, TDP đã không ngừng cải tiến kỹ thuật, công nghệ. Các cơ sở sản xuất của TDP được trang bị dây chuyền sản xuất hiện đại tuân thủ một quy trình kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt. 100% máy móc, thiết bị chính được nhập khẩu sau khi được khảo sát kỹ lưỡng, sau đó điều chỉnh tối ưu phù hợp với thực tế sản xuất trên 10 năm của đội ngũ kỹ thuật quản lý am hiểu sâu về lĩnh vực.

Trên cơ sở đầu tư công nghệ, kỹ thuật hiện đại đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế, TDP đã và đang mở rộng quy mô sản xuất. Hiện tại, Công ty đang sở hữu 05 nhà máy bao gồm 4 nhà máy tại Kim Động, Hưng Yên đang hoạt động, 1 nhà máy tại Triệu Sơn, Thanh Hóa. Đồng thời Công ty cũng đang có kế hoạch mở rộng thêm nhà máy tại Bim Sơn Thanh Hóa và nhà máy tại Hưng Yên Thuận Đức JB để mở rộng năng lực sản xuất và hoàn thiện chuỗi các sản phẩm trong ngành nhựa PP bao bì đựng công nghiệp. Các nhà máy với công suất lớn, hoạt động liên tục, hệ thống máy móc tự động sẽ tạo sản lượng lớn, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế.

#### **Quy trình sản xuất khép kín, đạt chuẩn quốc tế**

Dây chuyền sản xuất khép kín từ khâu thu mua đến khâu phân phối sản phẩm nên hoạt động sản xuất của các nhà máy của TDP mang tính chủ động cao, tự chủ về nguồn nguyên liệu.

Đặc biệt, Công ty sở hữu nhà máy sản xuất hạt nhựa tái chế từ vỏ bao xi măng đập – một trong những nguyên liệu đầu vào chính để sản xuất túi siêu thị PP với công suất khoảng 43.061 tấn hạt nhựa giúp chủ động nguồn nguyên liệu. Điều này không chỉ giúp gia tăng doanh thu mà còn đảm bảo tính ổn định trong sản xuất cho TDP. Đây là một trong những yếu tố then chốt giúp TDP cạnh tranh và đứng vững trong ngành hơn 10 năm qua.

Vấn đề chất lượng sản phẩm luôn được TDP đặt lên hàng đầu, đặc biệt với những đơn hàng xuất khẩu phục vụ cho các khách hàng quốc tế với tiêu chuẩn khắt khe. Do đó xuyên suốt quá trình phát triển, TDP đã chú trọng xây dựng toàn diện bộ quy chuẩn về chất lượng, về sử dụng lao động, tiêu chuẩn bảo vệ môi trường, vệ sinh thực phẩm, nhà xưởng, trang thiết bị bảo hộ cho người lao động theo các tiêu chuẩn quốc tế. Hiện nay, TDP đã đạt được chứng chỉ quốc tế như: ISO 9001:2015, ISO 14001:2015, ICS, BSCL. Đây cũng là một lợi thế đảm bảo cho sự phát triển bền vững của TDP ở hiện tại và tương lai trong môi trường cạnh tranh ngày càng cao



của thị trường nội địa và với tham vọng không ngừng lớn mạnh vươn ra thị trường quốc tế. TDP là một trong những công ty hàng đầu trong sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP ở Việt Nam So với các đơn vị trong ngành, TDP có nhiều lợi thế ở dòng sản phẩm túi siêu thị PP.

Ngoài ra, đội ngũ bán hàng của Công ty cũng có nhiều năm kinh nghiệm trong kinh doanh túi siêu thị PP và trong lĩnh vực xuất khẩu. Công tác marketing không ngừng được mở rộng, nâng cao để ngày càng mở rộng thị trường trong nước và tăng cường tiếp cận với thị trường xuất khẩu. Hiện nay, ngoài việc tiếp cận khách hàng và bán hàng trực tiếp, TDP còn đang tìm kiếm thị trường tiêu thụ qua các kênh thương mại điện tử B2B, trang web quảng cáo, xúc tiến thương mại, tham gia các hội trợ trưng bày sản phẩm, tăng cường kết nối khách hàng ... Mạng lưới khách hàng của TDP phủ khắp cả nước với hơn 500 doanh nghiệp nội địa và hơn 20 đối tác là tập đoàn nước ngoài từ những thị trường khó tính như Nhật Bản, Châu Âu...

### **8.5.2 Triển vọng phát triển ngành**

Ngành nhựa thế giới hiện nay đã bước vào giai đoạn bão hòa với tốc độ tăng trưởng sản lượng sản xuất và tiêu thụ giảm dần xuống xung quanh 4% từ năm 2013 – 2017. Động lực tăng trưởng chính của ngành nhựa là nhựa bao bì và nhựa dân dụng, được kỳ vọng sẽ tăng trưởng trung bình khoảng 3%. Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu đang có xu hướng chuyển dịch sang châu Á và Trung Quốc. Sản phẩm nhựa có xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm thân thiện với môi trường. Đây là những điểm thuận lợi cho Công ty cổ phần Thuận Đức thâm nhập sâu vào thị trường thế giới.

Ngành công nghiệp Nhựa ở Việt Nam dù còn non trẻ so với các ngành công nghiệp lâu đời khác như cơ khí, điện – điện tử, hoá chất, dệt may... nhưng đã có sự phát triển mạnh mẽ trong những năm gần đây. Ngành Nhựa giai đoạn 2010 – 2020, là một trong những ngành công nghiệp có tăng trưởng cao nhất Việt Nam với mức tăng hàng năm từ 16% - 18% (chỉ sau ngành viễn thông và dệt may), có những mặt hàng tốc độ tăng trưởng đạt gần 100%/năm. Trong đó, nhựa bao bì và nhựa gia dụng là hai mảng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu giá trị ngành nhựa. Nguyên liệu nhựa của Việt Nam hiện nay vẫn phụ thuộc chủ yếu vào nhập khẩu, đặc biệt là nhựa nguyên sinh. Năm 2021, giá trị kim ngạch nhập khẩu nhựa nguyên liệu là khoảng 11,6 tỷ USD, tăng 39,16% so với năm 2020, chiếm 55,19% tổng kim ngạch nhập khẩu nhựa. Trong đó, nhập khẩu nhựa nguyên sinh chiếm khoảng 98% và phế liệu nhựa chiếm 2%. Các nguyên liệu nhựa nguyên sinh nhập khẩu nhiều nhất là nhựa PP (HS 3901), nhựa PET (HS 3907) và nhựa PP (HS 3902). Trong giai đoạn 2018 – 2021, các dự án hóa dầu đi vào hoạt động đã giúp cải thiện rõ rệt năng lực sản xuất nguyên liệu nhựa nguyên sinh của Việt Nam. Tuy nhiên với quy mô và tốc độ tăng trưởng của hạ nguồn của ngành nhựa hiện nay, cung nguyên liệu nhựa vẫn chưa đủ đáp ứng cầu trong nước.

Tận dụng nhựa phế liệu để tái sinh, đưa vào sản xuất sản phẩm, kéo dài vòng đời của nguyên liệu nhựa để đem lại hiệu quả về mặt kinh tế luôn là mục tiêu hướng đến ở các quốc gia, ngay cả ở các khu vực kinh tế hàng đầu như Mỹ, Nhật Bản và EU. Giá thành thành phẩm nguyên liệu nhựa tái sinh sau khi nhập khẩu để tái chế luôn thấp hơn hạt nhựa nguyên sinh khoảng 30%, thậm chí 40%. Trong cơ cấu giá thành hầu hết các sản phẩm nhựa, chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng 60 – 70%, nếu chi phí nguyên liệu giảm bao nhiêu, giá thành sản phẩm sẽ giảm tương ứng. Tuy nhiên, hiện nay PP cũng là một loại nguyên liệu phụ thuộc lớn vào việc nhập khẩu. Việc bị động về nguồn nguyên liệu, kéo theo thiếu chủ động về giá nguyên liệu đã là một lực cản lớn cho doanh nghiệp nhựa trong nước.

Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp Việt đã chủ động được nguồn nguyên liệu PP, trong đó có Công ty cổ phần Thuận Đức. Nhờ vậy mà doanh nghiệp tạo được lợi thế cạnh tranh, giảm giá



thành sản phẩm, tăng lợi nhuận và tái đầu tư cho nghiên cứu phát triển các sản phẩm nhựa kỹ thuật cao.

### **8.5.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ chức Phát hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới**

#### **❖ Định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới**

Trong 02 năm trở lại đây, xu thế chung của toàn cầu là tiến tới giảm thiểu chất thải nhựa, khuyến khích phát triển các sản phẩm từ nhựa tái sinh, thân thiện với môi trường. So với các sản phẩm nhựa truyền thống khác, nhựa tái sinh mang nhiều ưu điểm vượt trội hơn hẳn, đang ngày càng được thế giới ưa chuộng, đặc biệt là ở các nước phát triển do đặc tính thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng do có thể tái chế sau khi đã qua sử dụng. Sản phẩm nhựa tái chế đang dần thay thế sản phẩm nhựa truyền thống, sản lượng nhựa tái chế tăng trung bình 11% trong 10 năm trở lại đây – mức tăng trưởng ấn tượng nhất trong ngành nhựa thế giới. Sự phát triển của các ngành sản phẩm cuối như thực phẩm, xây dựng, thiết bị điện tử, ô tô, ... sẽ là điểm tựa cho sự tăng trưởng của ngành nhựa, đặc biệt là trong phân khúc nhựa bao bì và nhựa xây dựng. Hiện nay, vấn đề giải quyết ô nhiễm rác thải nhựa đã được các quốc gia, lãnh đạo các tập đoàn đa quốc gia khẳng định là mối quan tâm chung toàn cầu, đưa ra các cam kết mạnh mẽ về chống rác thải nhựa. Nhiều quốc gia trên thế giới đã có những hành động cụ thể để giảm thiểu và cấm sử dụng một số sản phẩm nhựa không thân thiện môi trường.

Đồng thời, tăng cường tái chế, tái sử dụng và tuần hoàn chất thải nhựa. Là quốc gia đang phát triển, Việt Nam phải đối mặt với nhiều vấn đề về suy thoái, ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đặc biệt là ô nhiễm do rác thải nhựa hay còn gọi là “ô nhiễm trắng”. Nhận thức rõ vấn đề này, trong thời gian qua, Chính phủ đã chỉ đạo quyết liệt việc thực hiện chính sách, chiến lược để kiểm soát ô nhiễm môi trường do sử dụng túi ni lông, sản phẩm nhựa trong sinh hoạt, quản lý chất thải rắn; thực hiện chuyển đổi mô hình tăng trưởng, thúc đẩy xây dựng nền kinh tế tuần hoàn, trong đó chú trọng giảm thiểu, tăng cường tái chế, tái sử dụng, tận dụng tối đa giá trị của rác thải nhựa cho các hoạt động phát triển kinh tế - xã hội.

#### **❖ Định hướng phát triển của TDP**

Tiếp tục đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nhựa PP tái chế Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hàng năm, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất các sản phẩm từ nhựa PP, nổi bật là hạt nhựa PP tái chế, bao bì PP và túi siêu thị PP. Định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm và sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm. Tiếp tục nghiên cứu, áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa, công nghệ thông tin và công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo rủi ro, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất và sản xuất ra những sản phẩm chất lượng hàng đầu bắt kịp xu hướng và đáp ứng yêu cầu khắt khe của thị trường quốc tế. Phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, có các chính sách tuyển dụng, đãi ngộ phù hợp, chú trọng công tác đào tạo, nâng cao chuyên môn, tay nghề cho cán bộ, nhân viên. Tiếp tục mở rộng quy mô sản xuất, Công ty đầu tư xây dựng 01 nhà máy chuyên sản xuất hạt nhựa PP và các loại sản phẩm bao bì PP tại Thanh Hóa với công suất dự kiến 60.000 tấn/năm và 01 nhà máy chuyên sản xuất túi PP xuất khẩu tại Hưng Yên với công suất dự kiến 30-35 triệu túi/tháng. Khi 02 nhà máy mới này đi vào hoạt động, sản lượng sản xuất của Công ty sẽ nâng lên đáng kể, đảm bảo nguồn cung ổn định cho thị trường trong nước và quốc tế. Sản xuất và xuất khẩu túi siêu thị PP thân thiện với môi trường vẫn là hoạt động mũi nhọn: Ban lãnh đạo Công ty xác định thị trường chủ lực vẫn là xuất khẩu túi



siêu thị PP đến các nước EU, Nhật, Canada, ... Đồng thời tiếp tục mở rộng thị trường sang một số nước Châu Á, Úc, Hoa Kỳ và Mỹ La tinh. Doanh nghiệp tiêu biểu về thực hiện trách nhiệm xã hội: Trong các hoạt động kinh doanh, Công ty luôn đảm bảo tuân thủ đúng quy định của pháp luật về môi trường. Ngoài chế độ lương, thưởng phù hợp, Công ty cũng thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách khác của Nhà nước đảm bảo quyền lợi cho người lao động. Ngoài ra, Công ty cũng thường xuyên tổ chức hoạt động xã hội mang ý nghĩa như: Giúp đỡ các hoàn cảnh khó khăn trong Công ty, trên địa bàn Công ty hoạt động và trên cả nước, tổ chức các chương trình tình nguyện tại các Trung tâm bảo trợ xã hội...

❖ **Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, và xu thế chung trên thế giới**

Trong tương lai ngành nhựa vẫn đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế Việt Nam. TDP là một trong số ít những doanh nghiệp có đủ điều kiện sản xuất hạt nhựa tái chế theo Quyết định chủ trương đầu tư đối với Nhà máy sản xuất bao bì dẹt Thuận Đức với nguyên liệu đầu vào 90% là hạt nhựa nguyên sinh; 10% từ phế liệu tái chế. Đây là cơ sở vững chắc, là tiền đề phát triển thành doanh nghiệp sản xuất bao bì thân thiện với môi trường hàng đầu ở Việt Nam và khu vực. Công ty luôn đặt mục tiêu chất lượng sản phẩm lên hàng đầu, không ngừng cải tiến, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ, mở rộng quy mô sản xuất đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường trong nước và quốc tế. Định hướng phát triển của Công ty tương đối khả quan, phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế, chủ trương chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới. Nếu không có những diễn biến bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty thì định hướng phát triển của Công ty sẽ giúp Công ty đạt được những mục tiêu lợi nhuận trong tương lai.

**8.6 Quyền sở hữu trí tuệ, nhãn hiệu, tên thương mại, sáng chế**



Thuận Đức JSC.

Công ty cổ phần Thuận Đức đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu số 267877 theo Quyết định số 55852/QĐ-SHTT, ngày 05/09/2016 của Cục sở hữu trí tuệ.

**8.7 Chiến lược kinh doanh**

**8.7.1 Các mục tiêu chủ yếu**

- Trở thành tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực bao bì nhựa tại Việt Nam và khu vực Đông Nam Á.
- Định vị thương hiệu công ty bằng việc hoạch định chiến lược marketing năng động, phù hợp hướng tối ưu. Chú trọng công tác bảo vệ và phát triển thương hiệu, duy trì mối quan hệ tốt với cộng đồng doanh nghiệp, giới truyền thông, chính quyền các cấp để liên tục duy trì, phát triển tốt hình ảnh doanh nghiệp, tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho công ty.
- Công ty định hướng lấy công nghệ hiện đại làm nền tảng cho sự phát triển và lấy chất lượng sản phẩm làm trung tâm.
- Áp dụng các công cụ quản lý tiên tiến, hiện đại của thế giới, đặc biệt là các vấn đề liên quan đến công nghệ sản xuất tự động hóa và công nghệ thông tin, công cụ hỗ trợ làm việc nhằm nâng cao năng suất lao động, cảnh báo được các rủi ro có thể gặp phải, giảm chi phí, giảm hao hụt nguyên vật liệu, tiết kiệm tối đa chi phí sản xuất.
- Định hướng phát triển nguồn nhân lực để tạo lợi thế cạnh tranh, công ty hướng đến chính sách



lương thưởng cạnh tranh, các chế độ đãi ngộ cho nhân viên và người thân, các chính sách phát triển nghề nghiệp, trên tinh thần cởi mở, hợp tác để người lao động yên tâm công tác.

#### 8.7.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn (Giai đoạn: 2020-2025)

Tập trung đạt được tăng trưởng ổn định và nâng cao tỷ suất lợi nhuận ở mức hợp lý, nỗ lực không ngừng để đa dạng hóa khách hàng, thương hiệu được lan tỏa đến thị trường tiêu dùng. Công ty hướng đến mô hình tập đoàn với hoạt động cốt lõi về ngành nhựa PP ở tất cả các phân khúc sản phẩm.

- *Về con người*

Xây dựng chiến lược nhân sự theo lớp ở tất cả các lĩnh vực/phòng ban, xây dựng khung năng lực cụ thể ở từng vị trí. Xây dựng chính sách đãi ngộ khen thưởng đặc biệt nhằm thu hút và giữ được người tài.

- *Về tài chính*

Công ty đặt mục tiêu phát triển bền vững, duy trì tốc độ tăng trưởng bình quân 20% hằng năm, giữ vững vị trí là một trong những đơn vị hàng đầu về sản xuất sản phẩm từ polypropylene, nổi bật là hạt nhựa tái chế và bao bì PP.

- *Về khách hàng*

Trở thành thương hiệu tin cậy, chuyên nghiệp trong việc cung cấp các sản phẩm chất lượng tốt nhất, đảm bảo về tiến độ, cam kết chất lượng dịch vụ khách hàng.

- *Về sản phẩm*

Phát triển sản phẩm công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng và giảm giá thành sản phẩm.

- *Về công nghệ kỹ thuật*

Không ngừng cải tiến và đổi mới công nghệ kỹ thuật nhằm giảm chi phí, tiết kiệm thời gian, tăng hiệu suất lao động. Trở thành doanh nghiệp không chỉ kinh doanh giỏi, hệ thống quản trị hiệu quả mà còn dẫn đầu về công nghệ và văn hóa doanh nghiệp.

- *Về thị trường trong tương lai*

Chiếm lĩnh thị trường Việt Nam, mở rộng thị trường ở khu vực Đông Nam Á, Bắc Âu, Bắc Mỹ, EU, Châu Á – Thái Bình Dương.

- *Về nhà máy*

Trong những năm tới sẽ phát triển thêm từ 2-3 nhà máy, toàn bộ để phục vụ xuất khẩu.

Để thực hiện Chiến lược nêu trên, Công ty sẽ bố trí các nguồn vốn với chi phí phù hợp để thực hiện việc mở rộng đầu tư sản xuất bao gồm vốn tự có tích lũy hàng năm qua lợi nhuận để lại công ty sẽ cân đối việc trả cổ tức bằng tiền/cổ phiếu, vốn các cổ đông phát hành thêm; nguồn vốn vay ngân hàng và các tổ chức tài chính tài trợ trong dài hạn để đầu tư dự án.

#### 8.7.3 Chiến lược phát triển bền vững

- Luôn cung cấp các sản phẩm bao bì chất lượng, thân thiện với môi trường (tái sử dụng được nhiều lần, phân hủy được trong môi trường tự nhiên) đến với khách hàng.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với các hoạt động bảo vệ môi trường, tuân thủ đúng quy định Pháp luật về bảo vệ môi trường, luôn cải tiến và đổi mới công nghệ sản xuất nhằm tiết kiệm năng lượng, giảm hao phí nguyên vật liệu và giảm lượng chất thải ra môi trường.



- Tuân thủ đúng các quy định của Pháp luật về an toàn lao động, đảm bảo các quyền lợi của người lao động, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống cho người lao động.
- Tích cực tham gia các hoạt động cộng đồng, nhân văn, đóng góp cho sự phát triển của xã hội, nâng cao uy tín doanh nghiệp.

**8.8 Thông tin về việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật liên quan, trường hợp Tổ chức Phát hành hoạt động trong lĩnh vực ngành nghề kinh doanh có điều kiện**

Công ty không hoạt động trong ngành nghề kinh doanh có điều kiện.

**9. Thông tin về cổ đông lớn**

**9.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 04/08/2023**

*Bảng 19: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty*

TT	Tên cổ đông	Năm sinh	Quốc tịch	Số ĐKDN/ CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ sở hữu/VDL (%)
1	Nguyễn Đức Cường	1970	Việt Nam	020070000067	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng,	24.860.032	32,91
2	Ngô Kim Dung	1972	Việt Nam	020172000113	Long Biên, Hà Nội	5.242.077	6,94
<b>Tổng cộng</b>						<b>30.102.109</b>	<b>39,85</b>

*Nguồn: Danh sách cổ đông chốt tại ngày 04/08/2023 của Công ty*

**Thông tin về cổ đông lớn:**

- ❖ Thông tin về cổ đông lớn ông Nguyễn Đức Cường: Chi tiết tại nội dung 10.1.1 của Bản Cáo Bạch này;
- ❖ Thông tin về cổ đông lớn bà Ngô Kim Dung: Chi tiết tại nội dung 10.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

**Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành:**

- ❖ Lợi ích liên quan của ông Nguyễn Đức Cường với Tổ Chức Phát Hành: Chi tiết tại nội dung 10.1.1 của Bản Cáo Bạch này;
- ❖ Lợi ích liên quan của bà Ngô Kim Dung với Tổ Chức Phát Hành: Chi tiết tại nội dung 10.1.2 của Bản Cáo Bạch này.

**9.2 Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần tại thời điểm ngày 04/08/2023**

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



Bảng 20: Danh sách người có liên quan của cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần

TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
1	Ngô Kim Dung	Nguyễn Đức Cường	Vợ	020172000113	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	5.242.077 CP Chiếm 6,94%	Giữ chức vụ thành viên HĐQT, kiêm Phó TGD Thủ lao và lương chi tiết tại nội dung 10.1.2
2	Nguyễn Kim Anh	Nguyễn Đức Cường	Con gái	020193009048	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	1.130.149 CP Chiếm 1,50%	Giữ chức vụ thành viên HĐQT, Thủ lao TV HĐQT chi tiết tại nội dung 10.1.3
3	Nguyễn Đức Chính	Nguyễn Đức Cường	Con trai	020201000058	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	2.950.314 CP Chiếm 4,11%	Không có lợi ích liên quan
4	Nguyễn Đức Thịnh	Nguyễn Đức Cường	Em trai	020072000085	NQ07-30 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	1.254.392 CP Chiếm 1,66 %	Không có lợi ích liên quan
5	Nguyễn Thị Hằng	Nguyễn Đức Cường	Em gái	020174007174	Chung cư Mỹ Đình Plaza 2- PCC1, Phòng 2506, Số 2 ngõ 2, Phố Nguyễn	222.352 CP Chiếm 0,29 %	Không có lợi ích liên quan



TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VDL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
					Hoàng, Hà Nội		
6	Nguyễn Văn Tuyền	Nguyễn Đức Cường	Em rể	082291457	Chung cư Mỹ Đình Plaza 2-PCC1, Phòng 2506, Số 2 Ngõ 2, Nguyễn Hoàng, Hà Nội	125.881 CP Chiếm 0,17%	Giữ chức vụ Giám đốc vật tư Công ty Lương năm 2022 311.967.346 VND
7	Dương Ngân Liên	Nguyễn Đức Cường	Em dâu	080940700	NQ07-30 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	5.285 CP Chiếm 0,01%	Không có lợi ích liên quan
8	Nguyễn Đức Cường	Ngô Kim Dung	Chồng	020070000067	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	24.860.032 CP Chiếm 32,91%	Giữ chức vụ chủ tịch HĐQT; Thù lao và lương chi tiết tại nội dung 10.1.1
9	Nguyễn Thị Lái	Ngô Kim Dung	Chị dâu	012545277	Số 19 Hẻm 146/11/8 Vương Thừa Vũ, Thanh Xuân, Hà Nội	472.055 CP Chiếm 0,63%	Không có lợi ích liên quan
10	Nguyễn Thị Vinh	Ngô Kim Dung	Em dâu	081047686	Số 9 Trần Lưu, Thị trấn Đồng Mô, Chi Lăng, Lạng Sơn	351.232 CP Chiếm 0,47%	Không có lợi ích liên quan
11	Ngô Thị Yên	Ngô Kim Dung	Chị gái	020165000050	Thị xã Bim Sơn, Thanh Hóa	157.351 CP Chiếm 0,21%	Không có lợi ích liên quan
12	Ngô Thanh	Ngô Kim Dung	Anh trai	012567010	TP. Hà Nội	0 CP Chiếm 0%	Không có lợi ích liên



TT	Tên người có liên quan	Cổ đông lớn có liên quan	Mối quan hệ với cổ đông lớn	Số ĐKDN/CMND	Địa chỉ	Số cổ phần nắm giữ, Tỷ lệ sở hữu /VĐL *	Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành
	Quang						quan
13	Ngô Tô Vinh	Ngô Kim Dung	Chị gái	080601861	TT Đồng Mô, Chi Lăng, Lạng Sơn	0 CP Chiếm 0%	Không có lợi ích liên quan
14	Ngô Thúy Nga	Ngô Kim Dung	Chị gái	080791215	Phòng Quản lý hạ tầng, số 19 đường Lý Thái Tổ, Phường Đông Kinh, TP Lạng Sơn	314.703 CP Chiếm 0,42%	Không có lợi ích liên quan
15	Ngô Quang Trung	Ngô Kim Dung	Em trai	080925928	TT Đồng Mô, Chi Lăng, Lạng Sơn	0 CP Chiếm 0%	Không có lợi ích liên quan

**10. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng**

**10.1 Hội đồng quản trị**

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Nguyễn Đức Cường	Chủ tịch HĐQT
2	Ngô Kim Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
3	Nguyễn Kim Anh	Thành viên HĐQT kiêm người phụ trách quản trị Công ty
4	Bùi Quang Sỹ	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
5	Phạm Văn Chí	Thành viên HĐQT độc lập
6	Nguyễn Văn Trường	Thành viên HĐQT độc lập
7	Trần Đăng Duy	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc

**10.1.1 Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

- Họ và tên: Nguyễn Đức Cường
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 16/12/1970
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Kỹ sư



- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư hóa (chuyên ngành nhựa)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1990 – 2002	Học tập và làm việc trong các Doanh nghiệp chế tạo máy và sản xuất ngành nhựa tại Trung Quốc	
2003 – 2006	Công ty cổ phần Tiến Long	Giám đốc
01/2007 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Chủ tịch HĐQT, Đại diện theo pháp luật
01/2018 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Chủ tịch HĐQT
07/2014 – nay	Công ty cổ phần Sản xuất Bao bì Thái Yên	Chủ tịch HĐQT
11/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn	Chủ tịch HĐQT
08/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức JB	Chủ tịch HĐQT
11/2019 – nay	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.	Chủ tịch Công ty

- Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch Hội đồng Quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức, Đại diện theo pháp luật
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Sản xuất bao bì Thái Yên
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Bim Sơn
  - + Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức JB
  - + Chủ tịch Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên.
- Số cổ phần nắm giữ: 24.860.032 cổ phần (tương ứng 32,91 % vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 24.860.032 cổ phần (tương ứng với 32,91% vốn điều lệ).
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ngô Kim Dung	Vợ	5.242.077	6,94
2	Nguyễn Kim Anh	Con	1.130.149	1,50
3	Nguyễn Đức Chính	Con	2.950.314	3,91
4	Nguyễn Đức Thịnh	Em trai	1.254.392	1,66



STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
5	Nguyễn Thị Hằng	Em gái	222.352	0,29
6	Nguyễn Văn Tuyển	Em rể	125.881	0,17
7	Dương Ngân Liên	Em dâu	5.285	0,01

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	60.000.000	160.000.000	180.000.000
Tiền lương (*)	773.507.538	735.250.000	566.058.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

(\*) Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch Hội đồng quản trị TDP là Người đại diện theo pháp luật của Công ty có tham gia điều hành công ty và được hưởng thu nhập theo chế độ của Công ty.

#### 10.1.2 Bà Ngô Kim Dung – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Ngô Kim Dung
- Giới tính: Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 07/04/1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kinh tế (Chuyên ngành Quản trị kinh doanh)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 2011	TT. Đồng Đăng, H. Cao Lộc, T. Lạng Sơn	Kinh doanh
10/2012 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
01/2018 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:  
+ Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco



- Số cổ phần nắm giữ: 5.242.077 cổ phần (tương ứng 6,94% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 5.242.077 cổ phần (tương ứng với 6,94% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Chồng	24.860.032	32,91
2	Nguyễn Kim Anh	Con	1.130.149	1,50
3	Nguyễn Đức Chính	Con	2.950.314	3,91
4	Nguyễn Thị Lái	Chị dâu	472.055	0,63
5	Nguyễn Thị Vinh	Em dâu	351.232	0,47
6	Ngô Thị Yên	Chị gái	157.351	0,21
7	Ngô Thúy Nga	Chị gái	314.703	0,42

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	760.874.308	735.250.000	566.058.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

#### 10.1.3 Bà Nguyễn Kim Anh – Thành viên HĐQT kiêm Người phụ trách quản trị Công ty

- Họ và tên: Nguyễn Kim Anh
- Giới tính: Nữ
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 12/03/1993
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: NQ 02 – 10 Vinhomes Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành Tài chính – Ngân hàng – Bảo hiểm)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/06/2015 – 01/12/2017	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Nhân viên Phòng Kinh doanh Quốc tế
01/12/2017 – 01/12/2018	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Phòng Kinh doanh Quốc tế



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
01/12/2018 – nay	Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc	Phó Giám đốc
23/04/2019 – 28/06/2020	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc
28/06/2020 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc
05/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Tổng Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác:
  - + Phó Giám đốc Công ty TNHH Hoàng Anh Kinh Bắc
  - + Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
- Số cổ phần nắm giữ: 1.130.149 cổ phần (tương ứng 1,50% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 1.130.149 cổ phần (tương ứng với 1,50% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Nguyễn Đức Cường	Bố	24.860.032	32,91
2	Ngô Kim Dung	Mẹ	5.242.077	6,94
3	Nguyễn Đức Chính	Em trai	2.950.314	3,91

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không;
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	273.000.000	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

#### 10.1.4 Ông Bùi Quang Sỹ – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Tổng Giám đốc

- Họ và tên: Bùi Quang Sỹ
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 25/12/1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tầng 37 CC Cao cấp 210 Quang Trung, Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Luật – Luật sư



- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2003 – 2005	Thị hành án dân sự TP. Hòa Bình	Chấp hành viên
2005 – 2008	Trung tâm ĐTDĐ CDMA Hà Nội – Công ty cổ phần Bưu chính viễn thông Sài Gòn	Chuyên viên – Trưởng nhóm hỗ trợ và pháp lý
2008 – 2010	Công ty cổ phần Quảng cáo Truyền thông Việt (vietmedia)	Phó Tổng giám đốc
2010 – 2011	Công ty TNHH Xây Dựng Hải Hà	Giám đốc Chi nhánh
2011 – 2012	Công ty cổ phần Đầu tư Kinh doanh Khoáng sản Việt (vietmine.jsc.)	Trợ lý TGD kiêm Trưởng phòng Hành chính nhân sự
2012 – 2015	Công ty CP Casablanca	Trưởng phòng HCNS
2015 – 11/2021	Công ty CP Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc
12/2021 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc
01/2018 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức Eco	Thành viên HĐQT

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức.
  - Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức Eco
  - Số cổ phần nắm giữ: 44.057 cổ phần (tương ứng 0,06% vốn điều lệ). Trong đó:
    - + Sở hữu cá nhân: 44.057 cổ phần (tương ứng với 0,06% vốn điều lệ).
    - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
  - Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: Không có.
  - Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	742.874.308	736.450.000	565.308.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

#### 10.1.5 Ông Phạm Văn Chí – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên: Phạm Văn Chí
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 18/05/1975
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Võ Ninh – Quảng Ninh – Quảng Bình
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư kỹ thuật in
- Quá trình công tác:



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2010 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT
06/2020 – nay	Công ty CP Xuất nhập khẩu khoáng sản Hà Nam	Giám đốc

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Thuận Đức.
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Giám đốc Công ty CP Xuất nhập khẩu Khoáng sản Hà Nam
- Số cổ phần nắm giữ: 17.622 cổ phần (tương ứng 0,02% vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 17.622 cổ phần (tương ứng với 0,02% vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0% vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không

Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

#### 10.1.6 Ông Nguyễn Văn Trường – Thành viên Hội đồng Quản trị độc lập

- Họ và tên: Nguyễn Văn Trường
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 26/12/1985
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Ngõ 56, đường 20 tháng 8, thị trấn Lương Bằng, huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Kỹ sư
- Năng lực chuyên môn: Kỹ sư cơ khí giao thông vận tải
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
06/2008 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Thành viên HĐQT
06/2020 – nay	Công ty CP Cầu 12 CIENCOI	Giám đốc kỹ thuật thi công

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT độc lập Công ty cổ phần Thuận Đức.



- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Giám đốc kỹ thuật thi công Công ty CP Cầu 12 CIENCO1
- Số cổ phần nắm giữ: 739.502 cổ phần (tương ứng 0,98 % vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 739.502 cổ phần (tương ứng với 0,98 % vốn điều lệ).
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan:

STT	Họ và tên	Quan hệ	Số lượng cổ phần nắm giữ (cổ phần)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Đặng Thùy Dung	Vợ	8.531	0,01

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	36.000.000	120.000.000	135.000.000
Tiền lương	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

**10.1.7 Ông Trần Đăng Duy – Thành viên Hội đồng Quản trị kiêm Phó Tổng Giám Đốc**

- Họ và tên: Trần Đăng Duy
- Giới tính: Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Ngày tháng năm sinh: 13/06/1982
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 4, Tập thể trạm điều dưỡng Sứ Xây dựng, Phúc Xá, Ba Đình, Hà Nội.
- Trình độ học vấn: Thạc sỹ
- Năng lực chuyên môn: Thạc sỹ quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
11/2008 – 10/2010	Công ty cổ phần Đầu tư – Phát triển Đô thị Phố Wall.	Giám đốc Sản giao dịch bất động sản Phố Wall kiêm Phó Phòng Tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
09/2010 – 10/2014	Công ty cổ phần Chứng Khoán Woori CBV.	Giám đốc khối môi giới và phát triển hệ thống kiêm Phó phòng tư vấn tài chính doanh nghiệp (IB)
08/2014 – 11/2018	Công ty cổ phần Tập đoàn Tiên Bộ	Phó Tổng Giám đốc/ Giám đốc Tài chính
07/2017 – 07/2018	Công ty Cổ phần Thương mại Hà Tây	Thành viên HĐQT
2014 – 2018	Giảng viên chuyên đề Chứng	Học viện Ngân hàng



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
	khoán và Thị trường Chứng khoán tại Khoa Tài chính	
11/2018 – 6/2021	Công ty cổ phần Thuận Đức	Giám đốc Tài chính Chứng khoán và M&A
06/2021 – nay	Công ty cổ phần BDS Đồng Quê	Tổng Giám đốc
07/2021 – 04/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Trợ lý chủ tịch HĐQT
04/2023-20/12/2023	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng
04/2023 – nay	Công ty cổ phần Thuận Đức	Phó Tổng Giám đốc, Thành viên HĐQT.

- Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ đang nắm giữ ở các Công ty khác: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bất động sản Đồng Quê
- Số cổ phần nắm giữ: 2.955.744 cổ phần (tương ứng 3,91 % vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 2.955.744 cổ phần (tương ứng với 3,91 % vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người có liên quan: không có
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	0	75.000.000
Tiền lương	0	0	300.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

### 10.2 Ban Tổng giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Quang Sỹ	Tổng giám đốc
2	Ngô Kim Dung	Phó Tổng giám đốc
3	Trần Đăng Duy	Phó Tổng giám đốc

#### 10.2.1 Ông Bùi Quang Sỹ – Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

#### 10.2.2 Bà Ngô Kim Dung – Phó Tổng Giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

#### 10.2.3 Ông Trần Đăng Duy – Phó Tổng giám đốc

Thông tin xem ở phần Thành viên Hội đồng quản trị

### 10.3 Ban Kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Bùi Huy Hoàng	Trưởng Ban kiểm soát



STT	Họ và tên	Chức vụ
2	Trần Việt Thắng	Phó Ban Kiểm soát
3	Nguyễn Thị Nguyệt	Thành viên BKS

**10.3.1 Ông Bùi Huy Hoàng – Trưởng Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Bùi Huy Hoàng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 20/12/1994
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Xã Đức Hợp, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế (Chuyên ngành kiểm toán, tài chính doanh nghiệp)
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2016 – 2020	Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam	Kiểm toán viên
06/2020 – 24/04/2022 24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên BKS Trưởng BKS

- Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Thuận Đức
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: Không có.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	24.000.000	88.000.000	90.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

**10.3.2 Ông Trần Việt Thắng – Phó Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Trần Việt Thắng
- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 07/09/1985



- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Mai Viên – Xã Song Mai – Huyện Kim Động – Tỉnh Hưng Yên
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
12/2006 – 07/2014	Công ty Thành An 141 – Binh đoàn 11 – BQP	Nhân viên, Trợ lý Ban tài chính
08/2014 – 09/2019	Công ty TNHH MTV 129 – Ban cơ yếu chính phủ	Nhân viên, Trợ lý Ban Tài chính
10/2019 – 24/04/2022	Công ty cổ phần Thuận Đức	Nhân viên kế toán, Phó Ban Nguồn vốn
24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Phó Ban Kiểm soát

- Chức vụ công tác hiện nay: Phó Ban Kiểm soát
- Chức vụ tại các tổ chức khác: Không
- Số cổ phần nắm giữ: 0 cổ phần (tương ứng 0 % vốn điều lệ). Trong đó:
  - + Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ),
  - + Được ủy quyền đại diện: 0 cổ phần (tương ứng với 0 % vốn điều lệ).
- Số cổ phần những người có liên quan nắm giữ: không có.
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	64.000.000	72.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

**10.3.3 Bà Nguyễn Thị Nguyệt – Thành viên Ban kiểm soát**

- Họ và tên: Nguyễn Thị Nguyệt
- Giới tính: Nữ
- Ngày tháng năm sinh: 18/01/1981
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0221 3 810705
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Thôn Duyên Yên, Xã Ngọc Thanh, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên.
- Trình độ học vấn: Cử nhân
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân Kinh tế
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2006- 2008	Công ty Công ty cổ phần may 01/05	Kế toán công nợ
2008 – 2009	Công ty TNHH bao bì Lâm Việt An	Kế toán tổng hợp



Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2009 – 2010	Công ty TNHH may Hương Linh	Kế toán tổng hợp
2010 – 24/04/2022	Công ty cổ phần Thuận Đức	Kế toán viên, Trưởng ban nguồn vốn
24/04/2022 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng ban nguồn vốn

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)
Thù lao HĐQT/BKS	0	40.000.000	45.000.000
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

**10.4 Kế toán trưởng: Bà Đào Thị Nga – Kế toán trưởng**

- Họ tên: Đào Thị Nga
- Giới tính: Nữ
- Ngày sinh: 08/10/1989
- Quốc tịch: Việt Nam
- Điện thoại liên hệ: 0973776439
- Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Đồng Long, Hùng An, Kim Động, Hưng Yên
- Trình độ học vấn: 12/12
- Năng lực chuyên môn: Cử nhân kế toán
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 – T6/2015	Công ty TNHH Orbital	Chuyên viên Kế toán thuế
T7/2015 – T6/2020	CTCP Thuận Đức	Kế toán thuế, kế toán giá thành
T7/2020 – T8/2022	Công ty TNHH Thuận Đức Hưng Yên	Kế toán trưởng
T9/2022 – 19/12/2023	CTCP Thuận Đức Eco	Kế toán trưởng
20/12/2023 – nay	Công ty Cổ phần Thuận Đức	Kế toán trưởng

- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành:

Nội dung	Năm 2021 (đồng)	Năm 2022 (đồng)	9 Tháng Năm 2023 (đồng)



Thù lao HĐQT/BKS	0	0	0
Lợi ích khác/Cổ phiếu ESOP	Không có	Không có	Không có

### 11. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Trong ba năm 2020, 2021, 2022, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông như sau:

STT	Nội dung	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
1	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	12%	12%	12%
2	Trả cổ tức bằng tiền mặt	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>12%</b>	<b>12%</b>	<b>12%</b>

Nguồn: TDP

### 12. Tình hình thanh toán gốc và lãi trái phiếu đã phát hành trong 03 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại

Các trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành trong 3 năm liền trước đều được thanh toán gốc, lãi đúng hạn theo như cam kết với người sở hữu trái phiếu.

### 13. Thông tin về những cam kết chưa thực hiện của Tổ Chức Phát Hành

#### 13.1 Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

Bảng 21: Thông tin về các hợp đồng thuê đất của Công ty

TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )
		Từ ngày	Đến ngày		
1	GCNQSD.CG 540257(05/09/2017)- thửa đất 336	5/9/2017	7/11/2057	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	17.635
2	GCNQSD.DG 528308(09/06/2022)- sản thương mại dịch vụ số H4-TM4	9/6/2022	9/8/2068	Đất thương mại dịch vụ, đất ở tại đô thị	195,6



TT	Khu đất	Thời hạn thuê		Loại đất	Diện tích (m <sup>2</sup> )
		Từ ngày	Đến ngày		
3	GCNQSD.DG 528307(09/06/2022)- sàn thương mại dịch vụ số H4-TM3	9/6/2022	9/8/2068	Đất thương mại dịch vụ, đất ở tại đô thị	195,1
4	05/2020PLHĐ	22/1/2020	22/1/2025	Thuê kho Rồng Vàng 1	14.657
5	04/2019PLHĐ	1/1/2020	1/1/2025	Thuê kho Rồng Vàng 2	10.200
6	1962/2022/RV-TĐ	11/1/2022	22/1/2025	Thuê kho Rồng Vàng 3	3.373
7	02/2019/HĐTX- MHY + PLHĐ ngày 12.04.2022	1/7/2019	30/6/2024	Thuê nhà kho Minh Hải	2.532,14
8	18/2022/HĐTK-TĐ	1/5/2022	30/4/2027	Thuê kho Long An	1.225
9	08/2021/HĐKT	01/05/2021	22/01/2025	Thuê kho Rồng Vàng 4	7.705
<b>Tổng cộng</b>					<b>57.717,8</b>

Nguồn: TDP

**13.2 Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Tại thời điểm ngày 30/09/2023, TDP không có trái phiếu còn dư nợ. Trái phiếu do TDP phát hành riêng lẻ mã trái phiếu TDPH2124001 đã được thanh toán toàn bộ gốc, lãi trái phiếu tại ngày 05/09/2023.

**14. Các thông tin nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng liên quan tới Tổ chức phát hành có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Tổ chức phát hành, đợt chào bán, dự án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp kiện tụng có thể ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh (ii) tình hình tài chính (iii) đợt chào bán hoặc (iv) Phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

**15. Thông tin về cam kết của Tổ chức phát hành không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích**

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.



## V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh

#### 1.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm gần nhất

Bảng 22: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của công ty mẹ năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm 2022/ 2021	09 tháng năm 2023
Tổng giá trị tài sản	2.408.246.756	2.897.448.031	20,31%	3.250.354.394
Doanh thu thuần	2.168.193.909	2.916.664.656	34,52%	2.337.379.537
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	104.831.801	108.773.331	3,76%	40.599.426
Lợi nhuận khác	(2.691.195)	(4.121.974)	53,17%	(7.726.656)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	102.140.606	104.651.357	2,46%	32.872.770
Lợi nhuận sau thuế	84.514.249	81.708.870	-3,32%	17.855.341
Tỷ lệ chi trả cổ tức	12%	12%	0,00%	0

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 của TDP

Bảng 23: Một số chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Công ty hợp nhất năm 2021, 2022 và 09 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: nghìn đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng/ giảm 2022/ 2021	09 tháng năm 2023
Tổng giá trị tài sản	2.739.085.588	3.321.100.590	21,25%	3.677.743.871
Doanh thu thuần	2.440.109.488	3.247.695.870	33,10%	2.714.765.005
Lợi nhuận thuần từ hoạt động KD	113.411.234	127.959.026	12,83%	53.773.221
Lợi nhuận khác	(2.924.647)	(4.577.512)	56,52%	(8.005.834)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	110.486.587	123.381.515	11,67%	45.767.387
Lợi nhuận sau thuế	86.818.656	93.744.633	7,98%	25.989.427

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023



Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu tài chính: Không có.

## 1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

### 1.2.1 Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán

#### ❖ Thuận lợi:

- Cơ cấu sản xuất nguyên liệu nhựa toàn cầu tiếp tục xu hướng chuyển dịch sang châu Á và Trung Quốc, Châu Á được kỳ vọng sẽ là các khu vực có mức tăng trưởng nhanh về nhu cầu các sản phẩm nhựa trong tương lai.
- Do đứt gãy chuỗi cung ứng, nền kinh tế Trung Quốc bị ảnh hưởng. Việc áp dụng chính sách Zero Covid nền kinh tế Trung Quốc bị ảnh hưởng nặng nề. Thời gian này là cơ hội cho các nhà sản xuất, xuất khẩu Việt Nam trong việc tìm kiếm, chiếm lĩnh và lấp kín khoảng trống thị trường. Và Việt Nam đang là điểm sáng trong bức tranh kinh tế, thu hút đầu tư.
- Theo xu hướng chung của Thế giới đang chuyển dịch sang các sản phẩm nhựa thân thiện với môi trường. Chính phủ Việt Nam đã có những quyết sách cụ thể ưu tiên chú trọng việc sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường. Yếu tố thân thiện với môi trường đang dần trở thành một tiêu chí thiết yếu trong xu hướng tiêu dùng các sản phẩm của các thị trường phát triển. Vì vậy chuyển đổi sản xuất sang các sản phẩm nhựa có khả năng phân hủy tốt là xu hướng tất yếu của ngành nhựa thế giới.
- Các hiệp định thương mại tự do ASEA, EU...luôn mở ra cơ hội cho xuất khẩu, cùng các ngành kinh tế Xanh, kinh tế tuần hoàn. Đồng thời, việc xóa bỏ một số dòng thuế theo các hiệp định CPTPP, EVFTA sau năm thứ 7 trong đó có sản phẩm túi siêu thị Thuận Đức đang sản xuất, tạo cơ hội thúc đẩy xuất khẩu hàng hóa của công ty sang các thị trường EU, Canada, Nhật Bản ...thuận lợi hơn rất nhiều.
- Được sự quan tâm, giúp đỡ hỗ trợ của Lãnh đạo tỉnh Hưng Yên, các ban ngành hữu quan trong Tỉnh cùng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, cái cách các thủ tục hành chính đảm bảo cho doanh nghiệp có cơ hội phát triển kinh doanh.
- TDP tự chủ được nguồn nguyên liệu đầu vào nhờ sử dụng nguyên liệu tái sinh và tái chế lại được các sản phẩm lỗi, hỏng, phế trong sản xuất được quay vòng tuần hoàn liên tục nên hạn chế được lãng phí trong sản xuất.

#### ❖ Khó khăn

- Trong bối cảnh kinh tế thế giới có nhiều rủi ro, bất ổn, thương mại toàn cầu sụt giảm, Thế giới và Việt Nam vừa trải qua đại dịch Covid với nhiều hệ lụy nặng nề cùng với tác động của chiến tranh tại Châu Âu khiến cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu gặp rất nhiều khó khăn.
- Từ đầu năm 2022 đến nay giá dầu và giá các mặt hàng nguyên, nhiên vật liệu đầu vào sản xuất trên phạm vi toàn cầu liên tục tăng, giá cước vận chuyển quốc tế cao 3-4 lần so với thời kỳ bình ổn. Trước áp lực lạm phát tăng cao, nhiều ngân hàng trung ương trên thế giới đã tiến hành thắt chặt chính sách tiền tệ. Các ngân hàng liên tục điều chỉnh lãi suất. Ngân hàng Nhà nước đang tiếp tục duy trì công cụ hạn mức tín dụng để kiểm soát lạm phát mục tiêu và thanh khoản hệ thống ngân hàng, trong bối cảnh thị trường trái phiếu doanh nghiệp ảm đạm, khiến việc tiếp cận vốn của doanh nghiệp còn khó khăn. Những tác động từ tăng trưởng nền kinh tế nêu trên gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của công ty. Mặt khác, Các quốc gia Châu Mỹ, Châu Âu là các thị trường trọng tâm tiêu thụ sản phẩm Công ty vẫn phải áp dụng các



biện pháp thắt chặt tiền tệ để kiểm soát lạm phát dẫn đến tình hình kinh doanh ở các thị trường đó đều gặp khó khăn, làm cho nhu cầu sử dụng sản phẩm giảm mạnh.

- Năm 2022, tăng trưởng ngành Nhựa Việt Nam đạt 1,9%, là năm thấp nhất sau hơn 1 thập niên tăng trưởng liên tục trên 15% có năm trên 30%. Kim ngạch xuất khẩu sản phẩm nhựa Việt Nam tiếp tục tăng nhưng thấp hơn một nửa (10,5%) so với năm 2021, đạt 5,447 tỷ USD. Doanh thu tăng trưởng nhưng lợi nhuận của doanh nghiệp chỉ tăng nhẹ từ 3% đến 11% tùy theo ngành hàng. Do giá nguyên liệu tăng từ 1,3% đến 3,68%, cộng với chính sách tăng lãi suất cho vay bằng tiền đồng Việt Nam
- Năm 2022 là năm thứ 16 đi vào hoạt động của Công ty, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất đang trong quá trình phải đầu tư, nâng cấp và bảo dưỡng.

**1.2.2 Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất: Không.**

## 2. Tình hình tài chính

### 2.1 Các chỉ tiêu cơ bản

#### 2.1.1 Tình hình công nợ

##### 2.1.1.1 Các khoản phải thu

*Bảng 24: Chi tiết các khoản phải thu của Công ty hợp nhất*

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>571.438.135.628</b>	<b>623.314.640.427</b>	<b>561.009.471.898</b>
Phải thu khách hàng	257.615.447.733	349.065.116.720	343.603.904.304
Trả trước người bán	117.181.095.758	243.160.238.399	174.686.813.144
Phải thu cho vay ngắn hạn	78.900.000.000	4.050.000.000	18.082.263.863
Các khoản phải thu khác	117.741.592.137	27.039.285.308	24.636.490.587
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>225.993.120.269</b>	<b>258.494.442.624</b>	<b>156.779.509.189</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>797.431.255.897</b>	<b>881.809.083.051</b>	<b>717.788.981.087</b>

*Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023*

*Bảng 25: Chi tiết các khoản phải thu của công ty mẹ*

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>517.930.925.166</b>	<b>587.555.163.268</b>	<b>522.433.974.102</b>
Phải thu khách hàng	249.967.747.695	341.140.530.292	331.283.063.558
Trả trước người bán	98.331.643.994	210.566.087.797	168.704.253.794
Phải thu cho vay ngắn hạn	66.400.000.000	-	-
Các khoản phải thu khác	103.231.533.477	35.848.545.179	22.446.656.750
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>194.189.847.543</b>	<b>207.046.152.036</b>	<b>105.554.091.568</b>



Chi tiêu	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>Tổng cộng</b>	<b>712.120.772.709</b>	<b>794.601.315.304</b>	<b>627.988.065.670</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 của TDP

### 2.1.1.2 Các khoản phải trả

#### ❖ Vay ngắn và dài hạn

Bảng 26: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

TT	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.152.982.016.906</b>	<b>1.618.261.075.580</b>	<b>1.902.341.307.520</b>
<b>1</b>	<b>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</b>	<b>1.124.496.579.795</b>	<b>1.588.478.164.446</b>	<b>1.876.948.235.785</b>
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	306.422.724.897	581.753.764.110	752.785.800.146
	Ngân hàng Agribank-CN Hưng Yên	267.228.179.780	298.535.812.396	298.865.697.365
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	249.143.782.120	249.991.301.449	244.818.449.489
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	49.511.754.827	89.531.883.396	65.217.840.591
	Ngân hàng Hongleong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	67.124.975.239	65.344.196.121	70.829.314.270
	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	67.354.895.313	56.933.263.440
	Ngân hàng Vpbank – Hội sở	24.511.968.283	68.643.020.553	69.868.542.668
	Ngân hàng Tpbank – Chi nhánh Bắc Từ Liêm	-	18.919.730.000	19.825.303.900
	Ngân hàng Sinopacs – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.601.410.800	34.029.967.610	23.280.591.600
	Ngân hàng Oceanbank – Chi nhánh Quảng Ninh	26.983.097.875	48.960.943.490	43.092.409.197
	Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. HCM	-	65.412.650.008	91.923.658.567
	Ngân hàng Bangkok Bank – CN Hà Nội	-	-	139.507.364.552
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long	60.968.685.974	-	-
	Công ty tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	50.000.000.000	-	-
<b>2</b>	<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>28.485.437.111</b>	<b>29.782.911.134</b>	<b>25.393.071.735</b>
<b>II</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>221.408.000.000</b>	<b>224.630.000.000</b>	<b>-</b>



TT	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>III</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>45.952.497.592</b>	<b>20.340.192.881</b>	<b>192.267.682.398</b>
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên	23.002.806.050	7.002.806.050	-
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thăng Long	8.975.071.927	2.843.960.664	1.459.115.508
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	11.560.611.615	5.450.986.167	1.566.126.890
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	2.414.008.000	5.042.440.000	9.242.440.000
	Vay cá nhân	-	-	180.000.000.000
<b>IV</b>	<b>Nợ thuế tài chính</b>	<b>21.240.670.483</b>	<b>39.442.078.219</b>	<b>27.308.212.545</b>
	Nợ thuế tài chính ngắn hạn (dưới 1 năm)	6.260.201.056	11.049.503.748	8.757.302.580
	Nợ thuế tài chính dài hạn (trên 1-5 năm)	14.980.469.427	28.392.574.471	18.550.909.965
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.441.583.184.981</b>	<b>1.902.673.346.680</b>	<b>2.121.917.202.463</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 đã soát xét của TDP

Bảng 27: Chi tiết các khoản vay ngân hàng của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

T	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
<b>I</b>	<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>1.400.821.050.310</b>	<b>1.968.769.837.694</b>	<b>2.229.791.573.088</b>
<b>1</b>	<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-
<b>2</b>	<i>Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn phải trả tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>1.353.502.040.987</i>	<i>1.920.565.420.448</i>	<i>2.193.401.980.069</i>
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	306.422.724.897	581.753.764.110	752.785.800.146
	Ngân hàng Agribank-CN Hưng Yên	267.228.179.780	298.535.812.396	298.865.697.365
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	398.600.013.230	399.928.521.165	393.894.826.578
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh Sở Giao dịch	49.511.754.827	89.531.883.396	65.217.840.591



T	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
T	Ngân hàng Hongleong Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội	67.124.975.239	65.344.196.121	70.829.314.270
	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam – Chi nhánh Hoàn Kiếm	-	67.354.895.313	56.933.263.440
	Ngân hàng Vpbank – Hội sở chính	24.511.968.283	68.643.020.553	69.868.542.668
	Ngân hàng Tpbank – Chi nhánh Bắc Từ Liêm	-	18.919.730.000	19.825.303.900
	Ngân hàng Sinopacs – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	22.601.410.800	34.029.967.610	23.280.591.600
	Ngân hàng Oceanbank – Chi nhánh Quảng Ninh	26.983.097.875	48.960.943.490	43.092.409.197
	Ngân hàng Đại Chúng TNHH KASIKORNBANK – Chi nhánh TP. HCM	-	65.412.650.008	91.923.658.567
	Ngân hàng Bangkok Bank – CN Hà Nội	-	-	139.507.364.552
	Ngân hàng VP Bank – Chi nhánh Thăng Long	39.758.336.820	39.707.986.163	49.792.733.165
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Nam Thăng Long	60.968.685.974	-	-
	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng	39.790.893.262	142.442.050.123	117.584.634.030
	Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)	50.000.000.000	-	-
<b>3</b>	<b>Nợ dài hạn đến hạn trả</b>	<b>47.319.009.323</b>	<b>48.204.417.246</b>	<b>36.389.593.019</b>
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên	13.000.000.000	16.000.000.000	15.002.806.050
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thăng Long	8.274.139.495	6.305.278.890	3.374.973.602
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	25.215.869.828	24.199.138.356	14.851.813.367
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	640.000.000	1.700.000.000	3.160.000.000



T	Đối tượng	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô	189.000.000	-	-
<b>II</b>	<b>Vay dài hạn</b>	<b>71.433.448.045</b>	<b>26.898.637.222</b>	<b>192.267.682.398</b>
<i>1</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>71.433.448.045</i>	<i>26.898.637.222</i>	<i>192.267.682.398</i>
	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hưng Yên	23.002.806.050	7.002.806.050	-
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong – Chi nhánh Thăng Long	10.070.647.351	2.431.913.052	1.459.115.508
	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	35.444.986.644	11.325.902.696	1.566.126.890
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1	2.414.008.000	6.138.015.424	9.242.440.000
	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Thủ đô	501.000.000	-	-
	Vay cá nhân (*)	-	-	180.000.000.000
<b>III</b>	<b>Nợ thuế tài chính</b>	<b>31.156.495.939</b>	<b>46.322.007.631</b>	<b>31.911.219.924</b>
	Nợ thuế tài chính ngắn hạn (dưới 1 năm)	8.769.291.964	14.382.563.748	12.090.362.580
	Nợ thuế tài chính dài hạn (trên 1-5 năm)	22.387.203.975	31.939.443.883	19.820.857.344
<b>IV</b>	<b>Trái phiếu</b>	<b>221.408.000.000</b>	<b>224.630.000.000</b>	<b>-</b>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>1.724.818.994.294</b>	<b>2.266.620.482.547</b>	<b>2.453.970.475.410</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023

(\*) Các cá nhân cho vay không phải là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ của Công ty.

❖ **Trái phiếu chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành**

Tính đến thời điểm hiện tại, Tổ Chức Phát Hành không có trái phiếu chưa đáo hạn.

❖ **Các khoản phải trả**

Bảng 28: Chi tiết các khoản phải trả hợp nhất

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu các khoản phải trả ngắn hạn	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Phải trả cho người bán	202.424.137.990	162.359.519.000	275.905.823.333
Người mua trả tiền trước	33.914.751.340	15.797.713.356	44.446.149.344
Thuế và các khoản phải nộp cho	24.246.648.038	29.226.101.655	20.443.817.929



Chỉ tiêu các khoản phải trả ngắn hạn	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Nhà nước			
Phải trả người lao động	17.882.344.555	14.564.153.384	26.437.002.038
Chi phí phải trả	11.641.468.778	12.449.750.297	6.371.725.717
Doanh thu chưa thực hiện	-	141.891.821	730.121.221
Các khoản phải trả. Phải nộp khác	941.559.250	2.146.080.545	6.711.144.954
<b>Tổng cộng</b>	<b>291.050.909.951</b>	<b>236.685.210.058</b>	<b>381.045.784.536</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3/2023

Bảng 29: Chi tiết các khoản phải trả Công ty mẹ

Đơn vị: đồng

Chỉ tiêu các khoản phải trả ngắn hạn	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
Phải trả cho người bán	171.333.881.555	130.498.726.505	231.895.683.025
Người mua trả tiền trước	32.727.393.535	15.495.465.014	33.296.494.201
Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước	17.949.716.223	22.867.820.731	15.189.505.838
Phải trả người lao động	12.993.766.229	9.571.093.946	17.647.688.952
Chi phí phải trả	10.156.062.961	10.957.722.410	5.062.151.864
Các khoản phải trả. Phải nộp khác	304.465.025	1.344.956.205	4.510.363.845
<b>Tổng cộng</b>	<b>245.465.285.528</b>	<b>190.735.784.811</b>	<b>307.601.887.725</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023

❖ **Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Tại thời điểm 31/12/2022 và tại thời điểm 30/09/2023, Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

❖ **Trường hợp vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm các vi phạm của Tổ Chức Phát Hành và công ty con:**

Không có.

❖ **Các khoản phải nộp theo luật định**

Các khoản phải nộp theo luật định khác trong hợp đồng/cam kết bao gồm cả giá trị gia tăng. Công ty tuân thủ các quy định pháp luật đối với các khoản phải nộp theo luật định. Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2021, 31/12/2022, 30/09/2023 như sau:

Bảng 30: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng

STT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	23.814.790.601	29.211.702.830	18.937.172.629
2	Thuế giá trị gia tăng	3.756.177.861	3.034.050.863	1.334.567.706
3	Thuế thu nhập cá nhân	885.729.714	1.699.823.153	172.077.594
4	Các loại thuế khác	429.677.136	603.542.534	-



STT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
	<b>Tổng cộng</b>	<b>28.886.375.312</b>	<b>34.549.119.380</b>	<b>20.443.817.929</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023 của TDP

Bảng 31: Chi tiết các khoản phải nộp theo luật định của công ty mẹ

Đơn vị: đồng				
STT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.626.357.142	22.942.487.071	15.017.428.244
2	Thuế thu nhập cá nhân	754.951.503	1.321.836.513	172.077.594
3	Thuế GTGT	3.766.177.861	2.441.907.444	-
4	Các loại thuế khác	72.575.350	314.183.833	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>22.220.061.856</b>	<b>27.020.414.861</b>	<b>15.189.505.838</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 của TDP

#### Trích lập các quỹ theo luật định

Hàng năm, TDP trích lập và sử dụng các quỹ theo quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là công ty cổ phần và theo điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty. Số dư các quỹ của Công ty qua các năm như sau:

Bảng 32: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty hợp nhất

Đơn vị: đồng				
TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC hợp nhất quý 3 năm 2023

Bảng 33: Tình hình trích lập các quỹ của Công ty mẹ

Đơn vị: đồng				
TT	Các loại thuế	31/12/2021	31/12/2022	30/09/2023
1	Quỹ đầu tư phát triển	16.200.000.000	16.200.000.000	16.200.000.000
2	Quỹ khen thưởng phúc lợi	0	0	0
	<b>Tổng cộng</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>	<b>16.200.000.000</b>

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán và BCTC riêng quý 3 năm 2023 của TDP

❖ Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ chức phát hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất (31/12/2022)

Không có

#### 2.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 34: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty hợp nhất

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		



Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Hệ số thanh toán ngắn hạn ( <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> )	1,05	1,05
Hệ số thanh toán nhanh ( <i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</i> )/ <i>Nợ ngắn hạn</i> )	0,51	0,61
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,74	0,75
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,80	3,08
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho ( <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> )	2,36	3,07
Vòng quay tổng tài sản ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> )	1,07	1,07
Vòng quay vốn lưu động ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i> )	1,59	1,58
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): ( <i>Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần</i> )	0,04	0,03
ROEA ( <i>Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</i> )	0,13	0,12
ROAA ( <i>Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân</i> )	0,04	0,03

Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của TDP

Bảng 35: Một số chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công ty mẹ

Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
<b>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>		
Hệ số thanh toán ngắn hạn ( <i>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn</i> )	1,05	1,04
Hệ số thanh toán nhanh ( <i>Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho</i> )/ <i>Nợ ngắn hạn</i> )	0,54	0,68
<b>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,70	0,72
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,35	2,62
<b>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
Vòng quay hàng tồn kho ( <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> )	2,66	3,77
Vòng quay tổng tài sản ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> )	1,08	1,10
Vòng quay vốn lưu động ( <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân</i> )	1,67	1,73
<b>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		



Nội dung	Năm 2021	Năm 2022
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS) (Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần)	0,04	0,03
ROEA (Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân)	0,12	0,11
ROAA (Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân)	0,04	0,03

Nguồn: BCTC riêng năm 2021, 2022 đã được kiểm toán của TDP

### 3. Ý kiến của Tổ chức Kiểm toán đối với Báo cáo tài chính của Tổ chức Phát hành

#### ❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2021

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2021

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

#### ❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất năm 2022

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

#### ❖ Ý kiến của Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam đối với báo cáo tài chính kiểm toán riêng năm 2022

Theo ý kiến của đơn vị kiểm toán, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

### 4. Kết quả xếp hạng tín nhiệm

Theo Chứng thư kết quả xếp hạng tín nhiệm số 11/2023/CTKQXH-SGR ngày 02/11/2023 do Công ty cổ phần Sài Gòn Phát Thịnh Ratings (Saigon Ratings) phát hành, kết quả xếp hạng tín



nhiệm dài hạn của Công ty cổ phần Thuận Đức; Bậc xếp hạng – Thang Quốc gia: vnBBB; Triển vọng: ổn định.

**5. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận**

*Bảng 36: Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận hợp nhất*

Đơn vị: tỷ đồng

Chỉ tiêu	Số liệu năm 2022 (tỷ đồng)	Năm 2023	
		Số liệu năm 2023 (tỷ đồng)	% tăng/giảm so với năm 2022
Doanh thu thuần (*)	3.248	3.932	21,06%
Lợi nhuận sau thuế (*)	94	95	1,06%
Vốn điều lệ (**)	674	830	23,15%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,89%	2,42%	-0,48%
Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế/Vốn điều lệ	13,95%	11,45%	-2,50%
Tỷ lệ cổ tức (*)	12,00%	12,00%	0,00%

Nguồn: TDP

(\*) Ghi chú: Kế hoạch kinh doanh hợp nhất năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 thông qua theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 2804/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 28/04/2023.

(\*\*) Kế hoạch tăng vốn điều lệ được Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023 thông qua tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023.

**Căn cứ để đạt kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và tỷ lệ chia lợi nhuận/cổ tức nêu trên**

Để thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch của năm 2023 đã đề ra, Công ty sẽ tập trung vào các giải pháp như sau:

- Tiếp tục mở rộng và khai thác các thị trường tiềm năng mới trong lĩnh vực bao bì (nội địa, thị trường Châu Á, Châu Mỹ). Tập trung khai thác phân khúc khách hàng, thị trường có khả năng sinh lời cao như Hàn Quốc, Nhật Bản. Tận dụng tối đa các chứng chỉ về tái chế, các hiệp định thương mại để gia nhập các thị trường mới;
- Tiếp tục xem xét, nghiên cứu để đưa ra thị trường các sản phẩm mới của manh PP không dệt, đa dạng hóa sản phẩm phù hợp với thị hiếu của khách hàng như túi dập nhiệt, túi T-Shirt, thảm, túi đựng áo vest...;
- Duy trì và phát triển áp dụng chuyển đổi công nghệ số vào các quá trình vận hành, quản trị công ty;
- Giao hàng và lập thủ tục thanh toán nhanh nhất để thu hồi vốn, tăng vòng quay vốn phục vụ cho nhu cầu SXKD; thực hiện triệt để công tác thu hồi công nợ;
- Thực hiện nâng cấp, sửa chữa, bảo trì thiết bị để bảo đảm luôn ở trạng thái sẵn sàng phục vụ sản xuất, tận dụng thời cơ để có thêm sản lượng vào những thời điểm nhu cầu thị trường tăng đột biến;
- Đặt chất lượng sản phẩm là yếu tố kiên quyết để tồn tại trên thị trường cạnh tranh và luôn



lắng nghe các ý kiến phản hồi của khách hàng để sẵn sàng chấn chỉnh và thay đổi;

- Xây dựng ngân sách và tiết giảm các chi phí sản xuất trong mỗi công đoạn;
- Áp dụng kỷ luật với người lao động trong việc tiết kiệm vật tư, điện năng và nguyên phụ liệu.

❖ **Đánh giá của Tổ chức tư vấn về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận và cổ tức.**

Với tư cách là một tổ chức tư vấn tài chính, Công ty cổ phần Chứng khoán MB đã tiến hành thu thập các thông tin, nghiên cứu, phân tích và đánh giá về hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thuận Đức cũng như lĩnh vực kinh doanh mà công ty đang hoạt động. Chúng tôi nhận thấy hoạt động kinh doanh của Công ty cổ phần Thuận Đức ổn định và có tiềm năng phát triển. Nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp, thì kế hoạch lợi nhuận mà Công ty đã đề ra trong những năm tới là khả thi. Do đó, kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty năm 2023 có thể đạt được.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

**6. Kế hoạch chào bán trái phiếu trong 03 năm tiếp theo**

Hiện nay, Tổ Chức Phát Hành chưa có kế hoạch chào bán trái phiếu ra công chúng nào khác trong vòng 3 năm tiếp theo.

**VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**

- 1. Tên trái phiếu:** Trái phiếu TDPH2326001
- 2. Mã trái phiếu:** TDPH2326001
- 3. Loại trái phiếu:** Trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền

**Đặc điểm pháp lý của Trái phiếu:**

- Các Trái Phiếu được phát hành và thanh toán bằng đồng Việt Nam, dưới hình thức bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;
- Là trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền được bảo đảm bằng tài sản và xác lập nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán dù sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

- 4. Mệnh giá:** 100.000 đồng/trái phiếu

**5. Tổng số lượng trái phiếu chào bán**

- Số lượng trái phiếu chào bán: 3.000.000 trái phiếu;
- Số đợt phát hành: 01 đợt.



6. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 300.000.000.000 đồng
7. Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm
8. Lãi suất

#### 8.1 Lãi suất

- Lãi suất áp dụng cho 04 Kỳ Thanh Toán Lãi đầu tiên là 11,2%/năm
- Lãi suất cho các kỳ tính lãi tiếp theo được tính bằng (i) trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân bằng Đồng Việt Nam, trả sau thông thường, áp dụng cho kỳ hạn 12 tháng được công bố trên trang điện tử chính thức của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (mỗi ngân hàng nêu trên gọi riêng là “Ngân Hàng Tham Chiếu” và gọi chung là “Các Ngân Hàng Tham Chiếu”) tại Ngày Xác Định Lãi Suất (“Lãi Suất Tham Chiếu”) cộng với (ii) biên độ 3,8%/năm. Lãi suất áp dụng cho các kỳ tính lãi tiếp theo tối thiểu là 11% trong mọi trường hợp.

#### 8.2 Tiền lãi

- Trái phiếu sẽ được hưởng lãi cho giai đoạn từ và gồm cả Ngày Phát Hành cho đến nhưng không bao gồm Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn (dù tự nguyện hay bắt buộc) theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu này (gọi chung là “Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu”).
- Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Thanh Toán/Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu trừ khi tiền gốc Trái Phiếu không được thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán vào ngày đó không phù hợp với Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu này.
- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành phải trả cho Người Sở Hữu Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * \text{Số ngày dư nợ thực tế})/365$$

Trong đó, số ngày dư nợ thực tế (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Phát Hành đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên và (ii) đối với mỗi Ngày Thanh Toán Lãi tiếp theo, sẽ được tính từ và gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi của Kỳ Hạn Trả Lãi ngay trước đó đến nhưng không gồm cả Ngày Thanh Toán Lãi đó.

- Lãi phát sinh trên gốc mỗi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Phát Hành phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền lãi} = (\text{Mệnh giá Trái Phiếu} * \text{Lãi Suất} * 150% * \text{Số ngày quá hạn thực tế})/365$$

Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

- Tiền phạt phát sinh trên Lãi Trái Phiếu bị quá hạn mà Tổ Chức Phát Hành phải trả Người Sở Hữu Trái Phiếu được tính theo công thức sau:

$$\text{Tiền phạt chậm trả lãi} = (\text{Số dư Lãi Trái Phiếu chậm trả} * \text{Lãi Suất} * 150% * \text{Số ngày quá hạn thực tế})/365$$



Trong đó số ngày quá hạn thực tế sẽ được tính từ và gồm cả ngày đến hạn thanh toán có liên quan đến nhưng không gồm cả ngày mà vào ngày đó khoản tiền gốc có liên quan được thanh toán đầy đủ cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu.

## 9. Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

### 9.1 Kỳ hạn trả lãi, trả gốc

- Kỳ Hạn Trả Lãi/ Kỳ Tính Lãi là 03 tháng, kể từ và bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi, cho đến, nhưng không bao gồm ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi tiếp theo hoặc Ngày Đáo Hạn trái phiếu. Ngày đầu tiên của Kỳ Hạn Trả Lãi đầu tiên là Ngày Phát Hành. Tiền lãi trái phiếu được trả sau theo định kỳ 03 (ba) tháng một lần kể từ ngày phát hành vào cuối mỗi Kỳ Tính Lãi.
- Kỳ Hạn Trả Gốc: 36 (ba mươi sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành.
- Trừ khi được mua lại trước hạn theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Trái Phiếu sẽ đáo hạn và tiền gốc sẽ được thanh toán bằng mệnh giá vào Ngày Đáo Hạn hoặc vào ngày thực hiện quyền mua lại Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành hoặc vào ngày đến hạn khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu.

### 9.2 Thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu

Việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSDC và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các quy định có liên quan của pháp luật Việt Nam và quy chế của VSDC).

- Gốc lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào ngày đến hạn có liên quan thông qua VSDC vào tài khoản chứng khoán của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi, tiền phạt đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) vào Ngày Thanh Toán/ Hoàn Trả Tiền Gốc Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, lãi (gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu hoặc lãi quá hạn, nếu có) và tiền phạt sẽ được tính theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu liên quan.
- Lãi trên gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu liên quan cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.
- Chỉ những Người Sở Hữu Trái Phiếu có tên trên danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký tại Ngày Đăng Ký Cuối Cùng cho một lần thanh toán mới nhận được tiền thanh toán trong lần thanh toán đó.
- Thanh toán vào Ngày Làm Việc.

Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán).



**10. Giá chào bán:** 100.000 đồng/trái phiếu

**11. Thứ tự ưu tiên thanh toán trong trường hợp Tổ chức Phát hành mất khả năng trả nợ/chấm dứt hoạt động**

Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ chung không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

**12. Quyền và nghĩa vụ của người sở hữu trái phiếu**

### **12.1 Quyền của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

Trước khi được đăng ký tại VSDC, theo quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng, Công ty cổ phần Chứng Khoán MB với vai trò Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng sẽ lập, duy trì và lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng một sổ đăng ký ("**Sổ Đăng Ký**") ghi tên Người Sở Hữu Trái Phiếu gồm các chi tiết sau:

- (a) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
- (b) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, kỳ hạn, mệnh giá, Lãi Suất Trái Phiếu, phương thức thanh toán lãi và gốc của Trái Phiếu;
- (c) Họ và tên, địa chỉ thường trú, số, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân (hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác) của Người Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký và giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tương đương) của Người Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;
- (d) Thông tin chi tiết về Trái Phiếu do từng Người Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu, kể cả thông tin về việc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm và các hạn chế chuyển nhượng Trái Phiếu (nếu có); và
- (e) Chi tiết về tài khoản ngân hàng của Người Sở Hữu Trái Phiếu để chuyển các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu; và chi tiết thông tin liên lạc (số điện thoại, địa chỉ e-mail) của Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc người được Người Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền quản lý Trái Phiếu (nếu có).

Sau khi được đăng ký trái phiếu tại VSDC, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, mỗi Người Sở Hữu Trái Phiếu được ghi tên danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được quản lý tập trung tại VSDC sẽ là chủ sở hữu duy nhất của Trái Phiếu về mọi phương diện và sẽ có quyền nhận tất cả các khoản thanh toán, thông báo, báo cáo và được hưởng các quyền khác liên quan đến Trái Phiếu đó.

#### **12.1.1. Quyền Sở Hữu**

Việc quản lý danh sách người sở hữu chứng khoán và các giao dịch liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được thực hiện thông qua VSDC, tuân theo quy định pháp luật Việt Nam, quy định VSDC và SGDCK;

#### **12.1.2. Quyền giao dịch Trái Phiếu**



- i. Người Sở Hữu Trái Phiếu được tự do Chuyển Quyền Sở Hữu đối với toàn bộ Trái Phiếu của mình (chi tiết tại điểm (a) nêu trên) và sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, cho, tặng, để lại, thừa kế, chiết khấu, hoán đổi. Chuyển quyền sở hữu. Sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia vào các giao dịch trong các quan hệ dân sự và thương mại/tín dụng theo quy định của pháp luật và Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- ii. Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu có thể cầm cố Trái Phiếu tại các tổ chức tín dụng theo quy định hiện hành của pháp luật nếu tổ chức tín dụng tại đó chấp thuận;
- iii. Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Kiện trên, Tổ Chức Phát Hành không tham gia các giao dịch khác với Người Sở Hữu Trái Phiếu mà có hiệu lực như một giao dịch mua lại trước hạn trừ trường hợp mua lại trước hạn theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- iv. Việc giao dịch Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật Việt Nam và của VSDC, các quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- v. Trong thời hạn lưu hành của Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được sử dụng quyền đòi thanh toán Trái Phiếu để khấu trừ nghĩa vụ tài chính của mình đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất cứ bên thứ ba nào;

#### **12.1.3. Quyền hưởng lãi và các khoản thanh toán khác**

Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu đối với Trái Phiếu mình sở hữu theo các quy định dưới đây:

- i. Ít nhất 18 (mười tám) Ngày Làm Việc trước mỗi Ngày Thanh Toán Lãi Trái Phiếu và/hoặc Ngày Mua Lại theo thỏa thuận hoặc Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo Ngày Chốt Danh Sách trên trang thông tin điện tử chính thức của mình để chốt danh sách Người Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền thanh toán vào ngày đến hạn thanh toán đó;
- ii. Việc thanh toán gốc lãi và các khoản tiền khác (nếu có) liên quan tới Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của pháp luật. VSDC. Các quy định trong Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;

#### **12.1.4. Quyền nhận thông tin**

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành theo đúng các quy định của Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;

#### **12.1.5. Quyền khi xảy ra sự kiện vi phạm của Tổ Chức Phát Hành**

Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền được thực hiện các biện pháp xử lý khi xảy ra sự kiện vi phạm nêu tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu.

### **12.2 Nghĩa vụ của Người Sở Hữu Trái Phiếu**

- a) Tuân thủ các quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;



- b) Tự đánh giá mức độ rủi ro trong việc đầu tư Trái Phiếu và tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình. Sau khi đăng ký và thanh toán tiền mua Trái Phiếu, người mua Trái Phiếu không được hoãn, hủy đăng ký mua Trái Phiếu;
- c) Lập tức hoãn trả cho Tổ Chức Phát Hành bất kỳ khoản tiền nào mà Tổ Chức Phát Hành chuyển sai cho Người Sở Hữu Trái Phiếu sau khi nhận được thông báo kèm theo bằng chứng chứng minh về sai sót đó từ Tổ Chức Phát Hành hoặc ngay khi Người Sở Hữu Trái Phiếu phát hiện ra sai sót đó;
- d) Thông báo cho Tổ Chức Phát Hành ngay khi có sự thay đổi/chấm dứt ủy quyền của đại diện của Người Sở Hữu Trái Phiếu (trong trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định đại diện ủy quyền làm việc với Tổ Chức Phát Hành);
- e) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính xác thực và hiệu lực của các giấy tờ pháp lý cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành;
- f) Chịu trách nhiệm về nguồn gốc hợp pháp của nguồn vốn đầu tư vào Trái Phiếu;
- g) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ nộp thuế phát sinh từ các khoản thu nhập, các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu hoặc các giao dịch Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu và các nghĩa vụ nộp thuế khác (nếu có) theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam;
- h) Người Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại toàn bộ Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và nhận lại 100% khoản tiền gốc Trái Phiếu do mình sở hữu vào Ngày Đáo Hạn Trái Phiếu;
- i) Phối hợp thực hiện các thủ tục, công việc theo yêu cầu của pháp luật hoặc của Tổ Chức Phát Hành để hoàn thành việc đăng ký, lưu ký tập trung, niêm yết Trái Phiếu;
- j) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu và quy định của pháp luật. Trường hợp Người Sở Hữu Trái Phiếu cố tình vi phạm Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu sẽ phải bồi thường thiệt hại cho Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên thứ ba và chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định pháp luật.

### 12.3 Các quyền, lợi ích, nghĩa vụ khác

Người Sở Hữu Trái Phiếu cũng có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ khác theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu.

### 13. Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu

Cho đến khi nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành. Sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Người Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ có liên quan khác theo thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu**").

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định **Công ty cổ phần Chứng khoán MB**, với các thông tin được nêu ở phần đầu của Bản Cáo Bạch này, làm Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu tại Ngày Phát Hành, Người Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đăng ký mua và trở thành Người Sở Hữu Trái Phiếu. Được coi là đã chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu như vậy.

Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 24 Nghị Định 155 về việc Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu không thuộc một trong số các đối tượng sau: (i) tổ chức bảo lãnh thanh toán của Tổ Chức Phát Hành; (ii) bên sở hữu tài sản bảo đảm của Trái Phiếu hoặc (iii) cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành.



Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền và trách nhiệm của mình theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị Định 155 và có các nhiệm vụ cơ bản như được nêu sau đây:

- Ký kết và thực hiện Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01A/2023/BHA/TDP-MBS ngày 18/08/2023 với Tổ Chức Phát Hành và bất kỳ văn kiện Trái Phiếu nào khác có liên quan mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của những Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Thay mặt những Người Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan;
- Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; báo cáo cho UBCKNN trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Triệu tập và tổ chức hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Ký biên bản Hội nghị Người Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh những Người Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- Nhận và thông báo cho các bên liên quan các nội dung như được quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu;
- Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và các bên có liên quan khác thực hiện các quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các quyết định/ngợi quyết của những Người Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- Tạo điều kiện cho những Người Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu mà Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ;
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu.

#### **14. Cam kết về bảo đảm**

##### **14.1 Phương thức bảo đảm toàn bộ gốc và lãi trái phiếu**

Trái phiếu được bảo đảm toàn bộ gốc và lãi trái phiếu theo phương thức bảo đảm bằng tài sản.

##### **14.2 Tài Sản Bảo Đảm**

Tại Ngày Phát Hành, Tài Sản Bảo Đảm của Trái Phiếu bao gồm cổ phiếu Công ty cổ phần Thuận Đức (mã chứng khoán: TDP) được sở hữu bởi các Bên Bảo Đảm. Các Tài Sản Bảo Đảm này chỉ bảo đảm cho các nghĩa vụ được bảo đảm của Trái Phiếu TDPH2326001 mà không bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào khác. Chi tiết về các Tài Sản Bảo Đảm như sau:

*[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]*



Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng

TT	Họ và tên của Bên Bảo Đám	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu Thẻ Chấp (cổ phiếu)	Giá trị Tài Sản Bảo Đám tại Ngày Phát Hành (đồng) (*)	Mối quan hệ của Bên Bảo Đám với Tổ Chức Phát Hành	Văn bản xác nhận đăng ký biến pháp bảo đảm	Hợp đồng thế chấp số	Cam kết của Bên Bảo Đám về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu
1	Nguyễn Đức Cường	020070000067	10/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Hưng, Long Biên, Hà Nội	16.639.751	445.912.047.298	Chủ tịch HĐQT Công ty	Văn bản xác nhận đăng ký biến pháp bảo đảm ngày 14/09/2023 do VSDC cấp	Số 01A/2023/MBS/TBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023	Cam kết của Bên Bảo Đám ngày 18/08/2023
2	Ngô Kim Dung	020172000113	10/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ02 - 10 Vinhomes Riverside 2, Hưng, Long Biên, Hà Nội	2.784.352	74.615.064.896	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty	Văn bản xác nhận đăng ký biến pháp bảo đảm ngày 19/12/2023 do VSDC cấp	Số 02A/2023/MBS/TBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023	Cam kết của Bên Bảo Đám ngày 18/08/2023



TT	Họ và tên của Bên Bảo Đám	Số ĐKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu Thẻ Chấp (cổ phiếu)	Giá trị Tài Sản Bảo Đám tại Ngày Phát Hành (đồng) (*)	Mối quan hệ của Bên Bảo Đám với Tổ Chức Phát Hành	Văn bản xác nhận đăng ký biến pháp bảo đảm	Hợp đồng thế chấp số	Cam kết của Bên về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu
3	Nguyễn Đức Chính	020201000058	02/05/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ02-10 Vinhomes Riverside 2, Hưng, Long Biên, Hà Nội	556.017	14.900.143.566	Con trai Chủ tịch HĐQT Công ty	Văn bản xác nhận đăng ký biến pháp bảo đảm ngày 19/12/2023 do VSDC cấp	Số 03A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023	Cam kết của Bên Bảo Đám ngày 18/08/2023
4	Nguyễn Đức Thịnh	020072000085	25/04/2021	Cục CS QL HC về TTXH	NQ07-30 Vinhomes Riverside 2, Hưng, Long Biên, Hà Nội	224.104	6.005.538.992	Em trai của Chủ tịch HĐQT	Văn bản xác nhận đăng ký biến pháp bảo đảm ngày 19/12/2023 do VSDC cấp	Số 04A/2023/MBS/IBHN-HDCCCP ngày 18/08/2023	Cam kết của Bên Bảo Đám ngày 18/08/2023
5	Nguyễn Kim	020193009048	17/04/2023	Cục CS QL HC	Nq02 - 10 Vinhomes	229.880	6.160.324.240	Thành viên	Văn bản xác nhận đăng ký	Số 05A/2023/	Cam kết của Bên



TT	Họ và tên của Bên Bảo Đảm	Số DKSH	Ngày cấp	Nơi cấp	Địa chỉ	Số lượng Cổ Phiếu Thẻ Chấp (cổ phiếu)	Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Ngày Phát Hành (đồng) (*)	Mối quan hệ của Bên Bảo Đảm với Tổ Chức Phát Hành	Văn bản xác nhận đăng ký biện pháp bảo đảm	Hợp đồng thế chấp số	Cam kết của Bên Bảo Đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu
	Anh			về TTXH	Riverside 2, Việt Hưng, Long Biên, Hà Nội	20.434.104	547.593.118.992	HDQT Công ty	biện pháp bảo đảm ngày 19/12/2023 do VSDC cấp	MBS/IBHN -HDCCCP ngày 18/08/2023	Bảo Đảm ngày 18/08/2023
<b>Tổng cộng</b>						<b>20.434.104</b>	<b>547.593.118.992</b>				

(\*) Giá trị Tài Sản Bảo Đảm tại Ngày Phát Hành được tính toán dựa trên chứng thư thẩm định giá số 0208.02-23/CT-DG/VAE do Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam phát hành ngày 02/08/2023. Các Tài Sản Bảo Đảm đều là cổ phiếu TDP đã được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh và không có bảo hiểm tài sản.

**Thông tin về Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm là:**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội  
 Điện thoại: 02473.045688

Website: <https://mbs.com.vn/>



### 14.3 Cam kết bảo đảm

- (i). Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm cam kết tạo lập và duy trì các biện pháp bảo đảm cần thiết để đảm bảo rằng tại bất kỳ thời điểm nào trong khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu tuân thủ quy định tại các Văn Kiện Trái Phiếu. Tại mọi thời điểm Nhà Đầu Tư hoàn tất thực hiện thanh toán tiền mua Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm Tỷ Lệ Bảo Đảm không thấp hơn 180%.

Tỷ Lệ Bảo Đảm của Trái Phiếu được xác định tại mỗi Ngày Định Giá theo công thức sau:

$$\text{Tỷ Lệ Bảo Đảm} = \frac{S + FS}{O - C - FC} \times 100\%$$

Trong đó:

- S: Tổng giá trị Cổ Phiếu Thẻ Chấp xác định theo biên bản định giá;
  - FS: Tổng giá trị Tài Sản Hình Thành Trong Tương Lai không bao gồm Quyền nhận cổ tức bằng tiền;
  - O: Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành và được chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;
  - C: là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/số tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi;
  - FC: Tài Sản Hình Thành trong tương lai là Quyền nhận cổ tức bằng tiền.
- (ii). Tại bất kỳ thời điểm định giá định kỳ, định giá lại nếu Tỷ Lệ Bảo Đảm thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm). Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt cho Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) gửi thông báo yêu cầu Tổ Chức Phát Hành hoặc các Bên Bảo Đảm có liên quan bổ sung Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ lệ Bảo Đảm sau khi bổ sung Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm) đối với giá tính theo bình quân gia quyền theo khối lượng của 20 phiên giao dịch trước Ngày Định Giá. Thời gian bổ sung Tài Sản Bảo Đảm là 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm đưa ra yêu cầu bổ sung Tài Sản Bảo Đảm ("**Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm**"). Trong thời gian bổ sung, nếu do biến động thị trường các tỷ lệ này vượt ngưỡng yêu cầu, thì được xem là một trong các phương án đã được Tổ chức phát hành khắc phục.
- (iii). Tại bất kỳ thời điểm định giá hoặc định giá lại nào, nếu Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm lớn hơn hoặc bằng 230% (Hai trăm ba mươi phần trăm), thì Tổ Chức Phát Hành hoặc các Bên Bảo Đảm có quyền yêu cầu giải chấp một phần Tài Sản Bảo Đảm để Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm giảm xuống không thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm) hoặc Khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện Mua Lại Trước Hạn một phần của Trái Phiếu đang lưu hành, khiến cho Tỷ lệ Tài Sản Bảo Đảm lớn hơn 180% thì Tổ Chức Phát Hành có quyền lựa chọn rút bớt bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào cho đến khi Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm còn lại bằng **180%** tổng Dư Nợ Trái Phiếu tại thời điểm đó.

Trong thời gian 01 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bên Bảo Đảm hoàn tất xác định giá Tài Sản Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đảm phải hoàn tất việc thông báo rút Tài Sản Bảo Đảm cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm. Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đảm được xác định theo nguyên tắc sau:



**Tỷ Lệ Tài Sản Bảo Đám** là tỷ lệ được xác định tại mỗi kỳ định giá theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ Tài Sản Bảo Đám} = \frac{S}{O-C} \times 100\%$$

**Trong đó:**

**S:** Tổng giá trị Cổ Phiếu Thế Chấp xác định theo biên bản định giá;

**O:** Tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành chưa thanh toán gốc tại thời điểm định giá;

**C:** là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đám bằng tiền mặt/giấy tờ có giá do tổ chức tín dụng phát hành/sổ tiết kiệm/hợp đồng tiền gửi;

Để tránh hiểu lầm, trong mọi trường hợp rút tài sản đảm bảo, Giá Trị Tài Sản Bảo Đám sẽ được định giá lại tại 1 ngày làm việc trước ngày rút tài sản với giá định tài sản đảm bảo đã được rút. Trong trường hợp giá trị thị trường giảm xuống so với giá tại ngày Thông báo rút tài sản đảm bảo, số lượng tài sản sẽ được tính toán lại sao cho giá trị tài sản định giá lại không được dưới 180% tổng mệnh giá trái phiếu lưu hành.

Để làm rõ, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám sẽ phản hồi cho Tổ Chức Phát Hành và Bên Bảo Đám về giá trị Tài Sản Bảo Đám được quyền rút trong vòng 05 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được yêu cầu.

#### 14.4 Phương án xử lý Tài Sản Bảo Đám

Trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Thông Báo Bổ Sung Tài Sản Bảo Đám, nếu Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (các) Bên Bảo Đám không hoàn tất việc bổ sung Tài Sản Bảo Đám theo quy định tại các Hợp Đồng Bảo Đám khi Tỷ Lệ Bảo Đám thấp hơn 180% (Một trăm tám mươi phần trăm) thì Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám (hành động thay Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) sẽ được phép tiến hành bất kỳ hành động nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám cho là phù hợp, cần thiết hoặc nên làm phù hợp với quy định của pháp luật để ngăn chặn hoặc khắc phục bất kỳ vi phạm nào nêu trên. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Bên Bảo Đám phải chịu trách nhiệm hoàn trả/bồi thường bất kỳ thiệt hại, phí, tổn hại nào mà Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám đã bỏ ra để ngăn chặn hoặc khắc phục hành vi vi phạm nào nêu trên bao gồm nhưng không giới hạn việc toàn quyền đề nghị Công Ty Lưu Ký Chứng Khoán đóng/mở chức năng rút/chuyển tiền trên Tài Khoản Lưu Ký Chứng Khoán, và toàn quyền bán Cổ Phiếu Thế Chấp đảm bảo cho nghĩa vụ nợ của Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đám có liên quan.

Chi tiết các nội dung về tài sản bảo đảm, cam kết bảo đảm, phương án xử lý Tài Sản Bảo Đám sẽ được quy định chi tiết tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu kèm theo Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, các Hợp đồng Bảo Đám.

Để làm rõ, các Hợp Đồng Bảo Đám là bất kỳ hợp đồng nào trong số các hợp đồng sau:

- i. Hợp Đồng Thế Chấp Cổ Phiếu
- ii. Hợp Đồng Quản lý Tài Sản Bảo Đám;
- iii. Tất cả văn bản, thỏa thuận sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận hoặc tài liệu nào liên quan đến các hợp đồng nêu tại mục (i) và (ii) trên đây;



- iv. Các hợp đồng/văn bản thỏa thuận mà theo đó Các Bên Bảo Đảm đồng ý và cam kết dùng các tài sản của Các Bên Bảo Đảm để cầm cố, thế chấp hoặc tạo lập biện pháp bảo đảm khác để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, bao gồm nhưng không giới hạn bất kỳ thỏa thuận nào được ký kết bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm khác có liên quan và Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm, theo đó Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan cầm cố/thế chấp tài sản thuộc sở hữu của mình cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm (hành động thay mặt và vì lợi ích của Những Người Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

## 15. Việc mua lại trái phiếu trước hạn

### 15.1 Mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký Chuyển Nhượng, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:
- (i) Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu ("**Thông Báo Chào Mua**") đến Người Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu), chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu ("**Thời Hạn Đăng Ký Bán**"), Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;
  - (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Người Sở Hữu Trái Phiếu); và
  - (iii) Người Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Người Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Người Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Người Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào.
- (b) Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSDC và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn



Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSDC và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

**15.2 Mua lại Trái Phiếu trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu trước hạn khi xảy ra sự kiện vi phạm**

Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ phải mua lại Trái Phiếu trước hạn theo yêu cầu của Người Sở Hữu Trái Phiếu khi phát sinh Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu. Trong trường hợp này, Giá Mua Lại của Trái Phiếu được xác định theo công thức tính Giá Mua Lại của Trái Phiếu trong trường hợp mua lại Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành.

**16. Sự kiện vi phạm**

**16.1 Sự kiện vi phạm**

Bất kỳ sự kiện nào sau đây sẽ được coi là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

- (a) *Vi phạm Tỷ lệ Bảo Đám:* Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đám không thực hiện bổ sung Tài Sản Bảo Đám theo đúng quy định tại Điều 4.3(c) Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu;
- (b) *Không Thanh Toán:* Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ và đúng hạn bất kỳ khoản tiền gốc hoặc tiền lãi nào của bất kỳ Trái Phiếu nào vào ngày đến hạn thanh toán khoản tiền gốc hoặc tiền lãi đó; và vi phạm đó không được khắc phục trong thời hạn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày đến hạn;
- (c) *Vi Phạm Mục Đích Phát Hành:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm mục đích phát hành Trái Phiếu nêu tại phần có tiêu đề "Mục đích của đợt phát hành" của Bản Cáo Bạch;
- (d) *Vi Phạm quy định pháp luật về phát hành Trái Phiếu:* Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ quy định nào của pháp luật áp dụng đối với việc phát hành Trái Phiếu làm ảnh hưởng đến quyền sở hữu và các quyền lợi khác của Người Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Và Điều Khoản Trái Phiếu này mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc từ cơ quan nhà nước nào có thẩm quyền liên quan đến vi phạm đó;
- (e) *Vi Phạm Các Nghĩa Vụ Khác:* Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đám vi phạm bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà vi phạm đó không thể khắc phục hoặc không được khắc phục trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đám về vi phạm đó (để tránh nhầm lẫn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đám cũng bị coi là vi phạm Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào nếu có bất kỳ cam đoan, bảo đảm hoặc khẳng định nào của Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đám trong Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu có cơ sở xác định, chứng minh là không trung thực, không chính xác hoặc



gây nhầm lẫn vào ngày cam đoan, bảo đảm hay khẳng định đó được đưa ra và dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) vi phạm các nghĩa vụ của mình theo quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc Các Hợp Đồng Trái Phiếu tương ứng);

(f) *Vi Phạm Chéo:*

- (i) Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào của mình khi đến hạn (hoặc khi kết thúc thời gian ân hạn áp dụng đối với Khoản Nợ đó, nếu có);
- (ii) có bất kỳ Khoản Nợ nào của Tổ Chức Phát Hành bị tuyên bố đến hạn trước ngày đáo hạn đã định do Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghĩa vụ liên quan đến Khoản Nợ đó mà Tổ Chức Phát Hành không thanh toán đầy đủ Khoản Nợ vào ngày phải trả nợ trước hạn;

(g) *Mất Khả Năng Thanh Toán:* Không ảnh hưởng đến quy định tại Điều Kiện 9.1(d) Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành:

- (i) bị mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản, hoặc thừa nhận không có khả năng thanh toán nợ đến hạn của mình;
- (ii) tiến hành bất kỳ thủ tục nào theo luật phá sản để điều chỉnh lại hoặc trì hoãn bất kỳ nghĩa vụ hoặc phần nghĩa vụ nào của mình liên quan đến toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Phát Hành; hoặc
- (iii) thực hiện hoặc ký kết bất kỳ cam kết chuyển nhượng hoặc thoả thuận với một hoặc nhiều chủ nợ đối với toàn bộ hoặc trên 50% hoạt động kinh doanh, tài sản hoặc nguồn thu theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của Tổ Chức Phát Hành dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành mất khả năng thanh toán.

(h) *Phá Sản, Giải Thể:* (i) Đối với Tổ Chức Phát Hành: Khi một tòa án/cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam ban hành lệnh hoặc quyết định hoặc bản án về việc phá sản, thanh lý hoặc giải thể Tổ Chức Phát Hành hoặc khi Tổ Chức Phát Hành tiến hành bất kỳ thủ tục nào để phá sản, thanh lý hay giải thể chính Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm (trừ trường hợp Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm bị giải thể hoặc thanh lý liên quan đến việc sáp nhập và công ty tồn tại sau sáp nhập sẽ tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ theo Trái Phiếu hoặc nghĩa vụ liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm tương ứng) (gọi tắt là "**Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể**"); (ii) Đối với một Bên Bảo Đảm bất kỳ: Khi có bất kỳ Bên Bảo Đảm nào có Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể và Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được hậu quả của Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể của Bên Bảo Đảm đó hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra Sự Kiện Phá Sản, Giải Thể.

- (i) *Cưỡng Chế Thực Hiện Nghĩa Vụ:* Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền tiến hành thủ tục thi hành án, tịch thu, tịch biên (hoặc bất kỳ thủ tục pháp lý nào khác có hiệu lực tương tự) đối với (i) trên 50% tài sản hoặc doanh thu của Tổ Chức Phát Hành tính theo báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của kỳ lập báo cáo gần nhất và (ii) việc



thi hành án, tịch thu, tịch biên hoặc thủ tục pháp lý đó không được dỡ bỏ hoặc chấm dứt trong thời hạn 60 (sáu mươi) Ngày Làm Việc kể từ lúc bắt đầu;

- (j) *Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh:* Tổ Chức Phát Hành hoặc một Bên Bảo Đảm bất kỳ ngừng hoặc có nguy cơ ngừng tất cả hoặc phần lớn các hoạt động chính của mình; hoặc ngừng hoặc có nguy cơ ngừng thực hiện tất cả hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh chính đang được tiến hành vào Ngày Phát Hành hoặc Tổ Chức Phát Hành; hoặc một Bên Bảo Đảm bất kỳ tiến hành bất kỳ hành động nào làm cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm đó ngừng thực hiện công việc kinh doanh chính của mình hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) công việc kinh doanh hoặc làm cho giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc các giấy tờ tương đương) của Tổ Chức Phát Hành hoặc của Bên Bảo Đảm đó bị thu hồi hoặc hủy bỏ. Để làm rõ, quy định này không bao gồm các trường hợp không tồn tại do việc thanh lý, phá sản, giải thể quy định tại Điều Khoản 9.1(g) và 9.1(h) Các Điều Khoản và Điều Khoản Trái Phiếu. Không trái nội dung điều khoản này, khi một Bên Bảo Đảm bất kỳ có hoặc gây ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh như mô tả bên trên được xem là Sự Kiện Vi Phạm khi Tổ Chức Phát Hành không khắc phục hậu quả của sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh hoặc không bổ sung/thay thế Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo Tỷ Lệ Bảo Đảm đã được quy định tại Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu này trong thời hạn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày xảy ra sự kiện Ngừng Hoạt Động Kinh Doanh này;
- (k) *Bất Hợp Pháp:* Việc Tổ Chức Phát Hành và Các Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan là một bên trong Các Hợp Đồng Trái Phiếu đó trở nên bất hợp pháp theo quy định của pháp luật có liên quan;
- (l) *Cho Phép Và Chấp Thuận:* Tổ Chức Phát Hành không tiến hành hay thực hiện bất kỳ hành động, yêu cầu hoặc thủ tục nào (kể cả việc xin các chấp thuận, phê chuẩn, cho phép hoặc tiến hành việc đăng ký, thông báo) mà cần phải được tiến hành hoặc thực hiện bởi Tổ Chức Phát Hành để: (i) cho phép Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và thực hiện và tuân thủ các nghĩa vụ của mình theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào một cách hợp pháp và/hoặc (ii) đảm bảo rằng các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu, Các Điều Khoản Và Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Các Hợp Đồng Trái Phiếu nào là có tính ràng buộc và có thể thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành mà vi phạm này không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục được Người Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận, trong vòng 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc kể từ ngày vi phạm hoặc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm về vi phạm đó.
- (m) Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của mình bất kể do chịu ảnh hưởng của bên thứ ba hoặc tự ngừng/có nguy cơ ngừng hoạt động kinh doanh gây giảm ít nhất 20% tổng tài sản của Tổ Chức Phát Hành.



- (i) Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc của Tổ Chức Phát Hành vi phạm pháp luật dẫn đến việc bị xét xử hoặc được tin một cách hợp lý là sẽ bị xét xử hình sự, hoặc Tổ Chức Phát Hành bị phạt, bị đình chỉ kinh doanh... do vi phạm pháp luật dẫn đến làm giảm 20% vốn chủ sở hữu theo Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán/soát xét gần nhất.

### 16.2 Biện pháp xử lý khi có sự kiện vi phạm

- (a) Khi một Sự Kiện Vi Phạm xảy ra: mà Tổ Chức Phát Hành không khắc phục được hoặc không có phương án khắc phục trong thời gian quy định về khắc phục Sự Kiện Vi Phạm được quy định tại từng Sự Kiện Vi Phạm:
- (i) Bất kỳ Người Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.
  - (ii) Ngay khi Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu biết (i) có Sự Kiện Vi Phạm xảy ra hoặc (ii) nhận được thông báo theo quy định tại đoạn (i) trên đây, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhưng không có nghĩa vụ xác minh lại thông tin, sẽ gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm được đề cập và việc tuyên bố Trái Phiếu đến hạn;
  - (iii) Sau 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc hoặc một thời hạn khác theo quyết định của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu mà không khắc phục được vi phạm hoặc nhận được thông báo nhưng không phản hồi hoặc Tổ Chức Phát Hành xác nhận về tính hợp lý của Sự Kiện Vi Phạm, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành (đồng thời cũng gửi cho Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm và đăng tải trên website của Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu) để tuyên bố rằng Trái Phiếu ngay lập tức đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại. Trừ trường hợp có cơ sở rõ ràng, đáng tin cậy để xác định Sự Kiện Vi Phạm đã được khắc phục trước khi Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo nêu tại điểm này, các Trái Phiếu sẽ đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trong vòng 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ ngày Trái Phiếu bị tuyên bố đến hạn ("**Ngày Mua Lại Trái Phiếu Trước Hạn**") với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng của 100% mệnh giá Trái Phiếu đó và lãi (kể cả lãi quá hạn) đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên Trái Phiếu đó. Nếu Ngày Mua Lại Trước Hạn không phải là một Ngày Làm Việc, Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu vào Ngày Làm Việc ngay sau đó.
- (b) Nếu Tổ Chức Phát Hành không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán đối với Trái Phiếu được Người Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu mua lại theo Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu, Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm sẽ có quyền xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và phù hợp với quy định pháp luật có liên quan.
- (c) Để tránh nhầm lẫn, Người Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình (mà sẽ thông qua Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm) thực hiện việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm không thể thực hiện việc đó theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.



**17. Phương thức phân phối**

- Các Trái Phiếu được bán cho nhà đầu tư thông qua đại lý phát hành là Công ty cổ phần Chứng khoán MB.

Các trách nhiệm của đại lý phát hành bao gồm các công việc sau:

- ✓ Cung cấp và tiếp nhận bộ hồ sơ đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư;
- ✓ Hướng dẫn Nhà đầu tư đăng ký mua trái phiếu của Công ty;
- ✓ Cập nhật định kỳ danh sách đăng ký mua trái phiếu của Nhà đầu tư cho Tổ Chức Phát Hành trong quá trình chào bán.

- Bảo lãnh phát hành: Không.

**18. Đăng ký mua trái phiếu****18.1 Thời hạn chào bán**

Sau khi Tổ Chức Phát hành được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái phiếu ra công chúng (“Bản Thông báo Phát hành”) theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua trái phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản Thông báo phát hành cho đến ngày kết thúc thời hạn phân phối trái phiếu, đảm bảo thời gian đăng ký mua Trái phiếu cho nhà đầu tư tối thiểu là 20 (hai mươi ngày) và tối đa là 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng có hiệu lực, theo quy định của pháp luật. Thời hạn đăng ký mua Trái Phiếu cụ thể sẽ được Tổ Chức Phát Hành công bố chính thức và nêu chi tiết tại Bản Thông Báo Phát Hành.

**18.2 Tổng số lượng Trái phiếu chào bán: 3.000.000 (ba triệu) Trái phiếu****18.3 Đối tượng đăng ký mua: Tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật****18.4 Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu**

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.000 Trái Phiếu tương đương 100.000.000 VND (Bằng chữ: Một trăm triệu đồng) mệnh giá Trái Phiếu.
- Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 200 Trái Phiếu tương đương 20.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi triệu đồng) mệnh giá Trái Phiếu.

**18.5 Phương thức đăng ký mua**

Trái phiếu được phân bổ cho nhà đầu tư theo nguyên tắc công bằng, công khai, Đại lý phát hành sẽ phân phối trên cơ sở số trái phiếu chào bán và tỷ lệ số trái phiếu đăng ký của từng đối tượng so với tổng số đăng ký theo công thức sau:

$$\text{Số trái phiếu nhà đầu tư được mua} = \frac{\text{Số trái phiếu chào bán}}{\text{Số trái phiếu từng nhà đầu tư đăng ký mua}} \times \text{Tổng số trái phiếu các nhà đầu tư đăng ký mua}$$

Trường hợp, trái phiếu chia theo tỷ lệ bị lẻ đến hàng đơn vị, Đại lý phát hành sẽ cắt bỏ số trái phiếu lẻ đến hàng thập phân của những nhà đầu tư có số lượng đặt mua ít để dồn vào cho nhà đầu tư có số lượng đặt mua cao nhất (ưu tiên số lượng) trong số những người đặt mua; trường



hợp có nhiều nhà đầu tư cùng có khối lượng đặt mua lớn như nhau, thì số lượng trái phiếu lẻ cộng dồn sẽ được phân phối cho nhà đầu tư đăng ký mua sớm hơn (ưu tiên thời gian); Để tránh nhầm lẫn, việc đăng ký mua Trái phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành và hợp lệ khi nhà đầu tư đăng ký thông qua Đại lý Phát hành và thanh toán đầy đủ tiền mua Trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu. Trong trường hợp nhà đầu tư đã đăng ký nhưng không hoàn thành việc thanh toán tiền mua Trái phiếu trong thời gian do Tổ Chức Phát Hành quy định, việc đăng ký coi như không có giá trị.

#### 18.6 Phương thức thanh toán

Nhà đầu tư đăng ký và chuyển khoản tiền mua Trái phiếu vào tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành với thông tin như dưới đây:

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Thuận Đức
- Số tài khoản: 266881236666
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thanh Xuân.

#### 18.7 Phương thức chuyển giao

Trái Phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký tại VSDC.

#### 18.8 Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu

(i) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu, Nhà Đầu Tư sẽ nhận được trả lại tiền đặt mua Trái Phiếu theo cách thức và thời hạn như sau:

- Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

(ii) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho Nhà đầu tư tương ứng tỷ lệ đặt mua của từng Nhà đầu tư. Số tiền thừa do Trái Phiếu đăng ký mua của Nhà Đầu Tư cao hơn so với Trái Phiếu được phân phối sẽ được trả lại cho Nhà Đầu Tư theo cách thức và thời gian như sau:

- Thời gian: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành
- Cách thức: Chuyển vào tài khoản chứng khoán/tài khoản ngân hàng của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

Trong trường hợp số lượng Trái Phiếu được phân bổ cho Nhà đầu tư thấp hơn số lượng đặt mua tối thiểu thì Nhà đầu tư vẫn được coi là đã đăng ký mua thành công với số lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.

#### 19. Lịch trình dự kiến phân phối trái phiếu

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng	T
2	Công bố thông tin về việc chào bán	Từ T+1 đến T+7



TT	Nội dung công việc	Thời gian
3	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái phiếu: nhà đầu tư đăng ký mua và nộp tiền	Từ T+7 đến T+27
4	Tổ Chức Phát Hành kết thúc việc nhận đăng ký mua và nộp tiền đăng ký mua Trái Phiếu	T+27
5	Báo cáo kết quả phát hành gửi UBCKNN và thực hiện CBTT về kết quả phát hành	Từ T+27 đến T+35

**20. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng**

Trái phiếu được tự do chuyển nhượng. Ngay sau khi hoàn tất đợt phát hành, toàn bộ Trái phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký với VSDC và niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hà Nội.

**21. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Trái phiếu**

- Tên người thụ hưởng: Công ty cổ phần Thuận Đức
- Số tài khoản: 266881236666
- Ngân hàng nơi mở tài khoản: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Thanh Xuân.

**22. Ý kiến của cơ quan có thẩm quyền về đợt chào bán trái phiếu ra công chúng của Tổ chức Phát hành**

Không có.

**23. Các loại thuế có liên quan**

Những nội dung tóm tắt dưới đây không phải là những phân tích có tính toàn diện về các điểm cần lưu ý về thuế có thể ảnh hưởng tới quyết định mua, sở hữu hoặc bán Trái Phiếu và không nhằm mục đích giải quyết các vấn đề về thuế đối với các nhà đầu tư. Vì vậy, các nhà đầu tư Trái Phiếu nên tham khảo ý kiến các chuyên gia về các loại thuế có liên quan áp dụng đối với những trường hợp cụ thể.

**(a) Thuế thu nhập cá nhân**

Thu nhập từ lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu của cá nhân được xem là thu nhập chịu thuế theo hướng dẫn tại Thông tư số 111/2013/TT-BTC được sửa đổi và bổ sung tại Thông tư số 92/2015/TT-BTC và sẽ được khấu trừ với mức như sau:

- Thu nhập từ lãi Trái Phiếu được xem là thu nhập đầu tư vốn. Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập đầu tư vốn là 5%.
- Thu nhập từ chuyển nhượng Trái Phiếu được xem là khoản thu nhập từ chuyển nhượng vốn (chứng khoán). Thuế suất Thuế thu nhập cá nhân với thu nhập từ chuyển nhượng vốn là 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần.

**(b) Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Các tổ chức được thành lập và hoạt động theo quy định của pháp luật Việt Nam và các tổ chức được thành lập và hoạt động theo pháp luật nước ngoài (tổ chức nước ngoài) đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai doanh thu chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 78/2014/TT-BTC được sửa đổi bổ sung tại Thông tư số 96/2015/TT-BTC sẽ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp.



Các tổ chức nước ngoài không đáp ứng đủ điều kiện áp dụng phương pháp kê khai thuế thu nhập doanh nghiệp trên cơ sở kê khai doanh thu chi phí sẽ được khấu trừ và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp trên thu nhập từ lãi thu được từ Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu theo quy định tại Thông tư 103/2014/TT-BTC với mức thuế suất áp dụng như sau:

- Mức thuế suất áp dụng đối với lãi từ Trái Phiếu là 5%;
- Mức thuế suất áp dụng đối với thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu là 0,1% trên tổng doanh thu chuyển nhượng Trái Phiếu tại thời điểm chuyển nhượng.

(c) Thuế giá trị gia tăng

Theo các quy định tại Thông tư 219/2013/TT-BTC, lãi Trái Phiếu và thu nhập từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu thuộc đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng.

(d) Khấu trừ thuế

Các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán sau khi đã khấu trừ bất kỳ loại thuế, phí hoặc bất cứ loại lệ phí nào ("Thuế") do bất kỳ cơ quan có thẩm quyền hoặc bất kỳ cơ quan nào của Chính phủ Việt Nam có quyền ban hành hoặc áp dụng thuế.

Chi phí hành chính liên quan đến Chuyển Quyền Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do VSDC ấn định khi Trái Phiếu được Chuyển Quyền Sở Hữu, theo quy định của pháp luật và thông lệ thị trường. Để làm rõ, khoản tiền mà Tổ Chức Phát Hành thanh toán theo Trái Phiếu sẽ là khoản tiền còn lại sau khi đã khấu trừ Thuế và Tổ Chức Phát Hành không phải thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào để bù đắp cho Người Sở Hữu Trái Phiếu.

## **24. Thông tin về các cam kết**

### **24.1 Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư:**

Tổ Chức Phát Hành cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền lợi và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.

### **24.2 Cam kết về thực hiện niêm yết trái phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán:**

Tổ Chức Phát Hành có trách nhiệm hoàn tất hồ sơ niêm yết Trái Phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán ngay khi có thể sau ngày hoàn tất đăng ký Trái Phiếu tại VSDC nhưng không chậm hơn ba mươi (30) ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán và sau đó sẽ duy trì việc niêm yết Trái Phiếu chứng nào còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành nhằm đảm bảo đủ điều kiện niêm yết và giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.

### **24.3 Cam kết khác liên quan đến đợt chào bán:**

Tổ Chức Phát Hành cam kết rằng Công ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích. Tổ Chức Phát Hành hoàn toàn chịu trách nhiệm nếu vi phạm cam kết.

## **25. Thông tin về các chứng khoán khác được chào bán, phát hành trong cùng đợt**

Đại hội đồng cổ đông bất thường Công ty cổ phần Thuận Đức thông qua phương án phát hành thêm cổ phiếu ra công chúng tại Nghị quyết số 0809/2023/NQ-ĐHĐCĐ-TDP ngày 08/09/2023.



Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường, hiện nay Công ty cổ phần Thuận Đức đang nộp hồ sơ đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, với phương án đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua như sau:

Tổng số lượng cổ phiếu dự kiến chào bán thêm: 7.552.799 cổ phiếu

Tổng giá trị cổ phiếu dự kiến chào bán theo mệnh giá: 75.527.990.000 đồng

Giá chào bán dự kiến: 15.000 đồng/cổ phiếu

Đối tượng chào bán: Cổ đông hiện hữu tại ngày chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm

Tỷ lệ thực hiện quyền: 10:01

Số tiền thu được dự kiến từ đợt phát hành: 113.291.985.000 đồng

Mục đích sử dụng vốn: Công ty dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu để thanh toán các khoản vay các ngân hàng và các tổ chức tài chính khác.

## **26. Địa chỉ đăng ký**

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu được ghi dưới đây:

*Công ty cổ phần Thuận Đức*

Địa chỉ: Thôn Bằng Ngang, Thị trấn Lương Bằng, Huyện Kim Động, Tỉnh Hưng Yên

Điện thoại : (+84) 221.3810.705

Website : <http://thuanducjsc.vn/>

Người nhận : Ông Nguyễn Đức Cường – Chủ tịch HĐQT

## **27. Luật điều chỉnh**

Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu sẽ được điều chỉnh và giải thích theo luật Việt Nam. Bất kỳ tranh chấp nào phát sinh từ và/hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Khoản và Điều Kiện Trái Phiếu trước hết được giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải trên tinh thần hợp tác và các bên cùng có lợi. Trường hợp không tự thương lượng, hòa giải được thì mỗi bên có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền tại Việt Nam giải quyết vụ việc.

## **VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN**

Tổ Chức Phát Hành dự kiến dùng vốn huy động được từ đợt chào bán Trái Phiếu để để cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể thanh toán một phần và hoặc toàn bộ các khoản thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn/dài hạn, trái phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

## **VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN**

### **1. Kế hoạch sử dụng vốn**

Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng tối đa là 300.000.000.000 VND (Ba trăm tỷ Đồng) sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với mục đích chào bán nêu trên, cụ thể là thanh toán tiền gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các khoản vay ngắn hạn tại các tổ chức tín dụng theo thứ tự ưu tiên giảm dần như sau:



STT	Tên ngân hàng	Nội dung	Giá trị (triệu VND)	Thời gian giải ngân dự kiến
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Trả nợ hợp đồng tín dụng	50.000	Trong năm 2023 – 2024 sau khi có thông báo nhận được báo cáo kết quả đợt chào bán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
2	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân	Trả nợ hợp đồng tín dụng	130.000	
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Hưng Yên	Trả nợ hợp đồng tín dụng	120.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>300.000</b>	

Các hợp đồng tín dụng dự kiến sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng để thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn như sau:

STT	Tên ngân hàng	Hợp đồng tín dụng	Thời hạn hợp đồng	Hạn mức tín dụng của Hợp đồng (VND)
1	Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB)	Hợp đồng tín dụng số 884293823 ngày 25/04/2023 ký giữa Công ty cổ phần Thuận Đức và VIB	12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng (Từ ngày 25/04/2023 đến 25/04/2024)	100.000.000.000
2	Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Thanh Xuân (MB)	Hợp đồng tín dụng số 157763.23.003.1841958.TD ngày 28/8/2023 ký giữa Công ty cổ phần Thuận Đức và MB	Từ ngày 28/08/2023 đến ngày 20/07/2024	260.000.000.000
3	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) – Chi nhánh Hưng Yên	Hợp đồng tín dụng số 2400-LAV-202300838 ngày 09/10/2023 ký giữa Công ty cổ phần Thuận Đức và Agribank	Từ ngày 09/10/2023 đến hết ngày 21/09/2023	300.000.000.000

Căn cứ tình hình thực tế dư nợ vay các ngân hàng trên, tại thời điểm sử dụng vốn, Công ty cam kết sử dụng tiền thu được từ đợt chào bán trái phiếu để thanh toán gốc, lãi và các nghĩa vụ tài chính đến hạn của các Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Các ngân hàng trên đều không có liên quan đến Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng



cho toàn bộ mục đích, Công ty cổ phần Thuận Đức sẽ ưu tiên dùng số vốn thu được để thực hiện các mục đích theo thứ tự ưu tiên giám đốc nêu trên.

Tổ chức Phát hành dự kiến sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ chức Phát hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu hợp pháp khác để bù đắp trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích dự kiến.

## 2. Kế hoạch trả nợ

### 2.1 Thanh toán gốc, lãi Trái Phiếu

- Thanh toán lãi Trái Phiếu: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 03 tháng/lần. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng nguồn lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư.
- Thanh toán gốc: Tùy tình hình thị trường thực tế. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng nguồn thu hợp pháp từ hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành bao gồm (i) nguồn thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty (ii) các nguồn thu từ hoạt động tài chính và các nguồn thu khác để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi đến hạn.

### 2.2 Kế hoạch kinh doanh

Căn cứ theo kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Công ty cổ phần Thuận Đức trong vòng 03 năm tới, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ có đủ nguồn tiền để thanh toán đầy đủ tiền gốc và lãi Trái Phiếu trong kỳ hạn Trái phiếu.

Dự kiến kế hoạch doanh thu lợi nhuận, tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn vay của Tổ Chức Phát Hành như sau:

❖ **Dự kiến về kế hoạch tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn vay của Tổ Chức Phát hành trong giai đoạn 2023-2027**

Đơn vị: Tỷ đồng

ST T	Nội dung	Đơn vị	31/12/2023	31/12/2024	31/12/2025	31/12/2026	31/12/2027
I	Tổng tài sản	Tỷ đồng	3.255	3.406	3.593	4.050	4.250
I	Tiền và tương đương tiền	Tỷ đồng	174	101	363	250	280
II	Tổng vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	936	1.207	1.397	1.617	1.766
1	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	936	1.207	1.397	1.617	1.766
	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	755	937	1.050	1.176	1.317
III.	Nợ dài hạn	Tỷ đồng	80	337	327	322	30
1	Vay dài hạn	Tỷ đồng	59	337	327	322	30
1.	Trong đó: số dư gốc trái phiếu lần này.	Tỷ đồng	-	300	300	300	-
2	Vay khác	Tỷ đồng	21	-	-	-	-

Ghi chú: (\*) Số dư vay gốc trái phiếu này giảm từ 300 tỷ đồng năm 2026 xuống còn 0 đồng năm 2027 do Tổ Chức Phát Hành dự kiến trả gốc cuối kỳ tại Ngày đáo hạn.



Dự kiến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành giai đoạn 2023-2027

Đơn vị: Tỷ đồng

Nội dung	Ghi chú	Đơn vị	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	Năm 2027
<b>I. Doanh thu, thu nhập</b>	<b>(I)=(1)+(2)+(3)</b>	Tỷ đồng	<b>3.686</b>	<b>3.793</b>	<b>3.639</b>	<b>3.685</b>	<b>3.756</b>
1. Doanh thu thuần	(1) =-(1a)+(1b)	Tỷ đồng	3.632	3.736	3.568	3.614	3.685
Doanh thu nội địa	(1a)	Tỷ đồng	2.932	2.286	2.360	2.406	2.453
Doanh thu xuất khẩu	(1b)	Tỷ đồng	700	1.450	1.208	1.208	1.232
2. Doanh thu tài chính	(2)	Tỷ đồng	51	52	69	69	69
3. Thu nhập khác	(3)	Tỷ đồng	3	5	2	2	2
<b>II. Chi phí</b>	<b>(II)=(II.1)+(II.2)+(II.3)+(II.4)+(II.5)</b>	Tỷ đồng	<b>3.597</b>	<b>3.548</b>	<b>3.405</b>	<b>3.434</b>	<b>3.470</b>
1. Giá vốn hàng bán	(II.1)	Tỷ đồng	3.316	3.228	3.108	3.148	3.191
Trong đó chi phí khấu hao TSCĐ		Tỷ đồng	50	53	51	56	60
2. Chi phí tài chính	(II.2)	Tỷ đồng	169	164	146	128	111
Chi phí lãi vay (**)		Tỷ đồng	169	164	146	128	111
Trong đó chi phí lãi Trái phiếu		Tỷ đồng		25,2	33,6	33,6	8,4
3. Chi phí bán hàng	(II.3)	Tỷ đồng	46	84	73	73	74
4. Chi phí Quản lý doanh nghiệp	(II.4)	Tỷ đồng	63	69	76	83	92
5. Chi phí khác	(II.5)	Tỷ đồng	3	3	2	2	2
<b>III. Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>(III)= (I)-(II)</b>	Tỷ đồng	<b>89</b>	<b>245</b>	<b>234</b>	<b>251</b>	<b>286</b>
<b>IV. Chi phí thuế TNDN</b>	<b>(IV)</b>	Tỷ đồng	<b>18</b>	<b>49</b>	<b>47</b>	<b>50</b>	<b>57</b>
<b>V. Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>(V)= (III)-(IV)</b>	Tỷ đồng	<b>71</b>	<b>196</b>	<b>187</b>	<b>201</b>	<b>229</b>
EBIT		Tỷ đồng	258	409	380	379	397
EBITDA		Tỷ đồng	308	462	431	435	457

Ghi chú (\*\*): Chi phí lãi vay nêu trên từ 2024 tới 2027 đã bao gồm chi phí lãi vay của Trái phiếu lần này.

Như vậy, theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán các nợ lãi và gốc đến hạn, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và các Trái Phiếu đang dự kiến chào bán.

Dự kiến về kế hoạch tổng tài sản, vốn chủ sở hữu và vốn vay của Tổ Chức Phát hành trong giai đoạn 2023-2027 và Dự kiến kế hoạch doanh thu, lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành giai đoạn 2023-2027 đã được Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thuận Đức thông qua tại Nghị quyết số 2912/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng – Trái phiếu TDPH2326001.

Với Phương án phát hành trái phiếu có kỳ hạn dài và mục đích trả các khoản nợ theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn các ngân hàng, Công ty đưa ra kịch bản kết quả kinh doanh an toàn, khả thi,



đảm bảo phù hợp để trả các khoản lãi trái phiếu đến hạn, nợ gốc trái phiếu sẽ được tích lũy bằng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh của Công ty hàng kỳ.

Kế hoạch năm 2023 được xây dựng trên cơ sở các hợp đồng lớn đã được ký kết đang thực hiện tại Bảng 18 – Mục 8.4. Các hợp đồng lớn.

❖ **Kế hoạch thanh toán nợ chi tiết của Tổ Chức Phát Hành**

Theo kế hoạch kinh doanh, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh sau khi trừ đi các chi phí vẫn đủ để thanh toán các khoản lãi và nợ gốc, bao gồm các khoản nợ đã phát sinh và Trái Phiếu đang dự kiến chào bán. Bảng dưới đây thể hiện kế hoạch thanh toán dự kiến của Tổ Chức Phát Hành trong trường hợp không phát sinh việc mua lại Trái Phiếu trước hạn, cụ thể:

Lần thanh toán	Thời điểm	Chi phí lãi TCPH phải trả dự kiến (VNĐ) (***)	Gốc phải trả (VNĐ)
Lần thanh toán thứ 1	03 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 2	06 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 3	09 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 4	12 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 5	15 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 6	18 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 7	21 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 8	24 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 9	27 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 10	30 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 11	33 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	-
Lần thanh toán thứ 12	36 tháng kể từ Ngày phát hành	8.400.000.000	300.000.000.000
<b>Tổng cộng</b>		<b>100.800.000.000</b>	<b>300.000.000.000</b>

Ghi chú (\*\*\*) : Chi tiết lãi Tổ Chức Phát Hành phải trả tại từng Ngày Thanh Toán Lãi sẽ được tính toán cụ thể và chính xác dựa trên số ngày dư nợ thực tế trong Kỳ Hạn Trả Lãi đó trên cơ sở 1 năm có 365 ngày.

[Phần còn lại của trang này được cố ý để trống]



## IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

**Tổ chức Tư vấn và Đại Lý Phát Hành, Đại Diện Người Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ chức Quản lý Tài sản Bảo Đảm**

### **Công ty cổ phần Chứng khoán MB**

Địa chỉ: Tầng 7-8, tòa nhà MB, số 21 Cát Linh, phường Cát Linh, Q.Đống Đa, TP.Hà Nội.

Điện thoại: +84 24 7304 5688

Website: [www.mbs.com.vn](http://www.mbs.com.vn)

### **Tổ chức kiểm toán**

**Tổ chức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021, năm 2022 và soát xét bán niên 2023:**

### **Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, CornerStone Building, 16 Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, TP.Hà Nội.

Điện thoại: (024) 3831 5100

Website: [www.ey.com](http://www.ey.com)

### **Ý kiến của Tổ chức Tư vấn về đợt chào bán ra công chúng**

Trên cơ sở các thông tin mà Tổ chức tư vấn đã thu thập được về Công ty cổ phần Thuận Đức và đợt phát hành trái phiếu ra công chúng, với tư cách là tổ chức tư vấn hồ sơ đăng ký chào bán, Công ty cổ phần Chứng Khoán MB có một số nhận định như sau:

Công ty cổ phần Thuận Đức phát hành trái phiếu ra công chúng với tổng giá trị trái phiếu phát hành theo mệnh giá là 300 tỷ đồng, kỳ hạn trái phiếu 3 năm, có tài sản bảo đảm với mục đích cơ cấu lại các khoản nợ.

Bên cạnh những rủi ro đã được đề cập trong Bản cáo bạch này, MBS đánh giá việc phát hành trái phiếu từ đợt phát hành này là cần thiết phù hợp với nhu cầu sử dụng vốn của công ty và mang tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán.

*Tổ Chức Tư Vấn cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Tư Vấn được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Tư Vấn đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.*

## X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.



**XI. NGÀY THÁNG, CHỮ KÝ, ĐÓNG DẤU CỦA ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

Hưng Yên, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THUẬN ĐỨC**

**Chủ tịch HĐQT**



**Nguyễn Đức Cường**

**Tổng Giám đốc**

**Bùi Quang Sỹ**

**Kế toán trưởng**

**Đào Thị Nga**



Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2023

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MB**  
**Phó Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư**



*[Handwritten signature]*  
**Lê Thị Thu Hiền**



## XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 17/07/2023.
2. **Phụ lục II:**
  - i. Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành số 1105/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 11/05/2023 phê duyệt phương án phát hành Trái Phiếu, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng và các nội dung khác có liên quan;
  - ii. Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành số 1708/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 17/08/2023 thông qua việc bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1105/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 11/05/2023.
  - iii. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1411/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết.
  - iv. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2912/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng – Trái phiếu TDPH2326001.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 3 năm 2023.
5. **Phụ lục V:** Văn bản số 02/2023/CV-TDP ngày 12/05/2023 về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
6. **Phụ lục VI:**

Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01A/2023/BHA/TDP- MBS giữa Tổ Chức Phát Hành và MBS ngày 18/08/2023;
7. **Phụ lục VIII:**

Hợp đồng Quản lý Tài sản Bảo đảm số 01A/2023/QLTS/MBS-TDP ngày 18/08/2023.
8. **Phụ lục IX:**

Chứng thư kết quả xếp hạng tín nhiệm CTCP Thuận Đức số 11/2023/CTKQXH-SGR ngày 02/11/2023 của CTCP Sài Gòn Phát Thịnh Ratings.



## XII. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0503000198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp lần đầu ngày 22/01/2007, cấp thay đổi số 0900264799 lần thứ 15 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên ngày 17/07/2023.
2. **Phụ lục II:**
  - i. Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành số 1105/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 11/05/2023 phê duyệt phương án phát hành Trái Phiếu, phương án sử dụng và trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng và các nội dung khác có liên quan;
  - ii. Nghị quyết Hội đồng Quản trị của Tổ Chức Phát Hành số 1708/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 17/08/2023 thông qua việc bổ sung, chỉnh sửa một số nội dung của Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1105/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 11/05/2023.
  - iii. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 1411/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 14/11/2023 về việc điều chỉnh phương án sử dụng vốn chi tiết.
  - iv. Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 2912/2023/NQ-HĐQT-TDP ngày 29/12/2023 về việc điều chỉnh phương án trả nợ vốn thu được từ đợt chào bán trái phiếu ra công chúng – Trái phiếu TDPH2326001.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty
4. **Phụ lục IV:** Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2021, 2022 đã được kiểm toán. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất giữa niên độ năm 2023 đã được soát xét. Báo cáo tài chính riêng và hợp nhất quý 3 năm 2023.
5. **Phụ lục V:** Văn bản số 02/2023/CV-TDP ngày 12/05/2023 về việc cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác.
6. **Phụ lục VI:**

Hợp đồng Đại diện Người Sở Hữu Trái Phiếu số 01A/2023/BHA/TDP- MBS giữa Tổ Chức Phát Hành và MBS ngày 18/08/2023;
7. **Phụ lục VIII:**

Hợp đồng Quản lý Tài sản Bảo đảm số 01A/2023/QLTS/MBS-TDP ngày 18/08/2023.
8. **Phụ lục IX:**

Chứng thư kết quả xếp hạng tín nhiệm CTCP Thuận Đức số 11/2023/CTKQXH-SGR ngày 02/11/2023 của CTCP Sài Gòn Phát Thịnh Ratings.